VINASEED®

A MEMBER OF THE PAN GROUP

2019 Annual Report

SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2019

01 GIỮ VỮNG VỊ THẾ DẪN ĐẦU NGÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

85.000tấn
Sản lượng

1.518tỷ
Doanh thu

20%
Thị phần cả nước

02 QUẢN TRỊ THÔNG MINH TRÊN NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ 4.0

Vinaseed đã có những bước tiến mạnh mẽ trong việc xây dựng phương thức quản trị sản xuất nông nghiệp tiên tiến, ứng dụng các giải pháp canh tác bền vững

03 KHÁNH THÀNH TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN HẠT GIỐNG VÀ NÔNG SẢN ĐỒNG THÁP

Sự kiện khánh thành Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản tại Đồng Tháp đã viết lên câu chuyện đẹp về hành trình kết nối tinh hoa văn minh lúa nức ba miền Bắc - Trung - Nam.

04 TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ TỐT NHẤT SÀN CKVN; QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH ĐỨNG ĐẦU NGÀNH TRỒNG TRỌT.

Vinh dự được VCCI lựa chọn TOP 10 doanh nghiệp có năng lực quản trị tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam 2019, đã khẳng định uy tín, vị thế của Vinaseed

05 ĐẨY MẠNH HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Thông qua hoạt động nghiên cứu và hợp tác chuyển giao, năm 2019, Vinaseed đã nghiên cứu, chuyển giao 50 giống triển vọng, công nhận chính thức 4 giống mới.

06 QUỸ TẤM LÒNG NHÂN ÁI VINASEED

Nguồn hình thành Quỹ từ sự tình nguyện chung sức của CBNV. Năm 2019, Quỹ đã trao tặng 125 căn nhà an toàn trước thiên tai (trị giá 5 tỷ đồng) tại TT Huế. Trao tặng 50 xuất học bổng học sinh nghèo tại Đồng Tháp. Như vậy, tính đến nay, Vinaseed đang duy trì 120 xuất học bổng (5 triệu đồng/năm.cháu cho đến khi học hết THPT).

MỤC LỤC

01 TỔNG QUAN VỀ VINASEED

- Lịch sử hình thành và phát triển 12
- Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi 14
- Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức 16
- Các chi nhánh, công ty thành viên 18
- Nhân sự chủ chốt 20
- Lĩnh vực kinh doanh chính 30
- Sản phẩm và dịch vụ tiêu biểu 32
- Địa bàn kinh doanh và thị phần 42
- Giải thưởng tiêu biểu 44
- Nhân sự năm 2019 46
- Công nghệ nổi bật 50
- Nền tảng giá trị văn hóa Vinaseed 52

02 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tổng quan ngành nông nghiệp Việt Nam 2019 56
- Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2019 56
- Đầu tư xây dựng cơ bản 58
- Quản trị doanh nghiệp 60
- Đánh giá chung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên 2019 60
- Mục tiêu năm 2020 61

03 BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

- Đặc điểm tình hình 64
- Kết quả hoạt động năm 2019 66
- Mục tiêu năm 2020 72
- Hoạt động của các công ty thành viên 73

04 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2020 - 2023

- Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2020 80
- Thị trường ngành nông nghiệp Việt Nam và triển vọng 2020 82
- Xu hướng phát triển ngành giống cây trồng Việt Nam 83
- Các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược phát triển Tập đoàn. 84
- Mục tiêu chiến lược đến năm 2023 85
- Kế hoạch kinh doanh năm 2020 85

05 BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

- Hoạt động của BKS năm 2019 89
- Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 90
- Báo cáo tài chính và hệ thống tài chính kế toán 90
- Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban TGĐ Tập đoàn 91
- Tình hình thực hiện quy chế tại các đơn vị 91
- Kết luận và kiến nghị 91

06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Thông tin cổ phần 94
- Lịch sử chia cổ tức 94
- Lịch sử tăng vốn điều lệ 95
- Thông tin cổ đông 97
- Thay đổi nhân sự HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2019 99
- Hoạt động của ĐHĐCĐ 99
- Hoạt động của HĐQT 99
- Hoạt động của BKS 103
- Đào tạo quản trị công ty 104
- Thù lao HĐQT, BKS, Tổng giám đốc Tập đoàn 104
- Báo cáo quản trị rủi ro 106

07 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT, TGĐ về phát triển bền vững 114
- Chiến lược phát triển bền vững 116

08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Thông tin chung 136
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 141
- Báo cáo Kiểm toán độc lập 142
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất 144
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 146
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 149

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2019 - là năm có rất nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Thiên tai gây thiệt hại nặng nề, thị trường nông sản khó khăn, kim ngạch xuất khẩu nông sản giảm sút, cùng với đó, chi phí đầu vào cao, hiệu quả sản xuất nông nghiệp thấp, sự chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông nghiệp nói chung và Vinaseed nói riêng.

Năm 2019, Vinaseed đã tập trung nguồn lực đẩy mạnh đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng quy mô, phát triển ngành hàng nông sản (gạo) đặt cơ sở nền tảng vững vàng cho những bước phát triển lớn mạnh trong những năm tiếp theo. Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản tại Đồng Tháp với quy mô 5 ha, bao gồm một nhà máy chế biến và bảo quản hạt giống công suất 50.000 tấn hạt giống/năm và một nhà máy chế biến gạo theo tiêu chuẩn HACCP công suất 100.000 tấn/năm công nghệ hiện đại của Nhật bản, với tổng vốn đầu tư gần 350 tỷ đồng đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12/2019 trở thành khu công nghiệp chế biến giống và nông sản hiện đại nhất Việt Nam hiện nay, nhằm mục tiêu thực hiện chiến lược phát triển chuỗi giá trị lúa gạo khép kín được quản trị sản xuất thông minh trên nền tảng công nghệ 4.0 của Công ty. Đi đôi với đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, Vinaseed tập trung đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có ưu thế cạnh tranh về năng suất, chất lượng và có khả năng chống chịu tốt với biến đổi khí hậu toàn cầu. Thực hiện tái cấu trúc về tổ chức, thị trường, sản phẩm giữa các đơn vị thành viên theo hướng chuyên nghiệp hoá, ứng dụng công nghệ thông tin một cách toàn diện góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Kính thưa Quý vị!

Năm 2020, trong bối cảnh chung của ngành nông nghiệp tiếp tục có nhiều khó khăn và thách thức, trước những tác động nhanh và khó lường của biến đổi khí hậu, hạn hán kéo dài, tình hình xâm ngập mặn tại ĐBSCL ngày càng phức tạp dẫn đến diện tích cây trồng bị giảm mạnh, cơ cấu cây trồng thay đổi nhanh chóng, tình hình dịch bệnh bùng phát. Trước những khó khăn đó, Vinaseed quyết tâm kiện toàn và làm mới mô hình kinh doanh, tổ chức quản trị, tập trung mọi nguồn lực, khai thác mọi cơ hội để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược đề ra, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm.

Xin thay mặt Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và tập thể người lao động Vinaseed, xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý cổ đông, các nhà đầu tư, bạn hàng, đối tác đã luôn ủng hộ, tin tưởng và đồng hành cùng sự phát triển của Công ty. Kính chúc Quý vị và gia đình nhiều sức khỏe, hạnh phúc và ngày càng thành công!

Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc

Trần Kim Liên

DANH MỤC
CÁC CHỮ VIẾT TẮT

UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
HOSE	Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
CTCP	Công ty cổ phần
VINASEED	Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGĐ	Ban Tổng giám đốc
CBTT	Công bố thông tin
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
XDCB	Xây dựng cơ bản
ROA	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản
ROE	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu
ROS	Lợi nhuận ròng/ Doanh thu thuần

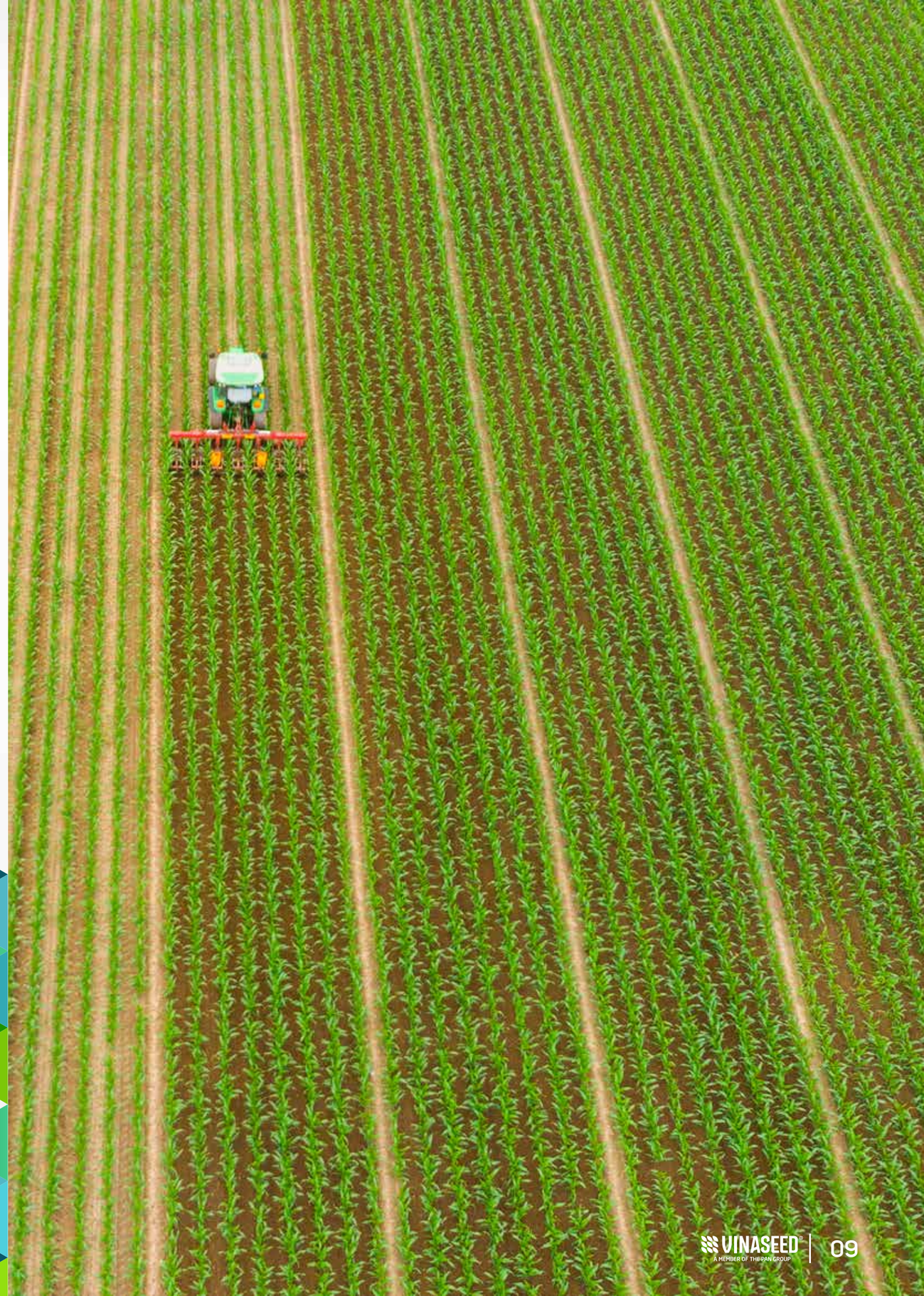

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ VINASEED

Lịch sử hình thành và phát triển	12
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	14
Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức	16
Các chi nhánh, công ty thành viên	18
Nhân sự chủ chốt	20
Lĩnh vực kinh doanh chính	30
Sản phẩm và dịch vụ tiêu biểu	32
Địa bàn kinh doanh và thị phần	42
Giải thưởng tiêu biểu	44
Nhân sự năm 2019	46
Công nghệ nổi bật	50
Nền tảng giá trị văn hóa Vinaseed	52

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Tên tiếng Anh:	Vietnam National Seed Group JSC.
Tên công ty viết tắt:	VINASEED
Mã chứng khoán:	NSC (niêm yết tại HOSE bắt đầu từ 21/12/2006)
Đại diện theo pháp luật:	Bà Trần Kim Liên - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
Trụ sở chính:	Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại & Fax:	(84) 24 38523294 - Fax: (84) 24 38527996
Website:	www.vinaseed.com.vn
Giấy CNĐKKD (và mã số thuế):	0101449271
Vốn điều lệ:	175.869.880.000 đồng

Vinaseed là doanh nghiệp hình thành sớm nhất và đồng hành cùng sự phát triển của ngành giống cây trồng Việt Nam

1968

THÀNH LẬP TRẠI GIỐNG LÚA CẤP I - TRỰC THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT.

1978

THÀNH LẬP CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

1989

THÀNH LẬP CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG I TRÊN CƠ SỞ TÁCH CÔNG TY THÀNH CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG 1 VÀ CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG 2 (NAY LÀ CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM).

2003

CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG 1 THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

2006

TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NIÊM YẾT TRÊN HOSE, MÃ CK: NSC

2019

TÁI CẤU TRÚC THEO MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN, ĐỔI TÊN THÀNH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM, SỐ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN 30 ĐƠN VỊ

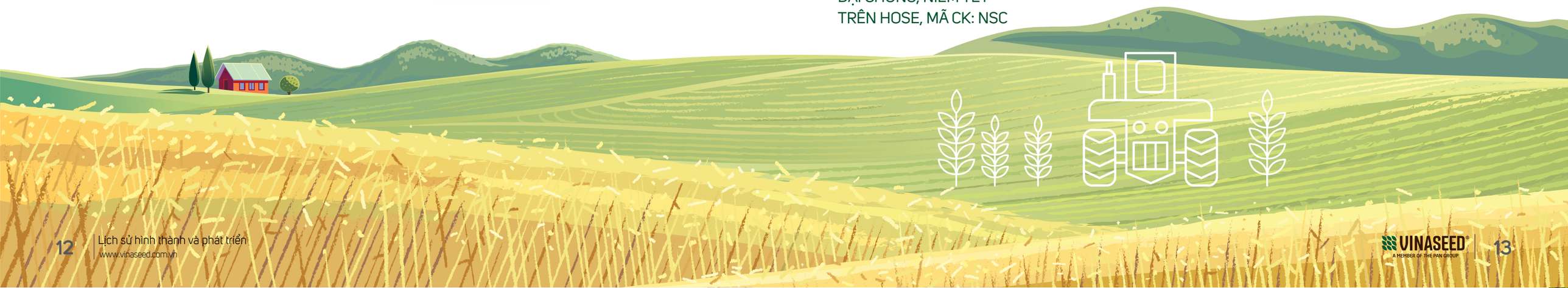

VISION
MISSION
COREVALUES

TẦM NHÌN

Vinaseed phấn đấu trở thành Tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam, thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.

SỨ MỆNH

Bằng tất cả tình cảm, trách nhiệm của mình với cuộc sống, con người và xã hội, Vinaseed cam kết mang đến các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững nhằm thực hiện giấc mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

VINASEED GROUP

VĂN PHÒNG

- PHÒNG TCKT
- PHÒNG KHĐT
- PHÒNG NSHC
- PHÒNG KINH DOANH
- PHÒNG MARKETING
- PHÒNG KD HẠT RAU
- PHÒNG SẢN XUẤT
- PHÒNG QLCL

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

- VINASEED BA VÌ
- VINASEED HÀ NAM
- VINASEED THÁI BÌNH
- VINASEED THANH HOÁ
- VINASEED MIỀN TRUNG
- VINASEED TÂY NGUYÊN
- VINASEED NÔNG SẢN
- VINASEED THƯỜNG TÍN
- CHI NHÁNH TẠI LÀO

TRUNG TÂM R&D

- VRDC CỦ CHI
- VRDC BA VÌ
- VRDC KHOÁI CHÂU
- VRDC LONG KHÁNH
- VRDC LÂM HÀ
- VRDC PHÚ GIÁO
- VRDC CỜ ĐỎ
- VRDC BÌNH TRUNG
- VRDC CHIÊN ĐẢN

CÔNG TY THÀNH VIÊN

- VINARICE
- CTCP GIỐNG CT MIỀN NAM
- CTCP GIỐNG CT HÀ TÂY
- CTCP GIỐNG TW Q.NAM
- HANAM HITECH

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Trước 2004: Thời kỳ doanh nghiệp nhà nước hoạt động bằng vốn ngân sách và theo kế hoạch hóa nhà nước giao.

Từ 2004 – nay: Chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần theo quyết định 5029/QĐ-BNN-TCCB của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam.

CÁC CHI NHÁNH, CÔNG TY THÀNH VIÊN

❖ TRỤ SỞ CHÍNH:

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: 024.38523294 Fax: 024.38527996

❖ VINASEED BA VÌ

Địa chỉ: Xã Đông Quang, H.Ba Vì, Hà Nội.
Điện thoại: 024.3863091 Fax: 024.3864185

❖ VINASEED HÀ NAM

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, H.Duy Tiên, Hà Nam.
Điện thoại: 0226.3835463 Fax: 0226.3835061

❖ VINASEED THÁI BÌNH

Địa chỉ: Xã Đông Hợp, H.Đông Hưng, Thái Bình
Điện thoại: 0227.3851256 Fax: 0227.3550684

❖ VINASEED THANH HÓA

Địa chỉ: Xã Định Tường, H.Yên Định, Thanh Hoá.
Điện thoại/Fax: 0237.3869251

❖ VINASEED MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Số 11, Trần Nhật Duật, TP.Vinh, Nghệ An.
Điện thoại: 0238.3531822 Fax: 0238.3844937

❖ VINASEED TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: Xóm 4, xã Eatu, TP.Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk.
Điện thoại: 0262.3873816 Fax: 0262.3873817

❖ VINASEED KINH DOANH NÔNG SẢN

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, H. Duy Tiên, Hà Nam
Điện thoại: 024.38523294 Fax: 024.38527996

❖ TT NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN TẬP ĐOÀN VINASEED (VRDC)

Địa chỉ: Số 211, đường Bà Thiên, Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP.HCM.
Điện thoại/Fax: 028.37947608 Fax: 028.37941993.
Đơn vị thành viên VRDC: VRDC Ba Vì, VRDC Khoái Châu, VRDC Lâm Hà, VRDC Phú Giáo, VRDC Cờ Đỏ.

❖ VINASEED THƯỜNG TÍN

Địa chỉ: 350 Trần Phú, H.Thường Tín, Hà Nội
Điện thoại/Fax: 024.3853239

❖ CHI NHÁNH TẠI CHDCND LÀO

Địa chỉ: Tỉnh Udomxay, nước CHDCND Lào.
Điện thoại/fax: 0085 681212554.

❖ CÔNG TY TNHH LÚA GẠO VIỆT NAM (VINARICE)

Địa chỉ: CCN Trường Xuân, H.Tháp Mười, Đồng Tháp.
Điện thoại: 0277.6518888 **Fax:** 0277.6516666

❖ CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM (SSC)

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0283.8442414 Fax: 0283.8442387.
Đơn vị thành viên SSC: SSC Trà Vinh, SSC Cờ Đỏ, SSC Cai Lậy, SSC Củ Chi, SSC Tân Hiệp, SSC Lâm Hà, SSC miền Trung, Chi nhánh Campuchia, Văn phòng đại diện Lào

❖ CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW QUẢNG NAM (VINASEED QUANG NAM)

Địa chỉ: Km 943, QL1A, Xã Điện Thắng Bắc, TX.Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0235.3869455 Fax: 0235.3869253
Đơn vị thành viên Vinaseed Quảng Nam:
Xí nghiệp Giống nông lâm nghiệp Chiên Đàn (Quảng Nam)
Xí nghiệp Giống nông nghiệp Bình Trung (Quảng Nam)

❖ CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY (HSC)

Địa chỉ: Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội.
Điện thoại: 0243.3530655 Fax: 0243.3535421
Đơn vị thành viên HSC:
Trại Giống cây trồng Phù Lưu Tế (Hà Nội)
Trại Giống cây trồng Phương Bảng (Hà Nội).

❖ CÔNG TY CP ĐT VÀ PT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HÀ NAM (HANAM HITECH)

Địa chỉ: Xóm 2, xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 0226.3652888 Fax: 0226.3652666

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017 - 2021

VINASEED®
A MEMBER OF THE PAN GROUP

BÀ NGUYỄN TRÀ MY

Thành viên HĐQT
Trình độ: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

1993 - 1995: Trợ lý TGĐ tại Công ty International Business Advisor.

1995 - 2012: Giám đốc tài chính kiêm Phó TGĐ Biomin Việt Nam.

2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ công ty CP CSC Việt Nam.

2013 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Đồng sáng lập, TGĐ The Pan Group.

2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Pan Farm, Chủ tịch HĐQT Pan - Hulic, Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC), thành viên HĐQT Vinaseed.

BÀ TRẦN KIM LIÊN

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
Trình độ: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật.

1980 - 1982: Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

1982 - 1995: Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao.

1995 - 1996: Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông CN Đồng Giao.

1996 - 1997: Phó Giám đốc XN Nông CN Đồng Giao.

1997 - 1998: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao.

1998 - 2000: Phó Giám đốc công ty Vật tư và XNK - TCT Rau quả VN.

2000 - 2004: Phó Giám đốc công ty Giống cây trồng TW I.

2015 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT SSC.

2004 - nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Vinaseed.

BÀ LÊ THỊ LỆ HẰNG

Phó Chủ tịch HĐQT
Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

1999 - 2007: Chuyên viên phân tích cấp cao công ty Quản lý Quỹ W. P. Stewart, New York, USA.

2007 - 2010: Giám đốc khối Phân tích và Tư vấn đầu tư, Trợ lý Chủ tịch HĐQT công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI).

2010 - nay: Tổng giám đốc công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM).

2015 - nay: Chủ tịch HĐQT SSC.

2012 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Vinaseed.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017 - 2021 *(Tiếp theo)*

ÔNG ĐỖ BÁ VỌNG

Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Trình độ: Kỹ sư Nông học

1993 - 1994: Phó Giám đốc Vinaseed Khoái Châu

1994 - 2001: Giám đốc Vinaseed Khoái Châu

2001 - 2004: Giám đốc Vinaseed Hà Nam

2015 - nay: Thành viên HĐQT SSC.

2004 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ phụ trách KHKT Vinaseed, Giám đốc Trung tâm VDRC.

ÔNG NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

2011 - 2012: Chuyên viên phân tích tài chính CT TNHH QL quỹ FPT.

2012 - 2013: Chuyên viên khối khách hàng tổ chức - NH VietinBank

2013 - 2017: Giám đốc Kế hoạch & Đầu tư Vinaseed.

2016 - nay: Thành viên HĐQT Pan Farm, Chủ tịch HĐQT Hanam Hitech, Thành viên BKS HSC

4/2017 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Vinaseed.

ÔNG TRẦN ĐÌNH LONG

Thành viên HĐQT
Trình độ: Giáo sư, Viện sỹ, Tiến sỹ khoa học.

1967 - 1981: Giảng viên Đại học Nông nghiệp I, Đại học Nông nghiệp II

1981 - 1983: Thực tập sinh tại LB Nga

1983 - 1993: Giám đốc Trung tâm Giống cây trồng Việt Nga

1993 - 2002: Phó Viện Trưởng Viện KHKT Nông nghiệp Việt Nam

2002 - 2003: Giám đốc Trung tâm thực nghiệm Đậu Đỗ.

2003 - nay: Chủ tịch Hội giống cây trồng Việt Nam (VSA); Ủy viên UBTW MTTQ Việt Nam, UV Hội đồng tư vấn về Khoa học - Giáo dục và Môi trường, UBTW MTTQ Việt Nam; Ủy viên Hội đồng quản lý quỹ Chương trình và Dự án hỗ trợ An sinh xã hội (AFV), UV Hội đồng KHCN viện KH Nông nghiệp Việt Nam (VAAS), Ủy viên HĐKH viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Trung tâm Tài nguyên Thực vật. Chủ tịch HĐQT Trung tâm đào tạo Kiến thức cộng đồng (CKC); Viện trưởng Viện Môi trường và Nông nghiệp ECO; UV HĐQT Pan Farm.

2004 - nay: Thành viên HĐQT Vinaseed.

ÔNG NGUYỄN KHÁNH QUỲNH

Thành viên HĐQT
Trình độ: Thạc sỹ QTKD

2001- 2002: Nhân viên kinh doanh XNK Tập đoàn Sunhouse.

2002 - 2004: Phụ trách mua hàng nông sản XK khu vực Miền Trung - OLAM Việt Nam.

2004 - 2006: Chuyên viên tài trợ thương mại XNK - Ngân hàng Mizuho Corporate Bank, CN Hà Nội.

2008 - 2010: Chuyên viên phân tích đầu tư CT TNHH quản lý Quỹ SSI.

2010 - 2014: Phó Giám đốc đầu tư - CT TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM).

2015 - 2017: Thành viên BKS SSC.

2014 - 2017: Giám đốc Đầu tư - công ty TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM).

2012 - 2015: Thành viên BKS Vinaseed

2015 - 4/2019: Trưởng BKS Vinaseed.

8/2018 - nay: Giám đốc Đầu tư và phát triển Kinh doanh The Pan Group.

2019 - nay: Thành viên BKS - CT CP Khử trùng Việt Nam.

4/2019 - nay: Thành viên HĐQT Vinaseed

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2021

BÀ VŨ THỊ LAN ANH

Trưởng ban Kiểm soát
Trình độ: Cử nhân QTKD

2007 - 2012: Kiểm toán viên công ty TNHH Kiểm toán Ernst &Young VN.

2012 - 2015: Chuyên viên Kế toán cao cấp công ty TNHH Khai thác và chế biến khoán sản Núi Pháo - Tập đoàn Masan.

2015 - nay: Kế toán trưởng The Pan Group.

2016 - nay: Q. Kế toán trưởng PAN Farm.

4/2018 - 4/2019: Thành viên BKS Vinaseed.

4/2019 - nay: Trưởng BKS Vinaseed.

ÔNG ĐỖ TIẾN SỸ

Thành viên ban Kiểm soát
Trình độ: Thạc sỹ Kinh tế

2000 - 7/2000: Phó GĐ Vinaseed Ba Vì

8/2000 - 3/2001: Phó phòng Kinh doanh Vinaseed.

2001 - 2004: Trưởng phòng Kinh doanh Vinaseed.

2004 - 2010: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Vinaseed.

2010 - 2012: Ủy viên HĐQT Vinaseed.

2010 - 2016: Giám đốc Kinh doanh Vinaseed.

2016 - 3/2019: Giám đốc Vinaseed Quảng Nam.

8/2019 - nay: Tổng giám đốc SSC.

2012 - nay: Thành viên BKS Vinaseed.

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên ban Kiểm soát
Trình độ: Thạc sỹ TC Ngân hàng

2008 - 2010: Trưởng nhóm Kiểm toán, công ty TNHH KPMG Việt Nam.

2010 - 2011: Chuyên viên khối dịch vụ ngân hàng đầu tư, CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI).

2012 - 2015: Phó phòng dịch vụ kiểm toán, thẩm định giao dịch công ty TNHH KPMG Việt Nam.

2015 - 2016: Chuyên viên cao cấp phân tích tài chính The Pan Group.

2016 - 2017: Thành viên BKS công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre.

2017 - 2018: Giám đốc vận hành CTCP Pan - Hulic.

4/2018 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Pan - Hulic.

10/2018 - 4/2019: Thành viên BKS công ty SSC.

2018 - nay: Thư ký HĐQT The Pan Group.

4/2019 - nay: Thành viên BKS Vinaseed.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÀ TRẦN KIM LIÊN

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
Trình độ: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật.

1980 - 1982: Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

1982 - 1995: Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao.

1995 - 1996: Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông CN Đồng Giao.

1996 - 1997: Phó Giám đốc XN Nông CN Đồng Giao.

1997 - 1998: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao.

1998 - 2000: Phó Giám đốc công ty Vật tư và XNK - TCT Rau quả VN.

2000 - 2004: Phó Giám đốc công ty Giống cây trồng TW I.

2015 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT SSC.

2004 - nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Vinaseed.

ÔNG ĐỖ BÁ VỌNG

Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Trình độ: Kỹ sư Nông học

1993 - 1994: Phó Giám đốc Vinaseed Khoái Châu

1994 - 2001: Giám đốc Vinaseed Khoái Châu

2001 - 2004: Giám đốc Vinaseed Hà Nam

2015 - nay: Thành viên HĐQT SSC.

2004 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ phụ trách KHKT Vinaseed, Giám đốc Trung tâm VDRC.

ÔNG NGUYỄN HẢI THỌ

Phó Tổng giám đốc
Trình độ: Kỹ sư Nông nghiệp

1984 - 1996: Cán bộ chỉ đạo chế biến Vinaseed Thường Tín.

1996 - 2003: Phó Giám đốc Vinaseed Thường Tín.

2004 - 2007: Phó phòng Thị trường Kinh doanh Vinaseed.

2007 - 2010: Trưởng phòng phát triển sản phẩm mới Vinaseed.

2010 - 2018: Giám đốc Vinaseed Ba Vì.

2/2020 - nay: Tổng giám đốc Hanam Hitech.

2011 - nay: Phó Tổng giám đốc Vinaseed.

ÔNG NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Trình độ: Thạc sỹ Tài chính

2011 - 2012: Chuyên viên phân tích tài chính CT TNHH QL quỹ FPT.

2012 - 2013: Chuyên viên khối khách hàng tổ chức - NH VietinBank

2013 - 2017: Giám đốc Kế hoạch & Đầu tư Vinaseed.

2016 - nay: Thành viên HĐQT Pan Farm, Chủ tịch HĐQT Hanam Hitech, Thành viên BKS HSC

4/2017 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Vinaseed.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(Tiếp theo)*

ÔNG DƯƠNG QUANG SÁU

Phó Tổng giám đốc
Trình độ: Thạc sỹ nông nghiệp

1998 - 2002: Cán bộ sản xuất Vinaseed Hà Nam.
2002 - 2005: Cán bộ sản xuất công ty CP Hưng Nông.
2005 - 2010: Cán bộ sản xuất Vinaseed.
2010 - 2013: Phó phòng sản xuất Vinaseed.
2013 - 1018: Giám đốc sản xuất 1 - Vinaseed.
2/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất Vinaseed.

ÔNG PHẠM TRUNG DŨNG

Phó Tổng giám đốc
Trình độ: Cử nhân QTKD

2001 - 2003: Nhân viên Kinh doanh Kona Việt Nam.
2003 - 2005: Nhân viên phòng Tổng hợp Vinaseed.
2005 - 2006: Giám sát bán hàng công ty Pinaco.
2006 - 2009: Giảng viên khoa QLNN về XH, Học viện Hành chính QG.
2009 - 2010: Thư ký HĐQT Vinaseed
2010 - 2011: Phó Giám đốc Nhân sự hành chính Vinaseed.
2011 - 4/2017: Giám đốc Nhân sự hành chính Vinaseed.
1/2018 - 2/2020: Giám đốc Hanam Hitech.
4/2017 - nay: Phó Tổng giám đốc Vinaseed.

LĨNH VỰC KINH DOANH

01

NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO, SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ XNK GIỐNG CÂY TRỒNG:

Vinaseed tập trung nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng vượt trội, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu, tiếp cận chuẩn sản phẩm chất lượng và an toàn của Thế giới.

02

CHUYỂN GIAO DỊCH VỤ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO:

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào trong chọn tạo giống cây trồng, quy trình canh tác, chế phẩm sinh học, công nghệ bảo quản sau thu hoạch... để thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất.

03

SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG SẢN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ:

Vinaseed đã tập trung xây dựng và hoàn toàn chủ động trong chuỗi giá trị lúa gạo từ nghiên cứu, chọn tạo giống chất lượng – hệ thống canh tác, sản xuất – công nghệ sau thu hoạch – làm thương mại. Tập trung phân khúc nông sản thương hiệu, an toàn có truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

SẢN PHẨM DỊCH VỤ TIÊU BIỂU

Vinaseed nỗ lực hết mình theo đuổi sự hoàn thiện và liên tục cải tiến không ngừng để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả trong mọi hoạt động, đem đến cho mọi người dân Việt Nam những sản phẩm giá trị gia tăng lớn nhất với chi phí hợp lý và an toàn cho sức khỏe con người. Năm 2019, công ty sản xuất và cung ứng ra thị trường **85.000** tấn hạt giống cây trồng các loại tương đương Gần **2 triệu ha** gieo trồng.

85.000
Tấn hạt giống

Tương đương gần
2 triệu ha gieo trồng

78% GIỐNG LÚA

10% GIỐNG NGÔ

1.518 Tỷ
Doanh thu

7% NÔNG SẢN

5% GIỐNG RAU

GIỐNG LÚA

Vinaseed tập trung nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng vượt trội, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu, tiếp cận xu thế của thế giới về chuẩn sản phẩm an toàn và chất lượng.

STT	TÊN GIỐNG	TGST *(NGÀY)*	NĂNG SUẤT *(TẤN/HA)*	DẠNG HẠT	CHẤT LƯỢNG	ƯU ĐIỂM
1	**Thiên Ưu 8**	X: 125-130 M: 100-105	**7,0-7,5**	Thon dài		Cứng cây, chống đổ tốt, chống chịu sâu bệnh khá, thích ứng rộng và cấy được cả 2 vụ
2	**Đài Thơm 8**	X: 125-130 M: 100-105	**6,5 - 7,0**	Thon dài		Cứng cây, chống đổ tốt, chống chịu sâu bệnh khá, Thích ứng rộng, cấy được cả 2 vụ, chống chịu rầy khá tốt
3	**Thơm RVT**	X: 125-130 M: 100-105	**5,5-6,0**	Thon dài		Chống chịu sâu bệnh khá, thích ứng rộng, cấy được cả 2 vụ
4	**Japonica J01**	X: 130 - 135 M: 100 - 110	**6,5 - 7,0**	Bầu tròn		Chịu rét tốt, tỉ lệ đạt gạo cao, tỉ lệ lép ít
5	**TH3-4**	X: 125-130 M: 105-110	**7,0-7,5**	Thon dài		Chủ động được nguồn giống, chống chịu bệnh
6	**Kim cương 111**	X: 130-135 M: 105 - 110	**6,5 - 7,0**	Thon dài		Chống chịu sâu bệnh khá. Thích ứng rộng, cấy được cả 2 vụ
7	**KDĐB**	X: 125-130 M: 100-105	**6,0-6,5**	Thon nhỏ		Thích ứng nhiều chân đất, chịu thâm canh, phù hợp làm bún bánh, năng xuất cao hơn KD18
8	**VNR20**	X: 125-130 M: 100-105	**7,0-7,5**	Thon dài		Thấp cây chống đổ tốt, tỷ lệ xay xát cao. Thích ứng rộng, cơm mềm, năng suất cao
9	**Bắc Hương 9**	X: 125-130 M: 105-110	**6,0-6,5**	Thon dài		Cây to khỏe,chất lượng cơm mềm
10	**Dự Hương 8**	X: 125-130 M: 100-105	**6,5-7,0**	Thon nhỏ		Chống chịu bệnh tốt, chất lượng cơm gạo tốt

THIÊN ƯU 8

ĐÀI THƠM 8

VNR20

THƠM RVT

JAPONICA J01

LÚA LAI 3 DÒNG LY006

GIỐNG NGÔ

STT	TÊN GIỐNG	TGST *(ngày)*	NĂNG SUẤT HẠT KHÔ *(tấn/ha)*	DẠNG HẠT	SỐ HÀNG HẠT (hàng/bắp)	ƯU ĐIỂM	CHIỀU CAO CÂY (CM)	CHIỀU CAO ĐÓNG BẮP (CM)
1	**NHÓM NGÔ TẺ (NGÔ VÀNG)**							
	LVN10	X: 125-130 H: 100-105 Đ: 110-120	**8-10**	Bán đá, Màu vàng cam	10-14	- Chịu hạn chịu chua phèn tốt, chống đổ khá, chống chịu khá với một số sâu bệnh hại thích ứng rộng - Hạt sâu cay - Số hàng hạt 10-14 hàng/bắp	200-240	100-140
	SSC655	90-105 (tuỳ theo từng vùng)	**8-10**	Bán đá, Màu vàng cam	14-16	- Bắp đồng đều, kết rất tốt. Hạt to, tỷ lệ hạt/bắp 80-81% - Khả năng chống chịu khá tốt với các loại bệnh cháy lá, gỉ sắt - Thích hợp trồng làm thức ăn gia súc	190-210	90-110
	SSC131	90-105 (tuỳ theo từng vùng)	**8-10**	Bán đá, Màu vàng cam	14-16	- Bắp đồng đều, khả năng kết hạt tốt - Hạt to, sâu cay, tỷ lệ hạt/bắp 80-81% - Khả năng chống chịu khá tốt với các loại bệnh cháy lá gỉ sắt	170-200	80-100

STT	TÊN GIỐNG	TGST *(ngày)*	NĂNG SUẤT BẮP TƯƠI *(tấn/ha)*	SỐ HÀNG HẠT (hàng/bắp)	CHẤT LƯỢNG	ƯU ĐIỂM	SỬ DỤNG
2	**NHÓM NGÔ NẾP**						
	HH68	X: 85-90 H: 65-70 Đ: 70-75	**14-16**	14-16	Ăn ngon	- Chịu hạn tốt, chống đổ khá, lá xanh bền đến khi thu hoạch - Chống chịu bệnh gỉ sắt tốt, thích nghi rộng	Ăn tươi
	HN88	X: 87-92 H: 67-70 Đ: 70-75	**18-20**	12-16	Rất ngon	- Thân mập khoẻ, độ đồng đều cao - Lá thoáng xanh đậm, bền đến khi thu hoạch, thích nghi rộng - Ăn tươi thơm, dẻo, ngọt, hạt sâu cay	Ăn tươi
	HN90	X: 85-90 H: 67-70 Đ: 70-75	**14-16**	12-16	Ăn ngon	- Lá thoáng, xanh đậm, bền đến khi thu hoạch, thích nghi rộng - Chống chịu gỉ sắt tốt	Ăn tươi
	HN92	X: 87-92 H: 67-70 Đ: 70-75	**14-16**	12-16	Ăn ngon	- Cây khoẻ, độ đồng đều ca, tỷ lệ bắp loại 1 cao, chống chịu bệnh gỉ sắt tốt - Bộ lá khá thoáng, xanh đậm, bền đến khi thu hoạch - Thích nghi rộng, chất lượng ăn ngon	Ăn tươi
	HN268	X: 85-90 H: 65-70 Đ: 70-75	**12-14**	14-16	Rất ngon	- Thấp cây, chống đổ tốt, ngắn ngày - Bộ lá thoáng, xanh đậm, bền đến khi thu hoạch, ăn tươi ngọt rất ngon - Trên bắp có khoảng 25-30% hạt ngô đường trắng xen kẽ làm tăng chất lượng	Ăn tươi

HN88

HN68

NGÔ NẾP HOA HN66

NGÔ ĐƯỜNG LAI MIN5

NGÔ NẾP ĐƯỜNG LAI MIN6

GIỐNG NGÔ LAI SSC131

GIỐNG NGÔ LAI SSC655

HẠT GIỐNG RAU QUẢ:

Nhóm bầu bí: Bí đỏ lai F1 Goldstar 998, Super Goldstar 999, Koshi, Bí xanh lai F1 Fuji 868, Tara 888, Bầu sao lai F1 Trầm Hương, Dưa chuột chịu nhiệt lai F1 Sakura, Mướp đắng lai F1 chịu nhiệt HN126, Mướp lai Hương Việt, ...

Nhóm cà ớt: Ớt cay số 20, Ớt hiểm lai Deli 686, Cà chua lai chịu nhiệt các loại,...

Nhóm rau ăn lá: Cải ngọt Sakata, Xà lách Green Lectture, Rau dền khoang HN666, cải ngồng ngọt HN888, ...

Nhóm đậu đỗ: Đậu xanh cao sản DX208, Đậu Tứ quý, đậu đũa chịu nhiệt HN338, đậu bắp lai ...

Nhóm giống dưa: Dưa hấu Lucky 01, Dưa hấu rồng đỏ 118, Dưa lưới các loại,...

SẢN PHẨM
DỊCH VỤ TIÊU BIỂU

GẠO THƯƠNG HIỆU TIÊU CHUẨN HACCP:

Dựa trên ưu thế về truyền thống, kinh nghiệm sản xuất giống hàng đầu Việt Nam, sức mạnh công nghệ, đội ngũ, hạ tầng, mạng lưới sản xuất và tiêu thụ. Vinaseed đã tập trung xây dựng và hoàn toàn chủ động trong chuỗi giá trị nông sản từ nghiên cứu, chọn tạo giống chất lượng - hệ thống canh tác, sản xuất - công nghệ sau thu hoạch - làm thương mại. Tập trung phân khúc nông sản thương hiệu, an toàn có truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

- ***Gạo đặc sản:*** các dòng sản phẩm gạo Thương hiệu VJ, Gạo Thơm RVT, Trân Châu Hương, Đài Thơm 8, Nếp hoa vàng ĐB, ...
- ***Gạo thực phẩm chức năng:*** Gạo tím, gạo huyết rồng Phúc Thọ, gạo đen Phúc Thọ, gạo lứt, ...

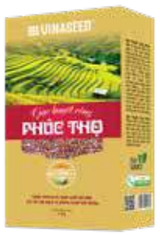

ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ THỊ PHẦN

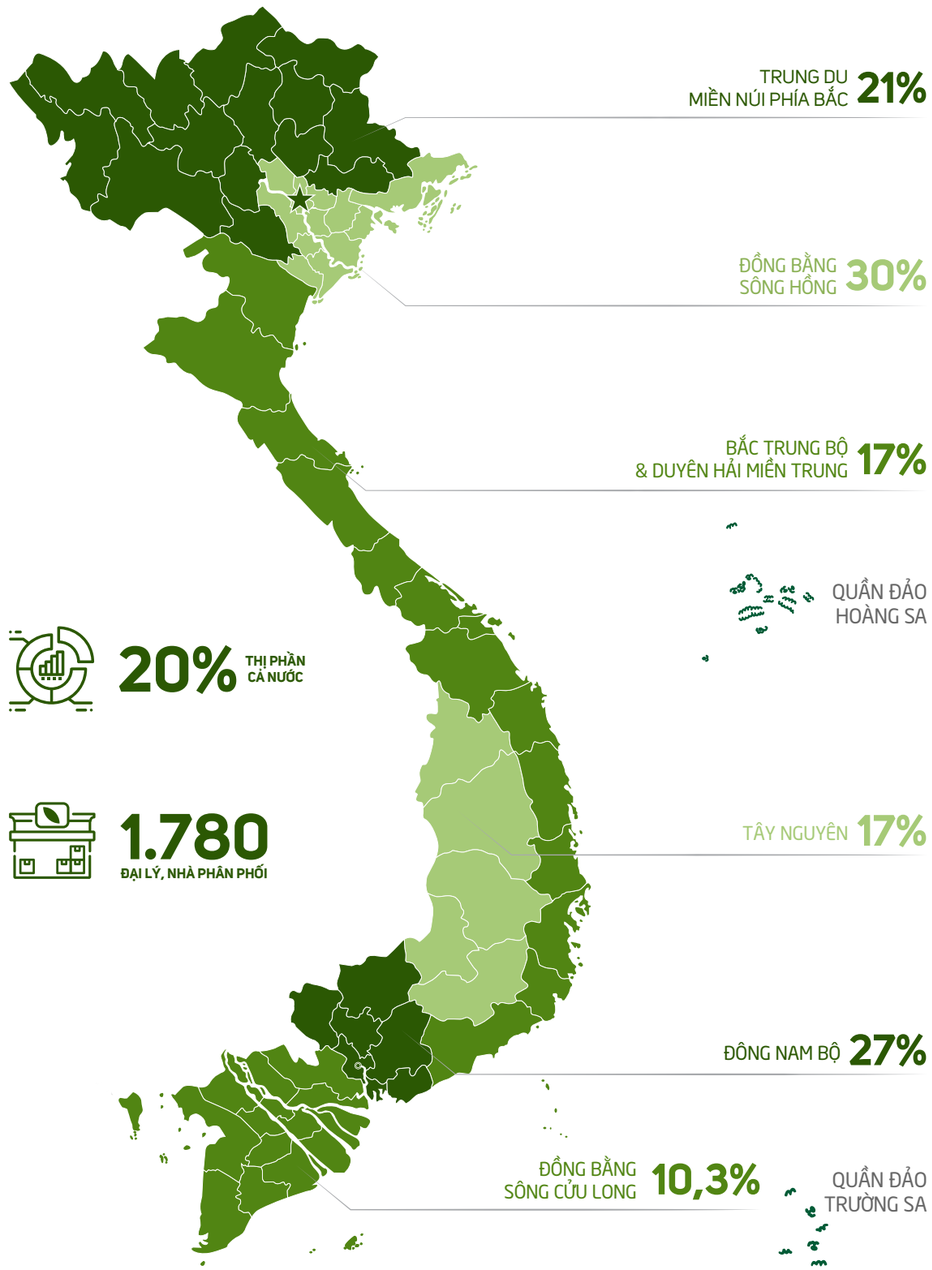

20% THỊ PHẦN CẢ NƯỚC

1.780 ĐẠI LÝ, NHÀ PHÂN PHỐI

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

TRONG SUỐT NHỮNG NĂM QUA, VỚI NHỮNG ĐÓNG GÓP TRONG SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC, CÔNG TY ĐÃ VINH DỰ ĐÓN NHẬN CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA ĐẢNG, CHÍNH PHỦ, GHI NHẬN CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VỚI NHỮNG NỖ LỰC VÀ ĐÓNG GÓP CỦA VINASEED ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2019

TOP 10

DOANH NGHIỆP CÓ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ TỐT NHẤT
SÀN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH
ĐỨNG ĐẦU NGÀNH TRỒNG TRỌT DO VCCI TRAO TẶNG

TOP 500

DOANH NGHIỆP LỚN VÀ TĂNG TRƯỞNG
NHANH NHẤT VIỆT NAM
DO VIỆT NAM REPORT VÀ VIETNAMNET PHỐI HỢP THỰC HIỆN

SỬA THÀNH ĐƠN VỊ XUẤT SẮC TIÊU BIỂU TOÀN QUỐC
TRONG HỢP TÁC XÂY DỰNG CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN NĂM 2019
DO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TRAO TẶNG

TOP 50 Forbes

BÀ TRẦN KIM LIÊN - CHỦ TỊCH HĐQT, TGĐ ĐƯỢC VINH DANH TOP 50
PHỤ NỮ CÓ TẦM ẢNH HƯỞNG NHẤT VIỆT NAM
NĂM 2019

THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN
VÀ PHONG TRÀO THI ĐUA
DO LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TP HÀ NỘI TRAO TẶNG

CỜ THI ĐUA ĐƠN VỊ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC,
ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ,
XÃ HỘI CỦA THỦ ĐÔ DO UBND TP HÀ NỘI TRAO TẶNG

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NHỮNG NĂM TRƯỚC:

- **Huân chương Lao động hạng Nhì** do Chủ tịch nước trao tặng vì những đóng góp xuất sắc của Doanh nghiệp trong sự nghiệp phát triển KTXH đất nước 10 năm (2004 - 2014).
- **Cờ Thi đua Chính phủ** năm 2011, 2014, 2018. Năm 2018, Vinaseed vinh dự là 1 trong 7 doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc tiêu biểu toàn quốc được Thủ tướng chính phủ trao tặng.
- **Bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài** chính các năm.
- **Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam 2018**. Trong tổng số 45 sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu toàn quốc, Vinaseed vinh dự góp mặt 03 sản phẩm (lúa Thơm RVT, Đài Thơm 8, Dưa lưới Hanam Hitech) do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.
- **Danh hiệu doanh nghiệp vì nhà nông năm 2018**. Vinaseed vinh dự là 1 trong 53 doanh nghiệp tiêu biểu toàn quốc được vinh danh vì những đóng góp vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.
- **TOP 3 doanh nghiệp tiêu biểu** nhất trong 350 doanh nghiệp sau cổ phần hóa (theo đánh giá của Ban chỉ đạo đổi mới và PT doanh nghiệp và Bộ Tài chính).
- **TOP 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam 2017** do Trung tâm khoa học Thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp (CRC) thuộc Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam minh chứng cho những nỗ lực trong quản trị điều hành, khẳng định uy tín, thương hiệu Vinaseed đối với cộng đồng, xã hội.
- **TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam** giai đoạn 2014 - 2018, bảng xếp hạng được Vietnam Report và Báo Vietnamnet công bố dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.
- **TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam** năm 2018 do Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet tổ chức để vinh doanh các doanh nghiệp có khả năng sinh lời tốt, trở thành trụ cột cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, đồng thời góp phần quảng bá thương hiệu doanh nghiệp Việt tới công đồng quốc tế.
- **TOP 200 công ty có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á - TBD** năm 2013 do Forbes xếp hạng.
- **TOP 500 doanh nghiệp lớn và tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam** (Fast 500 từ 2012 - 2019). TOP 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam VNR500 theo kết quả đánh giá độc lập theo chuẩn mực quốc tế do Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet thực hiện.
- **Doanh nghiệp Khoa học công nghệ tiêu biểu toàn quốc** năm 2017 do Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng.
- TOP doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin theo Chương trình khảo sát công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán Việt Nam 2017 do Vietstock phối hợp với báo Tài chính và Cuộc sống thực hiện.

NHÂN SỰ NĂM 2019

Công ty đã tập hợp được đội ngũ chuyên gia tạo giống đầu ngành của Việt Nam giúp công ty đào tạo nguồn lực, kết nối hợp tác quốc tế. Mở rộng hợp tác với tất cả các viện nghiên cứu công lập và chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất, Vinaseed tự hào là công ty tiên phong tham gia tạo lập thị trường KHCN. Hiện nay công ty có đội ngũ chuyên gia công nghệ hoàn toàn có thể làm chủ công nghệ tiên tiến trên thế giới

CÔNG NGHỆ CHỌN TẠO GIỐNG

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT HẠT LAI

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO 4.0.

SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG

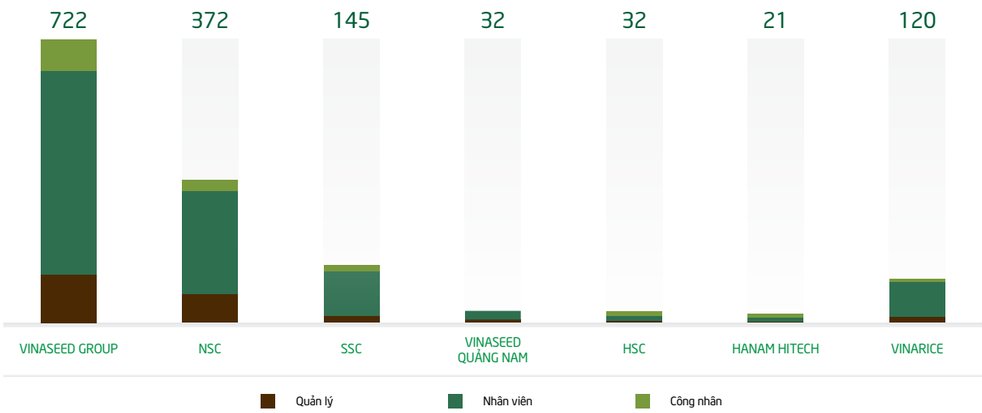

CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRỞ LÊN

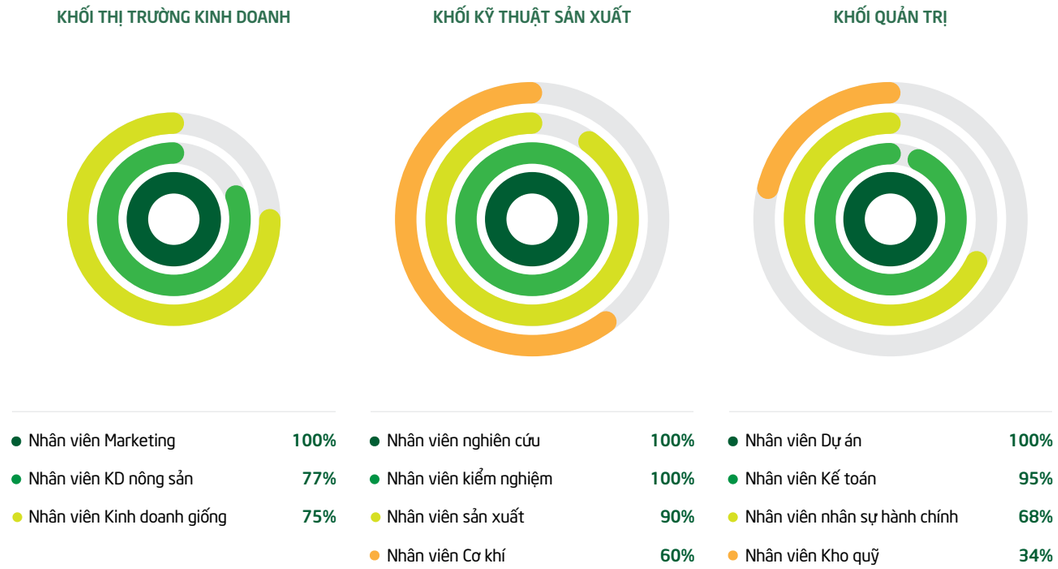

ĐÀO TẠO NĂM 2019

- Tổng số khóa đào tạo: 43 khóa.
- Số lượt đào tạo: 354 lượt học viên.

Hình thức đào tạo:

ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC ƯU TIÊN	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHỦ YẾU
QUẢN LÝ CẤP TRUNG	▪ Đào tạo kỹ năng quản lý nâng cao ▪ CEO, CFO	Bên ngoài
CÁN BỘ NGUỒN	▪ Đào tạo kỹ năng quản lý	Bên ngoài
NHÂN VIÊN	▪ Phổ biến Định hướng chiến lược phát triển công ty, hệ thống quy chế, quy định mới của công ty. ▪ Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ Đào tạo kỹ năng làm việc	Nội bộ, bên ngoài
LAO ĐỘNG THỬ VIỆC	▪ Đào tạo hòa nhập ▪ Huấn luyện hèm cặp	Nội bộ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO	SỐ NGÀY	SỐ HỌC VIÊN
	CÁN BỘ QUẢN LÝ, NGUỒN			
1	Kỹ năng quản lý hiệu quả	The Pan Group	2	5
2	Tập huấn "Lãnh đạo tạo gắn kết"	The Pan Group	3	5
3	Xây dựng kế hoạch ngân sách Doanh nghiệp	CTCP Đào tạo nguồn lực CFO	2	10
4	Quản lý rủi ro trong giao kết và thực hiện Hợp đồng thương mại	VCCI + VIAC	2	7
5	Kỹ năng và cách thức quản trị nhân sự hiện đại	VCCI	3	12
6	Nâng cao năng lực quản lý và điều hành	Top Olympia	3	15
7	Giám đốc điều hành CEO thời hội nhập	Top Olympia	8	10
8	Giám đốc tài chính CFO	TAF	6	3
9	Kỹ năng và cách thức quản trị nhân sự hiện đại	VCCI	3	5
10	Kỹ năng và Quản trị nhân sự hiện đại	VCCI	3	9
	ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN			
11	Đào tạo hội nhập nhân viên mới	Nội bộ	2	70
12	Kinh nghiệm và kỹ năng kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ nhận diện rủi ro, sai sót thường gặp trong doanh nghiệp. Giải pháp xử lý hiệu quả	VCCI	4	5
13	Tập huấn về cập nhật mới nhất những lưu ý quan trọng khi quyết toán thuế	VCCI	2	18
14	Phầm mềm quản lý bán hàng và tồn kho trong toàn Công ty	Nội bộ	1	28
15	Nâng cao Kỹ năng bán hàng - Marketing online; DMS và giới thiệu giống mới công ty	PTI + Nội bộ	4	40
16	Công tác bảo quản, quản lý kho bảo quản, giám sát phơi sấy, chế biến đóng gói; lấy mẫu, thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng; kiểm định đồng ruộng giống; quản lý và kỹ thuật sản xuất giống gốc	Nội bộ	3	25
17	Tập huấn quy trình kỹ thuật, mở điểm, SP mới,...	Nội bộ, TTKKN gống, SP Quốc gia, chuyên gia	3	45
18	Đào tạo sản phẩm mới, chia sẻ kinh nghiệm quản lý hệ thống kênh phân phối, sản phẩm, hàng trả lại, kỹ năng cơ bản sử dụng các công cụ Marketing	Nội bộ	3	60
19	Hội thảo Ứng dụng công nghệ 4.0 trong nghiên cứu	Cty TNHH MTV Sinh hóa Phù Sa	1	6
20	Huấn luyện nghiệp vụ Bảo vệ, sơ cấp cứu tại chỗ	CA và TTYT địa phương	5	12
21	Tập huấn về thẻ điểm Quản trị Công ty DNNY Việt Nam và các vấn đề về công bố thông tin trên Báo cáo thường niên/Báo cáo phát triển bền vững	HOSE	1	2
22	Hội thảo "Vai trò của Thư ký Công ty trong Quản trị Công ty hiện đại"	HOSE	1	3
23	Hội thảo cập nhật các điểm mới tại Dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi và Tổ chức công ty theo mô hình quản trị tiên tiến	HOSE	1	2
TỔNG CỘNG			66	397

TUYỂN DỤNG

Công tác tuyển dụng tại công ty được thực hiện minh bạch và khách quan thông qua việc xây dựng và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tuyển dụng, từ việc đăng tuyển, sàng lọc hồ sơ, tuyển chọn công tâm. Trong năm 2019, công ty đã tuyển dụng mới 98 lao động góp phần xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

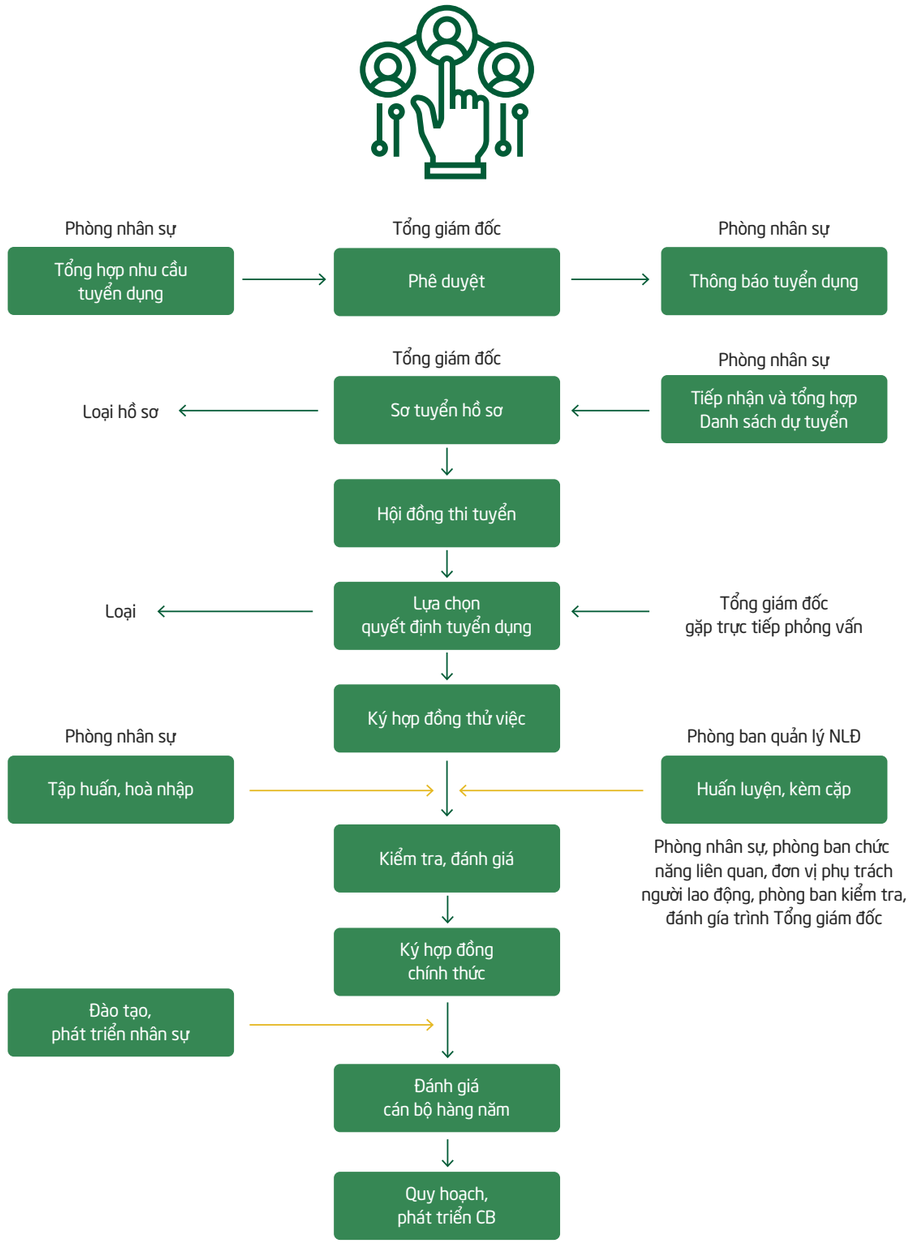

QUY TRÌNH TUYỂN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

CÔNG NGHỆ NỔI BẬT

Công nghệ chọn tạo giống cây trồng
Vinaseed là doanh nghiệp KHCN đầu tiên trong ngành giống cây trồng Việt Nam, tiên phong trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các giải pháp đột phá, đi trước và định hướng thị trường. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu hiện đại, đội ngũ chuyên gia hùng hậu, nhân sự trên 1000 lao động với 80% có trình độ đại học và trên đại học hoàn toàn làm chủ công nghệ chọn tạo giống tiên tiến trên thế giới, công nghệ sản xuất hạt lai, công nghệ sản xuất nông nghiệp 4.0.

Quản trị sản xuất nông nghiệp thông minh 4.0
Xây dựng phương thức quản trị sản xuất nông nghiệp tiên tiến, ứng dụng các giải pháp canh tác bền vững tiết kiệm tài nguyên, có truy xuất nguồn gốc, sử dụng các chế phẩm và thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học thế hệ mới góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm tồn dư hóa chất và hàm lượng Nitorat trong sản phẩm, thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất và chế biến. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các HTX, hộ nông dân tham gia chuỗi liên kết sản xuất nông sản của Vinaseed để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, góp phần đem lại thu nhập ổn định cho người nông dân.

Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại
Thực hiện chiến lược đầu tư để mở rộng công ty, đổi mới công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh, Vinaseed đã xây dựng các trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ và tự động hóa hàng đầu tại Việt Nam, các dòng sản phẩm của nhà máy sản xuất ra đáp ứng các quy trình kiểm định khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế, an toàn với con người và môi trường.

Trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam (VRDC): thực hiện chức năng Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực giống cây trồng phục vụ cho sự phát triển của Tập đoàn. Hoạt động của Trung tâm:

- **10 cơ sở nghiên cứu khắp các vùng sinh thái cả nước.**
- **02 phòng công nghệ sinh học.**
- **220,1 ha phục vụ nghiên cứu.**
- **100% cán bộ nghiên cứu có trình độ đại học trở lên, 17 chuyên gia kỹ thuật đầu ngành trong đó có 5 Tiến sỹ, 12 thạc sỹ.**
- **Trung tâm sở hữu nguồn gen phong phú có ý nghĩa quyết định trong nghiên cứu chọn tạo.**

Diện tích nhà kính, nhà lưới phục vụ nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

ĐƠN VỊ	DIỆN TÍCH (M2)
1. Trung tâm VRDC	15.400
VRDC Ba Vì	1.200
VRDC Khoái Châu	4.300
VRDC Củ Chi	2.100
VRDC Lâm Hà	2.820
VRDC Phú Giáo	1.000
VRDC Cai Lậy	3.000
VRDC Cờ Đỏ	980
2. Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC Hà Nam	100.000
TỔNG CỘNG	**115.400**

Cơ sở vật chất phục vụ CBBQ:

Công suất kho lưu trữ
33.620 tấn

Diện tích nhà chế biến đóng gói
92.610 m2

Công suất chế biến, đóng gói
81.700 tấn giống/năm
118.000 tấn gạo/năm

Số cơ sở chế biến đóng gói
8 nhà máy

NỀN TẢNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA VINASEED

Mọi thứ mà đội ngũ CBNV cùng các nhà khoa học đang làm tại Vinaseed được vun đắp bởi niềm tin vào một tương lai tốt đẹp và niềm say mê cống hiến không ngừng trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất trên thị trường.

CHUẨN MỰC GIÁ TRỊ VĂN HÓA VINASEED

TÔN TRỌNG SỰ RIÊNG TƯ CÁ NHÂN:
Vinaseed tôn trọng sự riêng tư của mỗi thành viên, tại Vinaseed nghiêm cấm bàn luận đời tư cá nhân làm ảnh hưởng đến uy tín của đồng nghiệp).

SỰ TUÂN THỦ:
Mọi thành viên trong Tập đoàn phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn một cách tự giác và coi đó là một trong những chuẩn mực bắt buộc đối với mọi thành viên của VINASEED.

TINH THẦN TRÁCH NHIỆM, HỢP TÁC:
Đề cao trách nhiệm cá nhân, tinh thần hợp tác trong quá trình thực thi công việc.

LẮNG NGHE, CHIA SẺ, KHUYẾN KHÍCH SỰ SÁNG TẠO:
Biết tôn trọng, lắng nghe, chia sẻ những ý kiến đóng góp, đề xuất, thường xuyên đưa ra các giải pháp sáng tạo và đột phá, không ngừng thử nghiệm các ý tưởng mới, những hướng đi mới.

BẢO VỆ UY TÍN, VÌ LỢI ÍCH TẬP ĐOÀN:
Không được có những hành vi, ngôn từ làm ảnh hưởng đến uy tín Tập đoàn. Mọi thành viên phải hướng đến lợi ích chung, không vì tư lợi, lợi ích cục bộ của phòng ban, đơn vị làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổng quan ngành nông nghiệp Việt Nam 2019 56
Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2019 56
Đầu tư xây dựng cơ bản 58
Quản trị doanh nghiệp 60
Đánh giá chung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên 2019 60
Mục tiêu năm 2020 61

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG QUAN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM 2019

- GDP đạt mức tăng trưởng 7,02%. Tuy nhiên, GDP ngành nông nghiệp không tăng trưởng, chỉ đạt 0,61% là mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua (2011 - 2019).
- Tác động của biến đổi khí hậu, nắng nóng, hạn lịch sử, xâm nhập mặn diễn ra trên diện rộng dẫn đến cơ cấu cây trồng, diện tích sản xuất bị thu hẹp, sản lượng và năng suất cây trồng suy giảm.
- Thị trường nông sản khó khăn, kim ngạch xuất khẩu nông sản giảm sút, giá trị xuất khẩu lúa gạo: 2,75 tỷ USD giảm xuống thấp nhất trong 12 năm qua (90% cùng kỳ), xuất khẩu rau quả: 3,75 tỷ USD giảm chỉ bằng 95% cùng kỳ.
- Sâu bệnh bùng phát, đặc biệt dịch sâu keo mùa thu. Vụ Đông 2019, diện tích ngô cả nước chỉ đạt 500 nghìn ha (giảm 50% cùng kỳ).
- Quá trình chuyển đổi đất trồng sang đô thị và khu công nghiệp diễn ra nhanh chóng (đặc biệt phía Bắc), sản xuất nông nghiệp chi phí đầu vào cao, hiệu quả thấp.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH CẢ NĂM	TH 2019	CK 2018	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	1.600.000	1.518.452	1.605.380	94,9%	94,6%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	240.000	207.458	252.701	86,4%	82,1%
Cổ tức	%		40% (DK)	30%		133,3%

Kế hoạch căn cứ Nghị quyết 42/NQ-VINASEED-HĐQT

KẾT QUẢ KINH DOANH 5 NĂM 2015 - 2019

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019
Doanh thu	Tỷđ	1.249	1.330	1.512	1.605	1.518
Lợi nhuận sau thuế	Tỷđ	157	192	234,6	252,7	207,5
Tổng tài sản	Tỷđ	1.558	1.486	1.561	1.561	1.768
Vốn chủ sở hữu	Tỷđ	1.003	1.085	1.059	1.052	1.129
ROA	%	10,1%	12,9%	15,0%	16,1%	11,7%
ROE	%	15,7%	17,7%	22,2%	24,0%	18,4%
EBIT	Tỷđ	187,0	226,5	263,2	289,0	249,7
EPS	Đồng/cp	8.124	10.316	13.792	12.448	11.488

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

KẾT QUẢ KINH DOANH 5 NĂM 2015 - 2019

Phát hành trái phiếu NSC:

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-VINASEED-HĐQT ngày 13/5/2019, Tập đoàn đã thực hiện thành công phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tổng giá trị trái phiếu phát hành: 100 tỷ đồng, ngày thực hiện phát hành 29/5/2019, nguồn vốn huy động phát hành để sử dụng thực hiện Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản tại Đồng Tháp và tăng quy mô vốn hoạt động.

Chi trả cổ tức năm 2019:

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ2019 của ĐHĐCĐ thường niên, Vinaseed đa thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền, tỷ lệ cổ tức: 30%. (Đợt 1: 15%, ngày thực hiện chi trả: 27/3/2019, Đợt 2: 15% ngày 10/01/2020).

Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019:

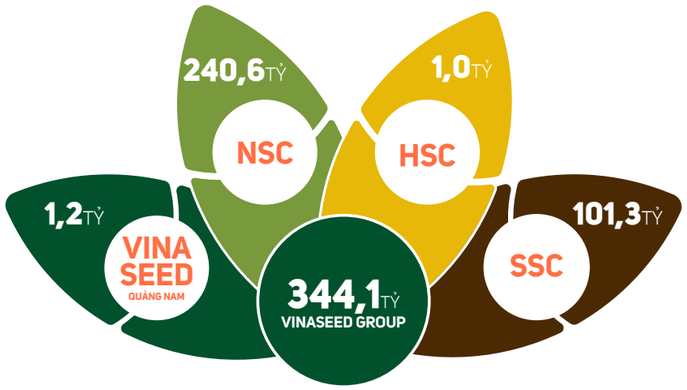

Dự án Đồng Tháp:

Để góp phần thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định 1898/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT, góp phần thực hiện sứ mệnh của Tập đoàn PAN "nâng tầm nông nghiệp Việt", HĐQT VINASEED đã quyết định đầu tư Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản tại tỉnh Đồng Tháp - Trung tâm của vựa lúa ĐBSCL, Tỉnh trọng điểm sản xuất lúa gạo cả nước, nhằm mục tiêu chiến lược phát triển chuỗi giá trị lúa gạo khép kín quản trị thông minh trên nền tảng công nghệ 4.0. Dự án trở thành trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản lớn tại vùng ĐBSCL với hệ thống dây chuyền công nghệ hiện đại, đồng bộ và tự động hóa bằng 100% công nghệ Nhật Bản, với giai đoạn 1 có tổng vốn đầu tư gần 320 tỷ đồng, công suất chế biến bảo quản 100.000 tấn gạo/năm và 50.000 tấn giống/năm (được triển khai xây dựng, lắp đặt chỉ trong 8 tháng từ tháng 4 - tháng 12/2019), sản phẩm dây chuyền gạo giữ nguyên hương vị tự nhiên sau quá trình chế biến, đáp ứng các quy trình kiểm định khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế, an toàn với con người. Có thể nói đây là một trong các dự án tiêu biểu đầu tư vào nông nghiệp tại ĐBSCL 2019.

Để quản lý và vận hành nhà máy đi vào hoạt động, tháng 11/2019, VINASEED đã chính thức thành lập CÔNG TY TNHH LÚA GẠO VIỆT NAM (tên viết tắt là: VINARICE) với 03 mục tiêu chính:

- Nghiên cứu chọn tạo, SXKD giống cây trồng phục vụ vùng xuất khẩu lúa gạo lớn nhất cả nước tại 13 tỉnh ĐBSCL. Tập trung vào các dòng sản phẩm có khả năng chống chịu tốt với biến đổi khí hậu và sâu bệnh, tiếp cận xu thế của thế giới về chuẩn sản phẩm an toàn và chất lượng.
- VINASEED tổ chức liên kết với các mô hình HTX kiểu mới xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo khép kín. VINASEED coi nông dân là chủ thể tạo ra sản phẩm sạch, an toàn theo tiêu chuẩn Vietgap, thông qua hình thức liên kết sản xuất, VINASEED chuyển giao kỹ thuật và đào tạo nghề miễn phí cho nông dân, ứng dụng các giải pháp canh tác bền vững: 3 giảm 3 tăng; quản lý dịch hại tổng hợp IPM; ứng dụng quản lý Farm Record để truy xuất nguồn gốc, sử dụng phân bón thông minh chậm phân hủy, thuốc bảo vệ thực vật gốc sinh học thế hệ mới góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm tồn dư thuốc BVTV và hàm lượng Nitorat trong sản phẩm, tiết kiệm công lao động sản xuất, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho bà con nông dân.
- Xây dựng mô hình tiên tiến, thay đổi phương thức quản trị sản xuất nông nghiệp theo công nghệ 4.0, thực hiện cơ giới hóa và giảm tổn thất trong sản xuất lúa gạo. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các HTX, hộ nông dân tham gia chuỗi sản xuất lúa gạo của VINASEED góp phần đem lại thu nhập ổn định cho nông dân.

10
CƠ SỞ NGHIÊN CỨU

02
PHÒNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC

220,1
HA NGHIÊN CỨU

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc Tập đoàn:

- Thực hiện đổi tên Tập đoàn và các chi nhánh:

  Để khẳng định vị thế và phù hợp với tầm nhìn chiến lược trở thành tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp Bền vững hàng đầu Việt Nam, vươn tầm quốc tế. Thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ, Vinaseed đã chính thức thực hiện tái cấu trúc tổ chức theo mô hình tập đoàn kể từ ngày 11/01/2019.
- Thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển Giống cây trồng Tập đoàn (VRDC) thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực giống cây trồng phục vụ cho sự phát triển của Tập đoàn. Hoạt động của Trung tâm bao gồm:
  - 10 Cơ sở nghiên cứu khắp các vùng sinh thái cả nước.
  - 02 Phòng công nghệ sinh học.
  - 220,1 ha phục vụ nghiên cứu và sản xuất giống gốc (bao gồm 11,5 ha nhà kính, nhà lưới).
- Thành lập Ban Kiểm soát nội bộ từ 01/4/2019, độc lập về tổ chức và hoạt động, trực thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc Tập đoàn, kiểm soát việc chấp hành quy chế và các quy định pháp luật, quản trị rủi ro công ty.
- Tái cấu trúc tổ chức, thị trường, sản phẩm SSC theo định hướng chuyên môn hóa và đa dạng hóa sản phẩm, phát huy lợi thế cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và thị trường giữa các công ty thành viên trong Tập đoàn.
- Thành lập công ty, tổ chức bộ máy, nhân sự và xây dựng hệ thống quy chế quản lý Vinarice.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế giữa các công ty thành viên, đảm bảo tính thống nhất trong toàn Tập đoàn, ban hành mới hệ thống quy chế và quy trình làm việc Vinarice, VRDC.

Tin học hóa quản trị:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị điều hành, xây dựng văn phòng điện tử (hệ thống họp trực tuyến, văn phòng điện tử Voffice, phần mềm nhân sự, phần mềm quản lý nhân viên DMS, quản lý bán hàng Vinaseed Partner, quản lý sản xuất Farm Record).

ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2019

- ☑ Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế, thực thi đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị.
- ☑ Triển khai các dự án, XDCB đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, đúng Nghị quyết, HĐQT và quy định pháp luật.
- ☑ Đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB của Công ty.
- ☑ Quản trị công khai, minh bạch, có nhiều đổi mới về tổ chức, quản lý và kiểm soát. Chấp hành nghiêm các quy định CBTT, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho HĐQT, BKS. Ứng dụng tốt công nghệ 4.0 vào quản lý góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và năng suất lao động.
- ☑ Trong năm 2019, Vinaseed được vinh danh TOP 10 quản trị doanh nghiệp tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam, quản trị tài chinh đứng đầu ngành trồng trọt, TOP 500 doanh nghiệp lớn và tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu của TP Hà Nội.
- ☑ Mặc dù Tập đoàn đã có sự nỗ lực, cố gắng. Tuy nhiên, trong điều kiện sản xuất kinh doanh 2019 gặp rất nhiều khó khăn, Tuy nhiên, Tập đoàn chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019:
  - Doanh thu 1.518 tỷ bằng 94,9% KH
  - Lợi nhuận 207,3 tỷ bằng 86,4%KH.

Nguyên nhân:

- ☑ Kinh doanh công ty mẹ lợi nhuận đạt 208,8 tỷ (tăng 4,3% cùng kỳ), tuy nhiên kết quả kinh doanh của công ty thành viên đạt thấp ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn.
- ☑ Diễn biến thời tiết bất lợi, tình hình dịch bệnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh 2019.
- ☑ Nguồn vốn phục vụ kinh doanh bị hạn chế do tập trung cho Dự án nhà máy Đồng Tháp.

MỤC TIÊU NĂM 2020

Mục tiêu kinh doanh:

NỘI DUNG	ĐVT	DỰ TOÁN
Doanh thu	Trđ	1.513.000
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	185.100

Mục tiêu quản trị

- Tiếp tụcTái cấu trúc Tập đoàn và các công ty thành viên.
- Đầu tư chiều sâu, tập trung phát triển sản phẩm mới.
- Kiện toàn và làm mới mô hình kinh doanh.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc áp dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành sản xuất, kinh doanh trong toàn Tập đoàn.

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

Đặc điểm tình hình 64
Kết quả hoạt động năm 2019 66
Mục tiêu năm 2020 72
Hoạt động của các công ty thành viên 73

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2019, kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng cao GDP 7,02%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 516,96 tỉ USD tăng 7,7%, (XK đạt 263 tỉ USD, tăng 8,1%, NK: 254 tỉ USD, tăng 7% so với năm 2018). Đứng 61/141 nền kinh tế trong BXH chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (thứ hạng cao nhất từ trước đến nay) với tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt 38 tỷ USD, tăng 7,2% so cùng kỳ. Tự do thương mại được đẩy mạnh khi Việt Nam tăng cường thực hiện Hiệp định CPTPP, thực hiện các cam kết của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), ký hiệp định thương mại và bảo hộ đầu tư với EU (EVFTA và IPA).

Riêng đối với ngành nông nghiệp, năm 2019 GDP ngành nông nghiệp không tăng trưởng chỉ đạt 0,61% là mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua (2011 - 2019). Nguyên nhân:

Tác động biến đổi khí hậu, nắng nóng, hạn lịch sử, xâm nhập mặn diễn ra trên diện rộng dẫn đến cơ cấu cây trồng thay đổi, diện tích bị thu hẹp, sản lượng và năng suất suy giảm.

Thị trường nông sản khó khăn, kim ngạch xuất khẩu giảm sút, xuất khẩu gạo sụt giảm 300 triệu USD thấp nhất trong 12 năm qua (2,75 tỷ USD giảm 10% so với năm 2018), xuất khẩu rau quả: 3,75 tỷ USD giảm chỉ bằng 95% cùng kỳ

Dịch sâu bệnh bùng phát, đặc biệt dịch sâu keo mùa thu. Vụ Đông 2019, diện tích ngô cả nước chỉ đạt hơn 50% cùng kỳ). Dịch tả lợn châu phi tác động trực tiếp đến ngành nông nghiệp, trên 5,6 triệu con bị tiêu hủy.

Quá trình chuyển đổi đất trồng sang đô thị và khu công nghiệp diễn ra nhanh chóng (đặc biệt phía Bắc), chi phí đầu vào cao, hiệu quả thấp.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ NSC NĂM 2019

NSC	ĐVT	2019	2018	TH/CK
1. Doanh thu	Trđ	870.490	981.489	89%
2. Lợi nhuận gộp	Trđ	333.667	349.301	96%
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Trđ	60.203	27.836	216%
4. Chi phí HĐ tài chính	Trđ	13.112	20.056	65%
5. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Trđ	219.067	210.548	104%
6. Lợi nhuận khác	Trđ	-231	-416	
7. Lợi nhuận trước thuế	Trđ	218.835	210.132	104%
8. Lợi nhuận sau thuế	Trđ	208.846	200.215	104%
9. ROS (LN/DT)	%	24,0%	20,4%	118%
10. EBIT	Trđ	226.665	218.949	104%
11. EBITDA	Trđ	242.334	234.669	103%

Đánh giá chung kết quả kinh doanh công ty mẹ 2019:

- Triển khai các dự án KHCN, XDCB đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng.
- Thực hiện tốt công tác phát triển sản phẩm mới: VNR20, Đài Thơm và J01.
- Công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy định được tăng cường.
- Ứng dụng tốt công nghệ 4.0 vào quản lý góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và năng suất lao động.
- Lợi nhuận sau thuế: 208,8 tỷ đồng bằng 104% cùng kỳ nhưng chưa đạt kế hoạch lợi nhuận. Nguyên nhân:
  - Diễn biến thời tiết bất thuận, sản xuất không đảm bảo kế hoạch dẫn đến thiếu sản phẩm bản quyền.
  - Nguồn vốn kinh doanh bị hạn chế do tập trung đầu tư XDCB.

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2019

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	TH 2019	CK 2018	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	1.600.000	1.518.452	1.605.380	94,9%	94,6%
Lợi nhuận gộp	Trđ		543.750	573.000		94,9%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ		239.004	276.816		86,3%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	240.000	207.458	252.701	86,4%	82,1%
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Trđ		201.900	238.797		84,5%
ROS (LN/DT)	%	15,0%	13,7%	15,7%	91,3%	87,3%
Cổ tức (bằng tiền)	%		40% (DK)	30%		133,3%
ROA	%		11,7%	16,1%		72,7%
ROE	%		18,4%	24,0%		76,7%
EBIT	Trđ		249.660	288.981		86,4%
EBITDA	Trđ		310.371	348.558		89,0%
EPS	Đ/cp		11.488	12.448		92,3%

CHỈ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

CHỈ TIÊU	ĐVT	2019	2018
Khả năng thanh toán tiền mặt (Tiền, TĐT/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,57	0,72
Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,58	2,20
Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - H Tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,05	1,33
Khả năng thanh toán tức thời (Tiền, TĐT + ĐT Tài chính ngắn hạn)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,57	0,72

CẤU TRÚC VỐN CÔNG TY

CHỈ TIÊU		2019	2018	2019/2018
Nợ phải trả	Trđ	639.112	508.604	125,6%
Vốn chủ sở hữu	Trđ	1.128.579	1.052.594	107,2%
Tổng nguồn vốn	Trđ	1.767.692	1.561.198	113,2%
Hệ số nợ (Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu)	%	56,6%	48,3%	117,2%
Hệ số đòn bẩy (Tổng tài sản/ Vốn chủ sở hữu)	%	156,6%	148,3%	105,6%

HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI SẢN

CHỈ TIÊU	ĐVT	2019	2018	2019/2018
Tổng tài sản	Trđ	1.767.692	1.561.198	113,2%
Vốn chủ sở hữu	Trđ	1.128.579	1.052.594	107,2%
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/ Hàng tồn kho)	Vòng	3,38	2,99	113,0%
Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu/ Khoản phải thu)	Vòng	5,98	6,76	88,5%
Vòng quay Tài sản (Doanh thu/Tổng tài sản)	Vòng	0,86	1,03	83,5%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ NĂM 2019

Định hướng chiến lược nghiên cứu, phát triển sản phẩm:

Giống cây trồng

Vinaseed tập trung nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng vượt trội, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu, nâng tỷ trọng sản phẩm bản quyền, tiếp cận xu thế của thế giới về chuẩn sản phẩm an toàn và chất lượng.

Nông sản hữu cơ

Dựa trên ưu thế về truyền thống, kinh nghiệm, sức mạnh công nghệ, đội ngũ, hạ tầng, mạng lưới sản xuất và tiêu thụ. Vinaseed đã tập trung xây dựng chuỗi giá trị nông sản từ nghiên cứu, chọn tạo giống chất lượng - hệ thống canh tác, sản xuất - công nghệ sau thu hoạch - làm thương mại. Tập trung phân khúc nông sản thương hiệu, an toàn có truy xuất nguồn gốc.

Vật tư và dịch vụ kỹ thuật

Ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào, vật liệu mới trong chọn tạo giống cây trồng, quy trình canh tác, chế phẩm sinh học, công nghệ bảo quản sau thu hoạch... để thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an toàn thực phẩm.

Thành tựu R&D năm 2019

GIỐNG	GIỐNG TRIỂN VỌNG ĐƯA VÀO PTSP		CÔNG NHẬN GIỐNG	
Lúa thuần	20	10 giống cho ĐNB, ĐBSCL 10 giống cho miền bắc, DHNTB, TN	6	Giống công nhận sản xuất thử: 04 giống. Công nhận chính thức: 02 giống (VNR10, OM nếp 406)
Lúa lai	1	Giống lúa lai (TNR688)	1	Công nhận chính thức: KC06-1 (là dòng lúa lai thơm phục vụ XK đầu tiên của VN)
Ngô tẻ lai	5	4 giống ngô tẻ 1 giống ngô sinh khối		
Ngô nếp, đường lai	11	05 giống ngô nếp. 02 giống ngô nếp đường. 04 giống ngô đường.	3	Công nhận sx thử: 02 giống. Công nhận chính thức: 01 giống (HN92 - đây là giống ngô nếp có khả năng kháng bệnh gỉ sắt)
Rau đậu	13	01 giống Khổ qua trái dài BG88, 01 giống Dưa hấu, 01 giống bí đỏ, 02 giống bí đao, 01 giống mướp hương, 01 giống đậu bắp, 06 giống dưa lưới.		
TỔNG CỘNG	**50**	**Bao gồm 21 giống lúa, 16 giống ngô, 13 giống rau đậu 15,0%**	**10**	**Công nhận chính thức 4 giống, CNhận SX thử: 6 giống**

HỢP TÁC QUỐC TẾ NĂM 2019

Năm 2019, Tập đoàn đã đón tiếp 19 đoàn khách quốc tế như: các Quỹ đầu tư Matthew Asia, Daiwa, Asia Frontier Capital, các đối tác Nagoya, Sojitz, Hagihara, SingFlow, Known You, Harvest Green Seeds,... chuyển giao 154 giống của đối tác cho VRDC.

Hợp tác nghiên cứu với Viện KHNN Quảng Tây, viện KHNN Phúc Kiến, viện lúa IRRI chọn tạo, khảo nghiệm giống mới.

Trên cơ sở ký kết hợp đồng với công ty Việt Long (TQ) đồng sở hữu bản quyền tổ hợp lúa lai LY006, nhận chuyển giao toàn bộ nguồn vật liệu A, B, R, VINASEED triển khai chủ động trong việc duy trì giống bố mẹ và sản xuất hạt lai F1 LY006 tại Việt Nam.

Dự án Nagoya xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo Japonica:

Tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân 2019: 24,9ha (23ha phía bắc và 1,9ha Tây Nguyên), toàn bộ diện tích lúa đã thu hoạch đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng tốt. Phối hợp chuyên gia Nagoya theo dõi quá trình xay xát, chế biến để cải tiến chất lượng sản phẩm theo quy chuẩn Nhật Bản. Dự án tiếp tục triển khai vụ thứ hai: 50 ha Tây nguyên.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

TỔNG ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2019 CỦA TẬP ĐOÀN

Đơn vị tính: Triệu VND

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	ỨNG, THANH TOÁN	SỐ CÒN PHẢI THANH TOÁN
A	**PHẦN XÂY LẮP**	**250,938**	**198,077**	**149,661**	**48,416**
1	Xây dựng	236,228	194,748	147,370	
2	Tư vấn xây dựng	8,765	3,329	1,770	
3	Chi phí quản lý dự án	3,168		521	
4	Chi phí khác	2,777			
B	**PHẦN THIẾT BỊ**	**141,944**	**128,726**	**104,538**	**24,188**
1	Dây chuyền nhà máy gạo	102,667	92,773	78,294	
2	Dây chuyền nhà máy giống	39,082	35,758	26,049	
3	Chi phí khác (Thuê chuyên gia tư vấn thiết bị,...)	195	195	195	
	DỰ ÁN ĐỒNG THÁP	**392,883**	326,803	**254,200**	**72,604**

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TÁI CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN

Tổ chức mô hình tập đoàn, đổi tên công ty và các chi nhánh:

Để khẳng định vị thế và phù hợp với tầm nhìn chiến lược trở thành tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp Bền vững hàng đầu Việt Nam, vươn tầm quốc tế. Thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ, Vinaseed đã chính thức thực hiện tái cấu trúc tổ chức theo mô hình tập đoàn, đổi tên công ty thành công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam kể từ ngày 11/01/2019.

- Thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (VRDC) thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực giống cây trồng phục vụ cho sự phát triển của Tập đoàn. Hoạt động của Trung tâm bao gồm:
  - 10 Cơ sở nghiên cứu khắp các vùng sinh thái cả nước.
  - 02 Phòng công nghệ sinh học.
  - 220,1 ha phục vụ nghiên cứu và sản xuất giống gốc (bao gồm 11,5 ha nhà kính, nhà lưới).
- Thành lập Ban Kiểm soát nội bộ từ 01/4/2019, Ban độc lập về tổ chức và hoạt động, trực thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc Tập đoàn, kiểm soát việc chấp hành quy chế và các quy định pháp luật, quản trị rủi ro công ty.
- Tái cấu trúc tổ chức, thị trường, sản phẩm SSC theo định hướng chuyên môn hóa và đa dạng hóa sản phẩm, phát huy lợi thế về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và thị trường giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Thành lập công ty, tổ chức bộ máy, nhân sự và xây dựng hệ thống quy chế quản lý công ty Vinarice.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế giữa các công ty thành viên, đảm bảo tính thống nhất trong toàn Tập đoàn, ban hành mới hệ thống quy chế và quy trình làm việc Vinarice, VRDC.

Tin học hóa công tác quản trị:

Triển khai áp dụng hệ thống họp trực tuyến, văn phòng điện tử Voffice, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý nhân viên DMS, phần mềm Vinaseed Partner trong toàn Tập đoàn.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Thực hiện tốt công tác phát triển sản phẩm mới, công ty đã xây dựng được bộ sản phẩm phong phú, đa dạng, có ưu thế trên thị trường.
- Triển khai các dự án KHCN, XDCB đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng.
- Đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB của Công ty.
- Công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy định của Công ty được tăng cường. Ứng dụng tốt công nghệ 4.0 vào quản lý góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và năng suất lao động (DMS, Voffice, phần mềm QLSX, NSC Partner...).
- Trong điều kiện sản xuất kinh doanh 2019 gặp rất nhiều khó khăn, đội ngũ CBNV tập đoàn đã có sự cố gắng, nỗ lực hết sức, tuy nhiên Tập đoàn chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019:
  - Doanh thu 1518 tỷ bằng 94,9% KH
  - Lợi nhuận 207,5 tỷ bằng 86,4% KH.

1.518 TỈ VNĐ DOANH THU

207,5 TỈ VNĐ LỢI NHUẬN

MỤC TIÊU NĂM 2020

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 2020:

NỘI DUNG	ĐVT	DỰ TOÁN
Doanh thu	Trđ	1.513.000
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	185.100

Mục tiêu quản trị:

- Tiếp tụcTái cấu trúc Tập đoàn và các công ty thành viên.
- Đầu tư chiều sâu, tập trung cho công tác phát triển sản phẩm mới.
- Kiện toàn và làm mới mô hình kinh doanh.
- Ứng dụng công nghệ số trong điều hành sản xuất, kinh doanh (triển khai DMS, V.office, phần mềm nhân sự, Vinaseed Partner đến các công ty thành viên trong toàn Tập đoàn).

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY (HSC)

GĐKKD số: 0500437239 do sở KHĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/04/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 18/01/2017.

Địa chỉ: Số 02, Ba La, Phú Lãm, Hà Đông, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024. 33530655 / Fax: 024. 33535421.

Vinaseed sở hữu: 53,80% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 1996: Công ty thành lập trên cơ sở hợp nhất trại Giống cây trồng và trại Dâu tằm tơ Phù Lưu Tế (Quyết định 997/QĐ/UB ngày 17/12/1996 của UBND tỉnh Hà Tây).
- Năm 2003: Công ty cổ phần hóa theo Quyết định 272/QD-UB ngày 11/3/2003 UBND tỉnh Hà Tây thành công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng, nông sản, thức ăn chăn nuôi và vật tư nông nghiệp.
- Kinh doanh máy móc, thiết bị dịch vụ thương mại tổng hợp.
- Lữ hành nội địa, du lịch sinh thái và các dịch vụ du lịch khác.
- Dịch vụ kho vận.

Đơn vị thành viên:

1. Trại giống cây trồng Phù Lưu Tế.
   Địa chỉ: Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.
2. Trại giống cây trồng Phương Bảng.
   Địa chỉ: xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Tình hình kinh doanh năm 2019 HSC:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH	TH 2019	CK 2018	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	32.200	36.290	29.640	112,7%	122,4%
Lợi nhuận gộp	Trđ	13.100	12.300	11.050	93,9%	111,3%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	4.500	4.620	4.230	102,7%	109,2%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	3.600	3.630	3.390	100,8%	107,1%
ROS (LN/DT)	%	14,0%	12,7%	14,2%	91,1%	89,2%
Vốn điều lệ	Trđ		5.689	5.689		100,0%
Tổng tài sản	Trđ		20.540	21.050		97,6%
Vốn CSH	Trđ		15.860	14.850		106,8%

HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN *(Tiếp theo)*

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW QUẢNG NAM (VINASEED QUẢNG NAM)

GĐKKD số: 3303070178 do sở KHĐT tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/3/2019.

Địa chỉ: Km943 QL1A, Thôn Bồ Mưng 1, Điện Thắng Bắc, TX. Điện Bàn, Quảng Nam.

Điện thoại: (0235) 3869455 / Fax: (0235) 3869253

Vinaseed sở hữu: 90,02% cổ phần có quyền biểu quyết

Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 2002: Công ty giống Nông Lâm nghiệp Quảng Nam thành lập theo Quyết định 479/2002/QĐ-UB ngày 21/02/2002 của UBND tỉnh Quảng Nam trên cơ sở đổi tên từ Nông trường Chiên Đàn và tiếp nhận Trại thực nghiệm giống NN BìnhTrung và tiếp nhận Trạm giống cây trồng TW Miền Trung.
- Năm 2005: Công ty cổ phần hóa theo Quyết định 3595/QĐ-UB ngày 26/9/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam đổi tên thành công ty CP giống NLN Quảng Nam.
- Năm 2016: Công ty đổi tên thành công ty CP giống cây trồng TW Quảng Nam theo Quyết định: 3676/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông lâm nghiệp.
- Mua bán vật tư nông nghiệp.
- Chế biến nông sản.

Đơn vị thành viên:

1. Xí nghiệp Giống Nông lâm nghiệp Chiên Đàn.
   Địa chỉ: xã Tam Đàn, H.Phú Ninh, Quảng Nam.
2. Xí nghiệp Giống Nông nghiệp Bình Trung.
   Địa chỉ: Xã Bình Trung, H.Thăng Bình, Quảng Nam.

Tình hình kinh doanh năm 2019 Vinaseed Quảng Nam:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH	TH 2019	CK 2018	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	92.000	80.928	86.143	88,0%	93,9%
Chênh lệch giá	Trđ	27.000	22.961	25.002	85,0%	91,8%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	13.750	10.230	12.572	74,4%	81,4%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	11.000	8.184	10.008	74,4%	81,8%
ROS (LN/DT)	%	14,9%	12,6%	14,6%	84,5%	86,3%
Vốn điều lệ	Trđ		5.000	5.000		100,0%
Tổng tài sản	Trđ		47.362	49.782		95,1%
Vốn CSH	Trđ		35.372	32.838		107,7%

HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN *(Tiếp theo)*

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM (SSC)

GĐKKD số 0302634683, do sở KHĐT TP HCM cấp lần đầu ngày 24/06/2002, thay đổi lần 10, ngày 19/8/2019.

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38442414- Fax: 028.38442387

Vinaseed sở hữu: 94,66% cổ phần có quyền biểu quyết.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất kinh doanh và XNK giống cây trồng.
- Sản xuất, kinh doanh các loại nông sản và vật tư nông nghiệp.

Đơn vị thành viên:

1. Chi nhánh Trà Vinh (Trà Vinh)
2. Chi nhánh Cờ Đỏ (Cần Thơ)
3. Chi nhánh Cai Lậy (Tiền Giang)
4. Chi nhánh Củ Chi (TP.HCM)
5. Chi nhánh Phú Giáo (Bình Dương)
6. Chi nhánh Lâm Hà (Lâm Đồng)
7. Chi nhánh miền Trung (Quảng Nam)
8. Chi nhánh Campuchia
9. Văn phòng đại diện Lào.
10. Văn phòng đại diện Lào.

Tình hình kinh doanh năm 2019 SSC:

SSC	ĐVT	KH 2019	TH 2019	CK 2018	TH/KH	TH/CK
Sản lượng	Tấn	37.328	36.953	33.608	99,0%	110,0%
Doanh thu		619.636	611.485	608.630	98,7%	100,5%
Chênh lệch giá		180.576	173.471	186.281	96,1%	93,1%
Lợi nhuận trước thuế		96.173	92.872	101.515	96,6%	91,5%
Lợi nhuận sau thuế		76.541	73.836	92.482	96,5%	79,8%
ROS (LN/DT)	%	12,4%	7,9%	13,5%	63,7%	58,5%
Vốn điều lệ	Trđ		149.924	149.924		100,0%
Tổng tài sản	Trđ		515.746	476.704		108,2%
Vốn CSH	Trđ		335.916	346.724		96,9%

HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN *(Tiếp theo)*

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HÀ NAM (HANAM HITECH)

GĐKKD số: 0700778275 do sở KHĐT tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 04/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 13/02/2020.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Nhân Khang, H.Lý Nhân, Hà Nam.

Điện thoại: (0226) 365 2888 Fax: (0226) 365 2666

Vinaseed sở hữu: 94,0% Vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh và chuyển giao công nghệ sản xuất dưa lưới và rau quả nông sản cao cấp theo mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tình hình kinh doanh năm 2019 Hanam Hitech:

HANAM HITECH	ĐVT	KH 2019	TH 2019	CK 2018	TH/KH	TH/CK
Doanh thu	Trđ	15.100	9.056	12.966	60,0%	70,0%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	2.234	(3.344)	(766)		
Vốn điều lệ	Trđ	50.000	50.000	50.000	100%	100%

HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN *(Tiếp theo)*

CÔNG TY TNHH LÚA GẠO VIỆT NAM (VINARICE)

GĐKKD số: 1402133347 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 01/11/2019.

Địa chỉ: Xã Trường Xuân, H.Tháp Mười, Đồng Tháp.

Điện thoại: (0277) 651 8888 Fax: (0277) 651 6666

Vinaseed sở hữu: 100% Vốn điều lệ.

Dự án Đồng Tháp khánh thành ngày 14/12/2019 đang dần hiện thực hóa ước mơ góp phần hình thành Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản quy mô lớn, hiện đại tại ĐBSCL. Để vận hành nhà máy đi vào hoạt động, Vinaseed thành lập công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (Vinarice) đơn vị 100% vốn của Tập đoàn chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2020 với 03 mục tiêu chính:

- Nghiên cứu chọn tạo, SXKD giống cây trồng phục vụ vùng xuất khẩu lúa gạo lớn nhất cả nước tại 13 tỉnh ĐBSCL. Tập trung vào các dòng sản phẩm có khả năng chống chịu tốt với biến đổi khí hậu và sâu bệnh, tiếp cận xu thế của thế giới về chuẩn sản phẩm an toàn và chất lượng.
- Dựa trên trên nền tảng vững chắc đó là Truyền thống - Công nghệ - Đội ngũ - và Mạng lưới kênh phân phối toàn quốc. Vinarice tổ chức liên kết với các mô hình HTX kiểu mới xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo khép kín, coi nông dân là chủ thể tạo ra sản phẩm sạch, an toàn theo tiêu chuẩn Vietgap, thông qua hình thức liên kết sản xuất, Vinarice chuyển giao kỹ thuật và đào tạo nghề miễn phí cho nông dân, ứng dụng các giải pháp canh tác bền vững: 3 giảm 3 tăng; quản lý dịch hại tổng hợp IPM; ứng dụng quản lý Farm Record để truy xuất nguồn gốc, sử dụng phân bón thông minh chậm phân hủy, thuốc bảo vệ thực vật gốc sinh học thế hệ mới góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm tồn dư thuốc BVTV và hàm lượng Nitorat trong sản phẩm, tiết kiệm công lao động sản xuất, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho bà con nông dân.
- Xây dựng mô hình tiên tiến, thay đổi phương thức quản trị sản xuất nông nghiệp theo công nghệ 4.0, thực hiện cơ giới hóa và giảm tổn thất trong sản xuất lúa gạo. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các HTX, hộ nông dân tham gia chuỗi sản xuất lúa gạo của Vinarice góp phần đem lại thu nhập ổn định cho nông dân.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2020 - 2023

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2020 80
Thị trường ngành nông nghiệp Việt Nam và triển vọng 2020 82
Xu hướng phát triển ngành giống cây trồng Việt Nam 83
Các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược phát triển Tập đoàn. 84
Mục tiêu chiến lược đến năm 2023 85
Kế hoạch kinh doanh năm 2020 85

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2020

Năm 2019, kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP 7,02% vượt mục tiêu đề ra 6,8%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019 đạt 516,96 tỉ USD tăng 7,7%, với kim ngạch xuất khẩu đạt 263 tỉ USD, tăng 8,1% và kim ngạch nhập khẩu đạt 254 tỉ USD, tăng 7% so với năm 2018. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa được phản ánh rõ nét qua tỷ trọng đóng góp GDP của các nhóm ngành kinh tế. Công nghiệp và dịch vụ duy trì tỷ trọng cao (40 - 42%) trong suốt giai đoạn từ 2015 -2019. Trong khi tỷ trọng của khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản liên tiếp suy giảm qua các năm từ 17% năm 2015 xuống còn 14% năm 2019. Tự do thương mại được đẩy mạnh khi tăng cường thực hiện Hiệp định CPTPP, thực hiện các cam kết của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), ký hiệp định thương mại và bảo hộ đầu tư với EU (EVFTA và IPA).

Tăng trưởng GDP
7,02%

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 2019
516,96 tỉ USD

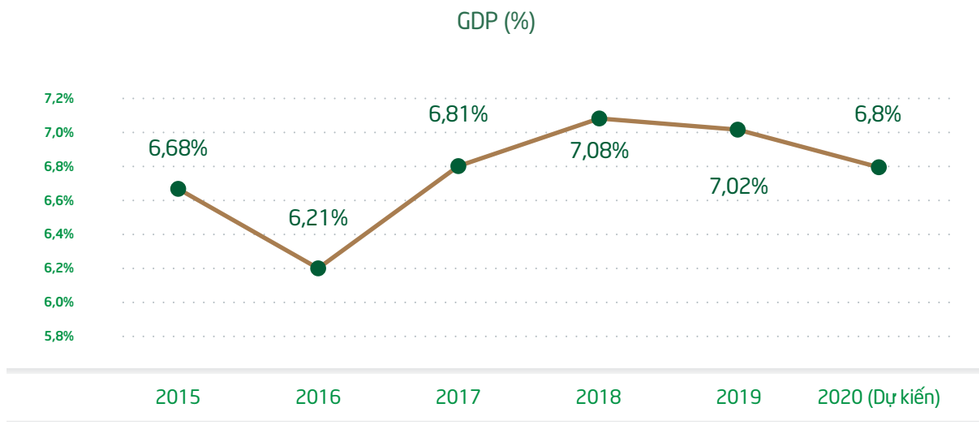

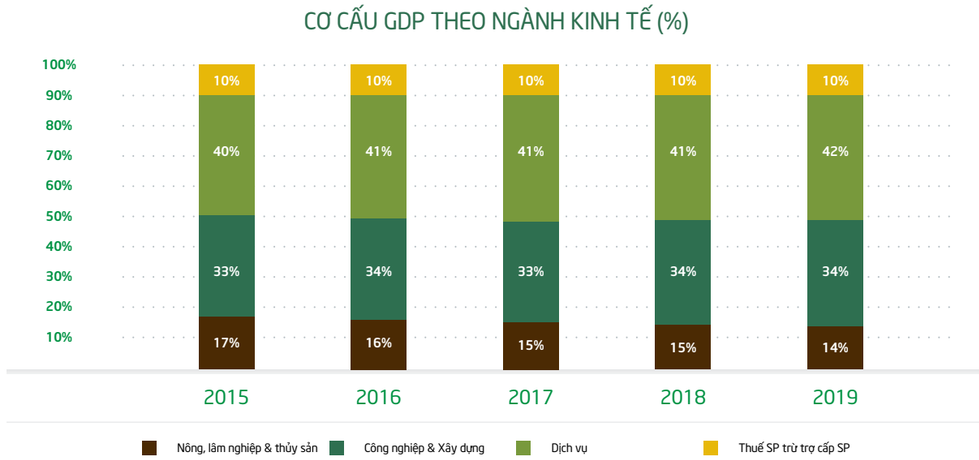

Dân số Việt Nam đang trong thời kỳ dân số vàng, hiện có 96,2 triệu người, trong đó gần 88% dân số trong độ tuổi từ 25-59 tham gia lực lượng lao động (LLLĐ) trong đó tỷ trọng dân số tham gia LLLĐ đạt cực đại ở nhóm tuổi 25-29 (14,3%) và nhóm 30-34 (14,2%). Việt Nam đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, khi cơ cấu tuổi của dân số trong LLLĐ (68%) gấp đôi các nhóm dân số còn lại (32%).

THỊ TRƯỜNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM VÀ TRIỂN VỌNG 2020

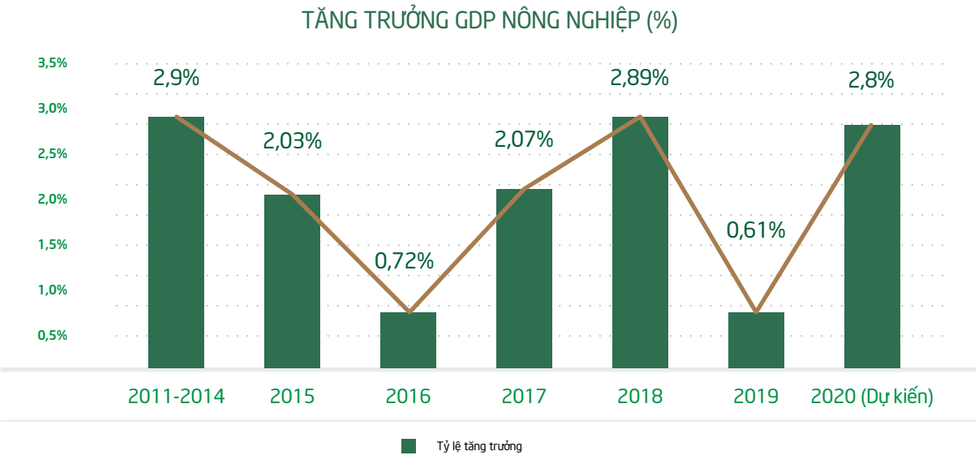

Tình hình thời tiết diễn biến thất thường, hạn hán kéo dài, tình hình xâm ngập mặn tại ĐBSCL ngày càng phức tạp dẫn đến diện tích cây trồng bị giảm mạnh, nông dân bỏ ruộng, cơ cấu cây trồng thay đổi nhanh chóng. Sự xuất hiện liên tiếp của dịch bệnh (H5N6, dịch tả lợn châu phi,...) cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm của ngành nông nghiệp.

Ngành nông nghiệp đạt mức tăng thấp 0,61%, là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2019. Tỷ trọng đóng góp của ngành nông nghiệp đạt xấp xỉ 14% GDP nhưng sử dụng đến 35.3% lực lượng lao động.

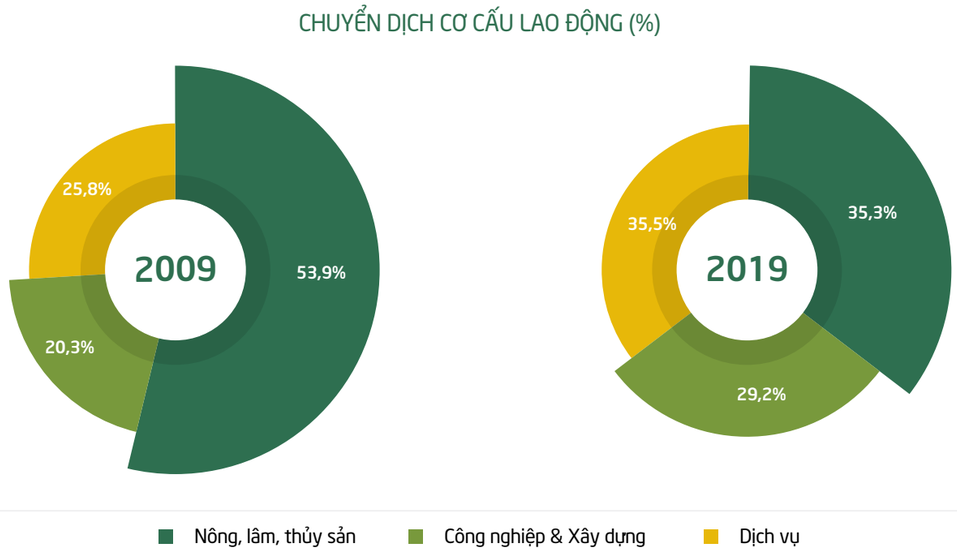

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn để thúc đẩy phân công lại lực lượng lao động theo hướng giảm tỷ trong lao động trong nông nghiệp nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp

Sát nhập các công ty nhỏ vào các Công ty lớn, tận dụng lợi thế nguồn lực để phát triển thị trường.

Nhu cầu sử dụng giống hàng hóa 303,3 nghìn tấn chiếm tỷ lệ 42% trong tổng nhu cầu. Theo đề án tái cấu trúc ngành trồng trọt, tỷ lệ sử dụng giống hàng hóa sẽ tăng đến 70% vào năm 2020 và 100% vào năm 2025.

Tái cấu trúc nên sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cáo giá trị gia tăng và xuất khẩu hình thành những vùng sản xuất hàng hoá lớn. đặc biệt các sản phẩm có lợi thế của VN. Việc chuyển đổi đất lúa sang các cây trồng khác đang trở thành xu thế, mục tiêu đến 2025, chuyển đổi khoảng 700 - 800 nghìn ha diện tích lúa sang cây trồng khác (ĐBSCL 500 nghìn ha) và kết hợp nuôi trồng thủy sản.

Xu hướng sử dụng các sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện cơ giới hoá trong nông nghiệp và phát triển theo chuỗi giá trị theo hướng từ đồng ruộng lên bàn ăn

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TẬP ĐOÀN

Cơ hội:

1. Thị trường ngày càng mở rộng do môi trường xã hội thay đổi, trình độ dân trí cao, đời sống được cải thiện dẫn đến thay đổi tập quán tiêu dùng, tỷ lệ sử dụng giống hàng hóa tăng.
2. Cơ hội hợp tác SXKD sang các nước trong khu vực và trên thế giới ngày càng lớn khi tham gia sâu vào các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, AEC, EVFTA.
3. Định hướng phát triển kinh tế xã hội của đảng và chính phủ tập trung cho khoa học công nghệ nông nghiệp
4. Yêu cầu tái cấu trúc nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và xuất khẩu theo hướng các sản phẩm chất lượng.

Thách thức:

1. Áp lực cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài trong cung ứng các sản phẩm cao cấp. Sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ trên thế giới, vòng đời sản phẩm ngày càng ngắn, áp lực sản phẩm thay thế, sự phát triển của dòng sản phẩm GMO.
2. Quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá được đẩy mạnh làm suy giảm diện tích đất nông nghiệp. Thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp, sự chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ dẫn đến thiếu hụt nguồn nhân lực trẻ tại nông thôn.
3. Thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp khiến người dân không còn mặn mà với sản xuất nông nghiệp.
4. Cam kết của người nông dân và tính chuyên nghiệp trong sản xuất thấp.
5. Biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn dự đoán, tình hình xâm ngập mặn, hạn hán diễn ra thường xuyên => nghiên cứu chưa theo kịp.

Lợi thế của Vinaseed:

R&D và phát triển sản phẩm:

- Năng lực nghiên cứu: Đội ngũ chuyên gia công nghệ hàng đầu, là đơn vị có năng lực nghiên cứu mạnh đặc biệt lĩnh vực giống lúa.
- Bộ sản phẩm đa dạng, phổ thích nghi rộng, đặc biệt có một số sản phẩm dẫn dắt thị trường.

Thị trường: Hệ thống kênh phân phối chuyện nghiệp, rộng khắp và đa dạng: đặc biệt là hệ thống đối tác lớn.

Quản trị:

- Hệ thống quản trị minh bạch, công khai theo chuẩn mực quốc tế.
- Bộ máy lãnh đạo có trình độ và thích ứng cao, đội ngũ chuyên gia tạo giống đầu ngành trong và ngoài nước. CBCNV trẻ, khỏe, có trình độ, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp.
- Văn hóa Vinaseed, tạo nên sự khác biệt là nền tảng để phát triển bền vững.
- Tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động kinh doanh hiệu quả.
- Quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng phát triển, đặc biệt là mối quan hệ mật thiết với đơn vị nghiên cứu đầu ngành trong nước và quốc tế.

Cơ sở vật chất: Đầu tư hiện đại, trải dài từ bắc vào nam, đáp ứng nhu cầu phục vụ SXKD.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2023

Mục tiêu tăng trưởng bình quân: 20%/năm.

Mục tiêu thị phần:

- Tập trung khai thác và nâng thị phần tại các vùng thị trường quản lý, với mục tiêu thị phần nội địa đến 2023 là từ 40 - 50%.
- Chi phối thị trường lúa, ngô thực phẩm (ngô nếp & ngô đường) tại Việt Nam.

Định vị sản phẩm mục tiêu:

Cơ cấu doanh thu sản phẩm bản quyền có hàm lượng công nghệ cao chiếm: 90%.

Trong đó định hướng phát triển:

- Lúa thuần: tập trung vào dòng chất lượng, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, chịu úng, chịu hạn.
- Lúa lai: tập trung vào dòng năng suất, chất lượng.
- Ngô: tập trung phát triển các dòng ngô thực phẩm và ngô sinh khối.
- Rau: tập trung rau lai F1 giá trị kinh tế cao và các sản phẩm đậu xanh giá.
- Nông sản: tập trung sản phẩm gạo thương hiệu phục vụ thị trường nội tiêu và xuất khẩu.

KẾ HOẠCH NĂM 2020

Mục tiêu quản trị:

- Tiếp tụcTái cấu trúc Tập đoàn và các công ty thành viên.
- Đầu tư chiều sâu, tập trung cho công tác phát triển sản phẩm mới.
- Kiện toàn và làm mới mô hình kinh doanh.
- Ứng dụng công nghệ số trong điều hành (triển khai DMS, V.office, phần mềm nhân sự, Vinaseed Partner đến các công ty thành viên trong toàn Tập đoàn)

NỘI DUNG	ĐVT	DỰ TOÁN
Doanh thu	Trđ	1.513.000
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	185.100

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của BKS năm 2019 89
Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 90
Báo cáo tài chính và hệ thống tài chính kế toán 90
Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban TGĐ Tập đoàn 91
Tình hình thực hiện quy chế tại các đơn vị 91
Kết luận và kiến nghị 91

BÁO CÁO
BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2019

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo Điều lệ Công ty, năm 2019 BKS đã tiến hành họp và kiểm tra hoạt động SXKD Tập đoàn, thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định quản lý, điều hành hoạt động SXKD tại Trụ sở chính, các đơn vị trực thuộc.

Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 như sau:

- ☑ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- ☑ Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính năm và 6 tháng của Tập đoàn, báo cáo của Hội đồng quản trị.
- ☑ Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm.
- ☑ Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác, các công việc quản lý, điều hành của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.

Năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu kiểm tra bất thường nào đối với hoạt động Công ty.

Các phiên họp ban Kiểm soát:

TT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ TV BKS	THAM DỰ	TỶ LỆ
1	Vũ Thị Lan Anh	Trưởng BKS (*)	19/4/2018	2/2	100%
2	Nguyễn Khánh Quỳnh	TV BKS đến 24/4/2019	19/3/2012 - 24/4/2019	1/2	50%
3	Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên BKS	19/3/2012	2/2	100%
4	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS từ 24/4/2019	24/4/2019	1/2	50%

(*) Bà Vũ Thị Lan Anh được bầu Trưởng BKS thay ông Nguyễn Khánh Quỳnh từ 24/4/2019.

TT	BIÊN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
1	BKS-BB-2019-01	17/8/2019	Tổng kết các đợt làm việc định kỳ 6 TĐN 2019 của BKS tại trụ sở chính và chi nhánh, thống nhất Báo cáo kết quả làm việc của BKS.
2	BKS-BB-2019-02	27/3/2020	Tổng kết các đợt làm việc định kỳ 6 TCN 2019 của BKS tại trụ sở chính và chi nhánh, thống nhất nội dung Báo cáo BKS trình ĐHCĐTN 2020.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019

Kết quả kinh doanh hợp nhất:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	NĂM 2019	NĂM 2018	2019/ KẾ HOẠCH	NỘI DUNG
Doanh thu thuần	Trđ	1.600.000	1.518.452	1.605.380	94,9%	94,6%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	240.000	207.458	252.702	86,4%	82,1%

Trong năm 2019, Công ty hoàn thành 94,9% Kế hoạch doanh thu và 86,4% Kế hoạch lợi nhuận sau thuế của ĐHCĐTN 2019.

Tình hình đầu tư trong năm 2019:

Năm 2019, Vinaseed đã triển khai đầu tư Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản tại tỉnh Đồng Tháp. Dự án trở thành trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản lớn tại vùng ĐBSCL với hệ thống dây chuyền công nghệ hiện đại, đồng bộ và tự động hóa bằng 100% công nghệ Nhật Bản, với giai đoạn 1 có tổng vốn đầu tư 326 tỷ đồng, công suất chế biến bảo quản 100.000 tấn gạo/năm và 50.000 tấn giống/năm. Dự án được triển khai xây dựng trong thời gian ngắn, chỉ trong 8 tháng từ tháng 4 - tháng 12/2019, công tác triển khai Dự án đảm bảo thực hiện đúng Nghị quyết HĐQT, đúng quy định pháp luật, **tiết kiệm gần 80 tỷ đồng đầu tư XDCB**.

Trong năm, Công ty đã thực hiện phát hành trái phiếu NSC: 100 tỷ đồng đảm bảo nguồn vốn phục vụ kịp thời cho hoạt động đầu tư XDCB và sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

BCTC được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan:

- ☑ BCTC bán niên và BCTC năm 2019 được soát xét và kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- ☑ BCTC năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính đến thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi trọng yếu khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Công ty chấp hành đầy đủ các quy định về việc công bố thông tin, kiểm toán và thực hiện việc soát xét BCTC theo đúng quy định luật Chứng khoán và các văn bản dưới luật áp dụng đối với công ty niêm yết.

SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT VÀ BAN TGĐ TẬP ĐOÀN

- ☑ Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của BKS. BKS đưa ra những phân tích, đánh giá, và khuyến nghị trách nhiệm với Công ty. BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT, Ban điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ (bố trí nhân sự, điều kiện làm việc thuận lợi; cung cấp tài liệu, báo cáo, thông tin đầy đủ, rõ ràng) để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- ☑ BKS đã có ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, Ban TGĐ, góp phần giải quyết các vấn đề rủi ro có thể phát sinh. Các giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý, phòng ngừa rủi ro BKS đưa ra được Ban điều hành ghi nhận và có nhiều cải tiến đổi mới trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- ☑ Công tác quản trị, CBTT, và trao đổi thông tin giữa HĐQT, Ban TGĐ và BKS được thực hiện đầy đủ theo Điều lệ và quy định của UBCK Nhà nước.
- ☑ HĐQT, Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực trong chỉ đạo điều hành, giám sát hoạt động đầu tư, kinh doanh, thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, thực hiện đúng các nội dung ĐHĐCĐ, HĐQT đã thông qua, đảm bảo hiệu quả và an toàn.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY CHẾ TẠI CÁC ĐƠN VỊ

- ☑ Các đơn vị, chi nhánh và văn phòng Công ty cơ bản đã thực hiện nghiêm túc và tuân thủ quy chế, quy trình công ty ban hành về sản xuất, chế biến, bán hàng, vận chuyển và các hoạt động khác.
- ☑ Công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy định của Công ty được tăng cường. Ứng dụng tốt công nghệ 4.0 vào quản lý góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và năng suất lao động.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2019, HĐQT và Ban TGĐ đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Quy chế công ty.

Ban TGĐ đã xem xét nghiêm túc kiến nghị của BKS trong các kỳ trước và đã thực hiện các biện pháp hoàn thiện quy trình SXKD, như cập nhật lại định mức hao hụt trong sản xuất và CBBQ, có chính sách khuyến khích khách hàng thanh toán chuyển khoản để giảm thiểu giao dịch tiền mặt, tăng cường kiểm kê hàng tồn kho cuối vụ.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

VŨ THỊ LAN ANH

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thông tin cổ phần	94
Lịch sử chia cổ tức	94
Lịch sử tăng vốn điều lệ	95
Thông tin cổ đông	97
Thay đổi nhân sự HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2019	99
Hoạt động của ĐHĐCĐ	99
Hoạt động của HĐQT	99
Hoạt động của BKS	103
Đào tạo quản trị công ty	104
Thù lao HĐQT, BKS, Tổng giám đốc Tập đoàn	104
Báo cáo quản trị rủi ro	106

THÔNG TIN CỔ PHẦN

VINASEED®

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên:	21/12/2006
Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên:	21/12/2006
Loại cổ phiếu niêm yết:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán niêm yết:	NSC
Nơi niêm yết:	Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM - HOSE
Đơn vị kiểm toán độc lập:	Ernst & Young Vietnam Ltd
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu 31/12/2019:	17.586.988 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành 31/12/2019:	17.574.516 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2019:	12.472 cổ phiếu
Vốn hóa thị trường (31/12/2019):	1.582.828.920 đồng

LỊCH SỬ CHIA CỔ TỨC

NĂM	TỶ LỆ CỔ TỨC	CHIA CỔ TỨC	
		BẰNG TIỀN	BẰNG CỔ PHIẾU
2006	19%	19%	
2007	39%	19%	20%
2008	22%	15%	7%
2009	50%	18%	32%
2010	30%	30%	
2011	30%	30%	
2012	50%	30%	20%
2013	30%	30%	
2014	30%	30%	
2015	30%	30%	
2016	30%	30%	
2017	30%	15%	15%
2018	30%	30%	

LỊCH SỬ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

THỜI ĐIỂM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG (VNĐ)	PHÁT HÀNH TĂNG THÊM	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	CƠ SỞ PHÁP LÝ
2004	13.500.000.000	1.350.000	Cổ phần hoá	Quyết định 5029/QĐ-BNN-TC-CB ngày 10/11/2003 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2006	22.120.100.000	862.010	Phát hành nội bộ cho cổ đông hiện hữu, HĐQT, BKS, Bộ máy điều hành, CBNV và nhà đầu tư chiến lược	Biên bản ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/3/2006
2006	30.000.000.000	787.990	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV	Biên bản ĐHĐCĐ bất thường ngày 30/6/2006
2007	36.000.000.000	600.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu, trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 07/4/2007
2008	57.659.500.000	2.165.950	Phát hành cho cổ đông hiện hữu. Phát hành cho CBCNV. Phát hành cho cổ đông chiến lược.	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 07/4/2007
2009	80.141.610.000	2.248.211	Phát hành cổ phiếu thưởng, chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 14/3/2009
2010	81.341.610.000	120.000	Phát hành cổ phiếu thưởng chương trình ESOP 2009 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 21/3/2010
2011	82.561.610.000	122.000	Phát hành cổ phiếu thưởng chương trình ESOP 2010 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/03/2011
2012	100.298.380.000	1.773.677	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu chương trình ESOP 2011 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 19/3/2012
2014	152.950.000.000	5.265.162	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Chương trình ESOP 2014 cho CBCNV	Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/12/2013
2018	175.869.880.000	2.291.988	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 19/4/2018

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thông tin liên hệ:

Bộ phận Quan hệ cổ đông - Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Địa chỉ: Số 01, Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 0243.8523294

Emai: nsc@vinaseed.com.vn

Trang quan hệ nhà đầu tư: http://vinaseed.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin.htm

Trang Đại hội đồng cổ đông: http://vinaseed.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/dai-hoi-dong-co-dong.htm

Cơ cấu cổ đông 31/12/2019

ĐỐI TƯỢNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHIẾU	% VỐN ĐIỀU LỆ
I. CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	880	15.709.900	89,33%
1. Tổ chức	40	14.697.847	83,57%
2. Cá nhân	840	1.012.053	5,76%
II. CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	120	1.877.088	10,67%
1. Tổ chức	19	1.648.484	9,37%
2. Cá nhân	101	228.604	1,30%
TỔNG CỘNG	**1.000**	**17.586.988**	**100,00%**
1. Tổ chức	59	16.346.331	92,95%
2. Cá nhân	941	1.240.657	7,05%

Tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn

TT	CỔ ĐÔNG	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG			SỞ HỮU	
		NHÀ NƯỚC	CHIẾN LƯỢC	CĐ LỚN	SỐ CP	% VĐL
1	Công ty cổ phần Pan Farm			x	14.078.707	80,05%
2	Matthews Emerging Asia Fund			x	1.006.442	5,72%
	CỘNG				**15.085.149**	**85,77%**

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Hội đồng quản trị

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU		% VỐN ĐIỀU LỆ
			SỐ CP	% VĐL	
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	37.113	0,21%	
2	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	4.600	0,03%	TV không điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	4.600	0,03%	TV không điều hành
4	Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	27.618	0,16%	TV không điều hành
5	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên HĐQT	4.600	0,03%	TV không điều hành
6	Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	19.813	0.11%	
7	Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	4.600	0,03%	

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của ban Kiểm soát

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	
			SỐ CP	% VĐL
1	Bà Vũ Thị Lan Anh	Trưởng BKS	0	0,00%
2	Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên BKS	31.903	0,18%
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS	0	0,00%

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Ban điều hành

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	
				% VĐL
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	37.113	0,21%
2	Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	19.813	0.11%
3	Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	4.600	0,03%
4	Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó TGĐ	6.289	0,04%
5	Ông Dương Quang Sáu	Phó TGĐ	5.759	0,03%
6	Ông Phạm Trung Dũng	Phó TGĐ	7.493	0,04%
7	Ông Phan Thế Tý	Kế toán Trưởng	15.699	0,09%

Giao dịch nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu NSC năm 2019

NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	MỐI QUAN HỆ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU NĂM		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI NĂM		DIỄN GIẢI
		SỐ CP	% VĐL	SỐ CP	% VĐL	
Nguyễn Hải Thọ	Phó TGĐ công ty, CĐ nội bộ	16.289	0,09%	6.289	0,04%	Giao dịch bán từ 16/9 - 30/9/2019

Nghiệp vụ với các bên có liên quan:

Các nghiệp vụ với các bên liên quan trong năm 2019 được trình bày trong khoản mục 30. Của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán và khoản mục 26. Báo cáo Tài chính riêng 2019 đã được kiểm toán đã được công bố triên website: www.vinaseed.com.vn/ quan hệ nhà đầu tư.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ HĐQT, BKS, BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2019

1. Bổ nhiệm ông Dương Quang Sáu - Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất kể từ ngày 01/02/2019 - 01/02/2024 (QĐ 15/QĐ-VINASEED-HĐQT ngày 23/01/2019).
2. Ông Nguyễn Khắc Hải từ nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 24/4/2019 (Nghị quyết 26/NQ-ĐHĐCĐTN2019).
3. Ông Nguyễn Khánh Quỳnh từ nhiệm Thành viên BKS kể từ ngày 24/4/2019. Ông Nguyễn Khánh Quỳnh được bầu làm thành viên HĐQT kể từ ngày 24/4/2019 (Nghị quyết 26/NQ-ĐHĐCĐTN2019).
4. Ông Nguyễn Anh Tuấn được bầu làm thành viên BKS kể từ ngày 24/4/2019 (Nghị quyết 26/NQ-ĐHĐCĐTN2019).
5. Bà Vũ Thị Lan Anh được BKS bầu giữ chức vụ Trưởng BKS kể từ ngày 25/4/2019.

HOẠT ĐỘNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ngày 24/4/2019 ĐHĐCĐ thường niên Vinaseed đã diễn ra thành công với sự đồng thuận và nhất trí cao với Quyết nghị như sau:

VĂN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
26/NQ-ĐHĐCĐ	24/4/2019	☑ Thông qua Báo cáo hoạt động HĐQT 2018, định hướng hoạt động 2019 và Báo cáo Ban điều hành năm 2018. ☑ Thông qua BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2018. ☑ Thông qua Báo cáo BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2019. ☑ Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận 2018. ☑ Thông qua Báo cáo chi trả tiền lương kinh doanh, thù lao, tiền thưởng HĐQT, BKS 2018 và Phương án chi trả tiền lương kinh doanh, thù lao HĐQT và BKS 2019. ☑ Ủy quyền cho BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019. ☑ Thông qua Tờ trình chấp thuận Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ. ☑ Bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017 - 2021.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Các phiên họp HĐQT năm 2019:

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ TV HĐQT	SỐ BUỔI	TỶ LỆ
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	19/3/2012	4/4	100%
2	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó CT HĐQT	19/3/2012	4/4	100%
3	Bà Nguyễn Thị Trà My	TV HĐQT	21/3/2013	4/4	100%
4	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	TV ĐĐQT	24/4/2019	3/4	75%
5	Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	19/3/2012	4/4	100%
6	Ông Đỗ Bá Vọng	TV HĐQT, Phó TGĐ	19/3/2012	4/4	100%
7	Ông Nguyễn Quang Trường	Ủy viên HĐQT Phó TGĐ	18/4/2017	4/4	100%

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGĐ:

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, điều hành SXKD của Ban TGĐ và việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên, Nghị quyết HĐQT trong năm 2019.

Phương thức giám sát:

- Giám sát thông qua các nội dung báo cáo tại phiên họp HĐQT. Thông qua thư điện tử, trao đổi trực tiếp về tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, mục tiêu 2019, các nội dung chỉ đạo tại Nghị quyết HĐQT.
- Tiểu ban quản trị, nhân sự và pháp chế; Tiểu ban Đầu tư: Giám sát các khía cạnh tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát tính tuân thủ trong các hoạt động đầu tư, kinh doanh.
- 2019 - HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp trực tiếp, các phiên họp đều mở rộng có sự tham gia của BKS, ban TGĐ, các phiên họp đã đưa ra các quyết nghị định hướng cho Ban điều hành triển khai, ngoài ra, HĐQT cũng đã tiến hành 05 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 9 nghị quyết, biên bản liên quan đến các vấn đề trọng yếu thuộc HĐQT.

Hoạt động giám sát:

- Chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Chỉ đạo và giám sát đầu tư dự án, đặc biệt đối dự án Đồng Tháp.
- Chỉ đạo, giám sát việc huy động vốn phục vụ đầu tư và kinh doanh.
- Chủ trì và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 24/4/2019.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ BCTC.
- Giám sát thực hiện CBTT đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo quy định UBCK Nhà nước, Sở GDCK TP.HCM.
- Giám sát, hỗ trợ hoạt động Ban điều hành góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, SXKD.

Kết quả giám sát: Qua hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT đánh giá Ban điều hành:

- Ban điều hành đã rất nỗ lực trong hoàn cảnh khó khăn chung của ngành nông nghiệp Việt Nam và đã thực hiện khá tốt nhiệm vụ 2019.
- Tuân thủ thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế công ty, thực thi công việc đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị.
- Các hoạt động đầu tư, XDCB thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định pháp luật. Dự án triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, góp phần tiết kiệm chi phí đầu tư.
- Quản trị doanh nghiệp công khai, minh bạch, có nhiều đổi mới về tổ chức, quản lý và kiểm soát. Chấp hành nghiêm các quy định CBTT, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho HĐQT, BKS.
- Quản lý tài chính tốt, đảm bảo cân đối vốn phục vụ đầu tư và kinh doanh. Các BCTC phản ánh đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ.
- Trong năm 2019, Vinaseed được vinh danh TOP 10 quản trị doanh nghiệp tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam, quản trị tài chinh đứng đầu ngành trồng trọt, TOP 500 doanh nghiệp lớn và tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu của TP Hà Nội.

Các phiên họp HĐQT năm 2019:

VĂN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
56/CTG	11/01/2019	◆ Thông báo thay đổi nội dung giấy phép ĐKKD (đổi tên công ty thành CTCP Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam).
12/NQ-VINASEED-HĐQT	14/01/2019	◆ Thông qua báo cáo hoạt động SXKD, đầu tư, XDCB 2018. ◆ Thông qua chi trả cổ tức đợt 1 năm 2018 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt, tỷ lệ thực hiện 15%. ◆ Thông qua bổ sung 01 chức danh Phó TGĐ sản xuất. ◆ Phê duyệt phương án thành lập Trung tâm R&D của Tập đoàn (VRDC), bổ nhiệm ông Đỗ Bá Vọng - UV HĐQT, PTGĐ kiêm Giám đốc VRDC. ◆ Thông qua đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu SSC lên 100%. ◆ Các nội dung khác.
15/QĐ-VINASEED-HĐQT	23/01/2019	◆ Bổ nhiệm ông Dương Quang Sáu giữ chức Phó Tổng giám đốc sản xuất kể từ 01/02/2019.
16/BC-VINASEED-HĐQT	23/01/2019	◆ Báo cáo Quản trị công ty niêm yết 2018
175/CTG-CBTT	28/02/2019	◆ Công bố thành lập Trung tâm VRDC (ngày thành lập 25/2/2019).
16/NQ-VINASEED-HĐQT	13/3/2019	◆ Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ TN 2019.
19/NQ-VINASEED-HĐQT	08/4/2019	◆ Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, đầu tư XDCB Quý I-2019 ◆ Thông qua Phương án kinh doanh 2019 trình ĐHĐCĐ. ◆ Thông qua các Tờ trình, báo cáo trình ĐHĐCĐTN 2019. ◆ Thông qua dừng phát hành tăng vốn Điều lệ theo NQ12. ◆ Nhận đơn từ nhiệm TV HĐQT của ông Nguyễn Khắc Hải và đơn từ nhiệm TV BSK của ông Nguyễn Khánh Quỳnh, thời gian từ nhiệm từ 24/4/2019 để trình ĐHĐCĐ TN 2019 đồng thời trình ĐHĐCĐ bầu bổ sung 01 TV HĐQT và 01 TV BKS. ◆ Giao TGĐ xây dựng PA thành lập công ty tại DA Đồng Tháp
	17/04/2019	◆ Công bố Báo cáo thường niên Tập đoàn.
02/BB-VINASEED-BKS	25/04/2019	◆ BKS bầu bà Vũ Thị Lan Anh giữ chức Trưởng BKS kể từ 25/4/2019.
29/NQ-VINASEED-HĐQT	13/5/2019	◆ Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu (giá trị phát hành 100 tỷ đồng, kỳ hạn 01 năm).
31/BB-VINASEED-HĐQT	15/5/2019	◆ Thông qua hạn mức tín dụng ngân hàng.
34/BB-VINASEED-HĐQT	09/7/2019	◆ Báo cáo SXKD, đầu tư XDCB 6 TĐN, Kế hoạch 6TCN 2019. ◆ Thông qua Báo cáo DA Đồng Tháp. HĐQT giao cho TGĐ (với sự hỗ trợ của Tập đoàn Pan) xây dựng phương án Tái cấu trúc SSC, thành lập công ty và tổ chức hoạt động công ty tại DA Đồng Tháp.
36/BC-VINASEED-HĐQT	23/7/2019	◆ Báo cáo Quản trị công ty niêm yết 6 TĐN 2019
37/BB-VINASEED-HĐQT	03/9/2019	◆ Thông qua hạn mức tín dụng ngân hàng.
42/NQ-VINASEED-HĐQT	22/10/2019	◆ Báo cáo Kết quả SXKD, đầu tư, XDCB 9TĐN2019. ◆ Thông qua lịch chi trả cổ tức đợt 2 năm 2018. ◆ Thông qua Phương án thành lập công ty tại Đồng Tháp. ◆ Thông qua Tờ trình điều chỉnh kế hoạch 2019.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HĐQT

Tiểu ban Quản trị, Nhân sự và Pháp chế

Nhân sự

Bà Nguyễn Thị Trà My - Trưởng Tiểu ban

Bà Lê Thị Lệ Hằng - Thành viên

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh - Thành viên.

Nhiệm vụ

- Tư vấn pháp lý đầu tư, giám sát công tác quản trị rủi ro, phát triển bền vững, Điều lệ, quy chế quản trị, hỗ trợ công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.
- Tham gia phương án tái cấu trúc tổ chức nhân sự. Xây dựng và giám sát kế hoạch phát triển nhân sự cấp cao.
- Xây dựng chính sách thù lao thành viên HĐQT, BKS, các chính sách đãi ngộ, lương thưởng.
- Tham gia xây dựng chính sách phát triển bền vững, hệ thống quản trị rủi ro.

Hoạt động Tiểu ban

- Tham gia, hỗ trợ công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019.
- Tư vấn pháp lý công bố thông tin, quản trị rủi ro.
- Tư vấn thành lập công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (Vinarice) để quản lý và vận hành Dự án tại Đồng Tháp. Thiết lập bộ máy quản trị, quy chế, nhân sự, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu Vinarice.
- Tham gia phương án tái cấu trúc SSC và xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự cấp cao trong Tập đoàn.
- Xây dựng chính sách thù lao thành viên HĐQT, BKS, TGĐ, các chính sách lương thưởng, đãi ngộ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

TIỂU BAN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Nhân sự

GS.VS.TSKH. Trần Đình Long - Trưởng Tiểu ban

Ông Đỗ Bá Vọng - Thành viên.

Nhiệm vụ

- Xây dựng chiến lược nghiên cứu KHKT, chỉ đạo, giám sát thực hiện chiến lược.
- Tư vấn đầu tư và quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực phục vụ nghiên cứu và phát triển. Tư vấn xác định giá trị bản quyền nghiên cứu khoa học trong chuyển giao, thuê chuyên gia hợp tác.
- Hỗ trợ thông tin tiến bộ KHKT nông nghiệp trong nước và quốc tế, tư vấn định hướng công tác nghiên cứu của công ty.
- Tìm kiếm, giới thiệu các đối tác phục vụ hoạt động R&D của công ty.
- Tham gia thẩm định, đánh giá kết quả nghiên cứu KHKT.

Hoạt động Tiểu ban

- Tư vấn thành lập VRDC - thực hiện thành công mục tiêu thống nhất chiến lược R&D của Tập đoàn.
- Tư vấn tuyển dụng, đào tạo nhân lực R&D, xác định giá trị bản quyền sản phẩm.
- Hỗ trợ thông tin KHKT nông nghiệp trong nước và quốc tế.
- Tham gia hoạch định chiến lược phát triển sản phẩm 2020 - 2023, tham dự các Hội đồng khoa học thẩm định và đánh giá kết quả nghiên cứu của VRDC.

TIỂU BAN ĐẦU TƯ

Nhân sự

Bà Lê Thị Lệ Hằng - Trưởng Tiểu ban

Bà Nguyễn Thị Trà My - Thành viên

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh - Thành viên

Ông Nguyễn Quang Trường - Thành viên.

Nhiệm vụ

- Xây dựng và giám sát việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển Công ty.
- Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát thực hiện các hoạt động đầu tư M&A, đầu tư xây dựng cơ bản.

Hoạt động Tiểu ban

- Tham gia xây dựng Phương án và thực hiện thành công phát hành trái phiếu NSC với tổng số vốn phát hành 100 tỷ đồng (29/5/2019) đảm bảo vốn phục vụ đầu tư, XDCB và kinh doanh.
- Giám sát và hỗ trợ các hoạt động đầu tư, đặc biệt tại Dự án Đồng Tháp.
- Tham gia xây dựng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2020 - 2023.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các phiên họp của BKS năm 2019:

TT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ TV BKS	THAM DỰ	TỶ LỆ
4	Vũ Thị Lan Anh	Trưởng BKS (*)	19/4/2018	2/2	100%
1	Nguyễn Khánh Quỳnh	TV BKS đến 24/4/2019	19/3/2012 - 24/4/2019	1/2	50% (*)
2	Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên BKS	19/3/2012	2/2	100%
3	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS từ 24/4/2019	24/4/2019	1/2	50% (*)

(*) Ông Nguyễn Khánh Quỳnh từ nhiệm thành viên BKS, ĐHĐCĐ Thường niên 2019 đã bầu Ông Nguyễn Anh Tuấn làm Thành viên BKS kể từ ngày 24/4/2019.

Các biên bản họp ban Kiểm soát:

TT	BIÊN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
1	BKS-BB-2019-01	17/8/2019	Tổng kết các đợt làm việc định kỳ 6 TĐN 2019 của BKS tại trụ sở chính và chi nhánh, thống nhất Báo cáo kết quả làm việc của BKS.
2	BKS-BB-2019-02	27/3/2020	Tổng kết các đợt làm việc định kỳ 6 TCN 2019 của BKS tại trụ sở chính và chi nhánh, thống nhất nội dung Báo cáo BKS trình ĐHCĐTN 2020.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành: Trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của BKS (theo quy định tại Điều lệ, quy chế quản trị công ty, luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy chế quản trị công ty niêm yết của Sở GDCK TP HCM), BKS đã tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ.

Hoạt động giám sát:

- Giám sát chấp hành Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Giám sát việc thực hiện hoạt động đầu tư, XDCB, điều hành SXKD.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban điều hành lập, thẩm tra BCTC đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, tính tuân thủ, phù hợp với các chuẩn mực, các quy định chế độ kế toán tài chính hiện hành. Thẩm định các giao dịch trọng yếu của Công ty.
- Kiểm soát việc tuân thủ CBTT theo quy định pháp luật.
- Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty (thuế, BHXH, ...).
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm. Ngày 01/7/2019, công ty đã ký hợp đồng kiểm toán với công ty TNHH Ernst & Young VN kiểm toán BCTC 2019.
- Trong năm 2019, BKS không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải kiểm tra bất thường.

Kết quả giám sát:

- Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.
- BCTC được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật liên quan. Các khoản chi phí, khoản trích lập dự phòng công nợ, hàng tồn kho, khoản thu khó đòi theo đúng Thông tư Bộ Tài chính và theo quy chế quản lý công ty. Chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm toán và soát xét BCTC.
- CBTT theo đúng quy định pháp luật.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với hoạt động của HĐQT, ban điều hành:

- Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của BKS. BKS đưa ra những phân tích, đánh giá, và khuyến nghị trách nhiệm với Công ty. BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT, Ban điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ (bố trí nhân sự, điều kiện làm việc thuận lợi; cung cấp các báo cáo, thông tin đầy đủ, rõ ràng) để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- HĐQT, Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực trong chỉ đạo điều hành, giám sát hoạt động đầu tư, kinh doanh, thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, thực hiện đúng các nội dung ĐHĐCĐ, HĐQT đã thông qua, đảm bảo hoạt động công ty hiệu quả và an toàn.
- Các giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý, phòng ngừa rủi ro BKS đưa ra được Ban điều hành ghi nhận và có nhiều cải tiến đổi mới trong công tác quản trị doanh nghiệp.

ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2019, công ty đã tiến hành tổ chức đào tạo nội bộ, phổ biến các quy định mới về quản trị doanh nghiệp, các quy định về kiểm toán nội bộ và kinh nghiệm kiểm toán nội bộ tại công ty niêm yết, phổ biến hệ thống tiêu chuẩn GRI, tham dự đầy đủ các chương trình tập huấn do UBCK Nhà nước và Sở GDCK TP HCM tổ chức:

- Tập huấn về thẻ điểm Quản trị Công ty DNNY Việt Nam và các vấn đề về công bố thông tin trên Báo cáo thường niên/Báo cáo phát triển bền vững
- Tập huấn vai trò của Thư ký Công ty trong Quản trị Công ty hiện đại.
- Tập huấn cập nhật các điểm mới tại Dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi và tổ chức công ty theo mô hình quản trị tiên tiến

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Ủy viên HĐQT
2	Ông Nguyễn Quang Trường	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ, phụ trách CBTT
3	Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc, Thư ký HĐQT

THÙ LAO HĐQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	KẾ HOẠCH	ĐÃ CHI
Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	171.429.000	171.429.000
Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT	171.429.000	171.429.000
Nguyễn Thị Trà My	Ủy viên HĐQT	171.429.000	171.429.000
Trần Đình Long	Ủy viên HĐQT	171.429.000	171.429.000
Đỗ Bá Vọng	Ủy viên HĐQT	171.429.000	171.429.000
Nguyễn Khánh Quỳnh	TV HĐQT từ 24/4/2019	114.287.000	114.287.000
Nguyễn Quang Trường	Ủy viên HĐQT	171.429.000	171.429.000
Nguyễn Khắc Hải	TV HĐQT đến 24/4/2019	57.142.000	57.142.000
TỔNG CỘNG		1.200.000.000	1.200.000.000

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	KẾ HOẠCH	ĐÃ CHI
Vũ Thị Lan Anh	Trưởng BKS	83,334,000	83,334,000
Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên BKS	83,334,000	83,334,000
Nguyễn Anh Tuấn	TV BKS từ 24/4/2019	55,555,000	55,555,000
Nguyễn Khánh Quỳnh	TV BKS đến 24/4/2019	27,777,000	27,777,000
TỔNG CỘNG		250.000.000	250.000.000

Thù lao Tổng giám đốc năm 2019: Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-VINASEED-HĐQT ngày 14/01/2019, HĐQT phê duyệt mức lương của Tổng giám đốc. Mức lương Net: 130.000.000 đồng/tháng. Thời gian hưởng từ 01/01/2019.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro được thực hiện từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cấp quản lý cho đến nhân viên nhằm quản lý rủi ro trong mức độ rủi ro có thể chấp nhận và đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp. Vinaseed xây dựng khung quản trị rủi ro theo chuẩn Quốc tế COSO. Hệ thống quản trị rủi ro của Vinaseed (bao gồm hệ thống quy chế, quy trình, ban Kiểm soát nội bộ, Ban ứng phó với các tình huống khẩn cấp, ban an toàn lao động,...) được xây dựng để phân tích, đánh giá đầy đủ cac rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, tối ưu hóa giữa tương quan rủi ro và cơ hội, thực hiện các giải pháp khắc phục khi rủi ro xảy ra để đạt được mục tiêu doanh nghiệp.

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

BAN QUẢN TRỊ RỦI RO

QUẢN TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG KINH DOANH	QUẢN TRỊ RỦI RO SẢN XUẤT KỸ THUẬT	QUẢN TRỊ RỦI RO HỆ THỐNG
RỦI RO TÍN DỤNG	RỦI RO THỜI TIẾT	RỦI RO PHÁP LUẬT
HÀNG HOÁ	RỦI RO NGUỒN GEN, VẬT LIỆU	NGUỒN NHÂN LỰC
THỊ TRƯỜNG	RỦI RO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM	AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
TRUYỀN THÔNG, THƯƠNG HIỆU		BẢO MẬT THÔNG TIN

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

1. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT RỦI RO:

- Thiết lập hệ thống quy tắc làm việc:
  - Hệ thống quy chế: 20.
  - Hệ thống quy trình làm việc: 32. Bao gồm:
    - Kinh doanh, marketing: 5.
    - Kỹ thuật, sản xuất và quản lý chất lượng: 11.
    - Tài chính kế toán, kiểm soát: 8
    - Nhân sự, hành chính: 8.
- Xây dựng các giá trị nền tảng của tổ chức (Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng chiến lược, chính sách phát triển bền vững).
- Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức:
  - Đảm bảo sự phù hợp giữa sứ mệnh và cơ cấu tổ chức.
  - Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và các mối quan hệ trong tổ chức.
  - Xây dựng đội ngũ nhân sự có đạo đức nghề nghiệp, năng lực, nhiệt huyết và khả năng thích ứng công việc.
  - Thiết lập hệ thống báo cáo quản trị phù hợp đảm bảo thông tin thông suốt và chính xác trong toàn Công ty.
  - Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát: Ban kiểm soát nội bộ và hệ thống quy trình kiểm soát.

2. KIỂM SOÁT RỦI RO:

- Thiết lập các tầng phòng vệ, tập trung nguồn lực cho các hoạt động kiểm soát rủi ro trọng yếu.
- Thiết lập các chốt rủi ro.
- Áp dụng các biện pháp kiểm soát. Thiết lập các chuẩn mực trong kiểm soát nội bộ.
- Quy trình cải tiến khắc phục sau đánh giá và báo cáo kết quả khắc phục phòng ngừa.
- Xây dựng hệ thống giám sát (GRC): giám sát thường xuyên, định kỳ để hệ thống vận hành hiệu quả.

3. THIẾT LẬP NGƯỠNG RỦI RO (KHẨU VỊ) CHO HOẠT ĐỘNG:

Rủi ro và cơ hội đi liền với nhau, công ty thực hiện phân tích đầy đủ các loại rủi ro, và chấp nhận rủi ro trong giới hạn một cách cẩn trọng và có kiểm soát, đảm bảo tính hợp lý giữa chi phí kiểm soát và mức độ tổn thất rủi ro mang lại để đạt được mục tiêu kinh doanh.

4. NHẬN DIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO:

Phân rã chi tiết mọi hoạt động của Công ty để đánh giá nhận diện và kiểm soát rủi ro:

- Nhìn vào hoàn cảnh để nhận diện rủi ro.
- Nhận diện rủi ro cho từng hoạt động với đầy đủ 3 thành phần: Nguyên nhân - Rủi ro - Ảnh hưởng từ đó thiết lập danh mục rủi ro. Đánh giá xác xuất và mức độ tác động của rủi ro để quyết định mức độ quan tâm xử lý đối với từng loại rủi ro.
- Xác định các yếu tố thành công quan trọng để tập trung nguồn lực kiểm soát rủi ro.

5. TRUYỀN THÔNG RỦI RO:

- Thiết lập hệ thống truyền thông rủi ro phù hợp ở các cấp và cơ chế phản hồi thông tin trong Công ty.
- Truyền thông nhận thức về vai trò, trách nhiệm và biện pháp kiểm soát rủi ro đến ban quản lý đơn vị và nhân viên.

6. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT: Thực hiện đánh giá liên tục công tác quản trị rủi ro, gắn kết hoạt động quản trị rủi ro giữa các bộ phận.

NHẬN DIỆN VÀ QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU:

Vinaseed thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật, xây dựng hệ thống quy chế và quy trình làm việc đồng bộ, kiểm soát và đảm bảo tính tuân thủ, trung thực và đạo đức nghề nghiệp trong đội ngũ cán bộ nhân viên toàn Công ty. Liên tục cải tiến quy trình làm việc, nâng cao hiệu quả điều hành. Vinaseed cũng chủ động xác định và đề ra các biện pháp xử lý các yếu tố rủi ro có thể xảy ra trong tổ chức:

1. RỦI RO LUẬT PHÁP:

Hoạt động SXKD của Vinaseed chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, pháp luật giống cây trồng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong điều kiện khung pháp lý và luật pháp Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nên thường xuyên có những điều chỉnh, thay đổi. Vinaseed đã thực hiện quản trị hệ thống hóa, sơ đồ hóa các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo thượng tôn pháp luật:

- Hệ thống hóa, sơ đồ hóa các quy định trong luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán
- Hệ thống quy định pháp luật về Công bố thông tin.
- Hệ thống văn bản pháp luật về Giống cây trồng.
- Hệ thống pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ.
- Hệ thống pháp luật môi trường, quản lý chất thải, hóa chất, PCCC.
- Hệ thống quy định pháp luật lao động.
- Hệ thống các quy định, chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, doanh nghiệp KHCN.

Vinaseed luôn tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật Việt Nam, không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.

2. RỦI RO VỀ THỜI TIẾT:

Thời tiết được đánh giá là rủi ro trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ hạt giống của Vinaseed. Để đối phó với rủi ro này Vinaseed đã có những giải pháp chủ động ứng phó với diễn biến thời tiết cực đoan:

- Mở rộng vùng sản xuất và diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau trên cả nước nhằm phân tán rủi ro và đảm bảo cung ứng liên tục cho thị trường.
- Đầu tư xây dựng kho bãi bảo quản hàng hóa để đảm bảo đầy đủ lượng hàng hóa cung cấp trong trường hợp thiên tai xảy ra trên diện rộng.
- Hoạch định chiến lược trong hoạt động nghiên cứu phát triển: tập trung phát triển các dòng sản phẩm phạm vi thích ứng rộng, chống chịu hạn, lụt, chịu mặn và kháng sâu bệnh.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất trong nhà kính, nhà màng đảm bảo chủ động điều kiện môi trường sản xuất.

3. RỦI RO TÀI CHÍNH:

3.1. Tín dụng:

- Đây là rủi ro có nguyên nhân chính là do các đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện chậm so với thời hạn quy định.
- Để phòng ngừa rủi ro này, công ty đã ban hành và thực hiện quy trình thẩm định năng lực khách hàng (tình hình tài chính, đánh giá khả năng tiêu thụ, nắm bắt thông tin khách hàng, quy luật thanh toán và xác định thời điểm thuận lợi để tập trung thu công nợ khách hàng) từ đó đề ra hạn mức nợ áp dụng đối với từng khách hàng, phát hiện kịp thời các dấu hiệu mất khả năng thanh toán để có biện pháp giải quyết kịp thời.
- Bên cạnh đó, công ty cũng yêu cầu đảm bảo tính pháp lý trong các thủ tục bán hàng phòng ngừa tranh chấp pháp lý có thể xảy ra, thường xuyên theo dõi, đối chiếu và chốt số dư công nợ. Với những biện pháp kiểm soát chặt chẽ này, năm 2017 công ty không để xảy ra nợ xấu, nợ khó đòi.

3.2. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi công ty gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản thành tiền hay thiếu tài sản để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khách hàng, nhà cung cấp. Tại Vinaseed, công tác quản trị dòng tiền được quan tâm và thực hiện tốt nên đã hạn chế tối đa khả năng xảy ra rủi ro thanh khoản.

4. RỦI RO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ:

Để hạn chế rủi ro về hoạt động đầu tư, Vinaseed đã thành lập Ban đầu tư HĐQT với nhiệm vụ phụ trách tư vấn đánh giá hiệu quả các hoạt động đầu tư cho Công ty, ban hành quy chế hoạt dộng của Ban quản lý dự án đối với từng Dự án cụ thể.

5. RỦI RO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP:

Đề phòng ngừa rủi ro trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, công ty yêu cầu đối với Ban kiểm soát nội bộ công ty, thủ trưởng đơn vị phòng ban:

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện quy chế, quy trình, thủ tục, quy định trong toàn Công ty, đề xuất bổ sung, sửa đổi nội dung kịp thời để phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.
- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng tài chính của từng đơn vị trực thuộc và toàn Công ty.
- Kiểm soát hoạt động kế toán tài chính công ty (hệ thống các nghiệp vụ kế toán tài chính, các báo cáo tài chính, kiểm soát chi phí phát sinh tại các đơn vị trực thuộc công ty) để đảm bảo tính tuân thủ luật Kế toán, luật Thuế và các quy định khác của Nhà nước và quy chế công ty.
- Kiểm soát công tác quản lý hàng hóa, kho tàng. Kiểm soát hao hụt.
- Kiểm soát tính chính xác, kịp thời trong các báo cáo quản trị (báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo thị trường, báo cáo bán hàng, báo cáo tồn kho, báo cáo tiền mặt, tiền gửi định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo công ty).
- Kiểm tra quy trình giao việc của đơn vị: từ ký kết mục tiêu năm, 6 tháng, kế hoạch làm việc tháng, tuần.
- Kiểm soát việc giải quyết các chế độ đối với người lao động theo quy chế (tiền lương, thưởng, phúc lợi).

6. BẢO MẬT THÔNG TIN:

- Phân cấp thẩm quyền tiếp cận thông tin kinh doanh của công ty.
- Cẩn trọng trong việc cung cấp thông tin ra bên ngoài.
- Các file thông tin được bảo mật bằng mật khẩu.
- Chống xâm phạm hòm thư cá nhân bằng cách định kỳ thay đổi mật khẩu, hạn chế vào hòm thư tại máy tính của người khác, tắt hòm thư đúng cách, thường xuyên kiểm tra hoạt động tài khoản hòm thư và đăng xuất từ xa (trường hợp sử dụng gmail).
- Hạn chế tối đa người khác sử dụng máy tính của mình và phải đứng cạnh giám sát trực tiếp (nếu có).
- Định kỳ lưu trữ file mềm để tránh bị mất dữ liệu thông tin.
- Ban hành quy định về việc đón tiếp khách đến thăm quan và làm việc tại công ty.
- Đặc biệt chú ý trong bảo mật thông tin trong quản lý nguồn gen và bí mật công nghệ của công ty.

7. RỦI RO AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG:

Công ty áp dụng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS:

- Vinaseed liên tục cải tiến hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp dựa trên các kết quả đánh giá, đo lường phân tích để đảm bảo hệ thống vận hành tốt nhất, phòng ngừa tối đa các rủi ro mất an toàn và đảm bảo sức khỏe người lao động. Chính sách an toàn lao động này sẽ được truyền đạt tới mọi nhân viên trong toàn công ty hiểu rõ và thành thạo áp dụng trong thực tế.
- Công ty xem xét hồ sơ lao động của tất cả nhân viên, bao gồm các hoạt động thuê ngoài, nhà thầu, nhà cung cấp để đánh giá các rủi ro lao động có liên quan. Tổ chức bố trí sắp xếp lao động hợp lý phù hợp với tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe của người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc các chương trình bảo hiểm y tế tự nguyện là một trong những hính sách đảm bảo an toàn sức khỏe người lao động.

Xác định các mối nguy an toàn và sức khỏe nghề nghiệp:

- Xác định các mối nguy và rủi ro ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của nhân viên hoặc người khác (bao gồm cả lao động tạm thời và nhân viên nhà thầu, hoặc bất kỳ người nào khác tại nơi làm việc của công ty).
- Đưa ra các biện pháp nhằm loại bỏ/ hạ thấp rủi ro, hậu quả trong trường hợp xảy ra.

Thành lập Ban an toàn lao động:

- Đôn đốc và kiểm tra, giám sát mọi người trong Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn và sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân, nhắc nhở, hướng dẫn các biện pháp làm việc an toàn đối với công nhân mới tuyển dụng hoặc mới chuyển đến làm việc.
- Tham gia góp ý đơn vị trong việc đề xuất kế hoạch bảo hộ lao động, các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện làm việc.
- Kiến nghị với cấp trên thực hiện các chế độ về BHLĐ, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị và nơi làm việc.

8. RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG:

- Rà soát và điều chỉnh chính sách môi trường và xã hội của Công ty dựa trên những thay đổi của pháp luật, yêu cầu thực tiễn, giám sát kết quả hoạt động dựa trên các yếu tố: Tiêu thụ tài nguyên, chất thải, sử dụng hóa chất và tiếng ồn. Định kỳ công ty đều có báo cáo tác động của các yếu tố này và trong phương án đầu tư, xây dựng hoặc kế hoạch triển khai sản xuất kinh doanh đều đề ra các giải pháp tối ưu hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường, sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư xung quanh.
- Công ty xác định và đánh giá những rủi ro về môi trường thông qua việc xem xét kỹ lưỡng đầu ra, đầu vào của tất cả các quy trình kinh doanh, bao gồm cả những quy trình liên quan đến các nhà cung cấp và các nhà thầu. Công ty có những biện pháp ưu tiên và đánh giá rủi ro. Đánh giá rủi ro được rà soát sao cho phù hợp với tình hình thực tế theo định kỳ và bất cứ khi nào mở rộng sản xuất kinh doanh.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT, TGĐ về phát triển bền vững 114
Chiến lược phát triển bền vững 116

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT, TGĐ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với sứ mệnh gắn bó cùng chặng đường hội nhập và phát triển của người Nông dân Việt Nam hướng đến nền Kinh tế thị trường, hòa cùng dòng chảy Thế giới, Công ty nhận định tầm quan trọng của Khoa học và tri thức đóng vai trò quyết định sức cạnh tranh của các sản phẩm Nông sản Việt Nam, cũng như giải quyết những thách thức do biến đổi khí hậu đặt ra. Do đó, Vinaseed không ngừng nỗ lực nghiên cứu nhằm tìm ra các giải pháp nhằm chung tay giải quyết những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu như suy giảm diện tích đất trồng, giảm năng suất, mất mùa do yếu tố thời tiết diễn biến bất thuận.

Tại Vinaseed, chúng tôi xác định phát triển bền vững là trách nhiệm không chỉ của Ban Lãnh đạo mà cần sự chung tay của tất cả thành viên trong Vinaseed:

- Hội đồng quản trị: Ban hành chiến lược, phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động thực thi chiến lược phát triển bền vững, chỉ đạo chung các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững trong toàn Tập đoàn.
- Ban điều hành: Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp thông qua xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng phòng/ Ban chức năng và các chi nhánh, xí nghiệp thành viên. Đôn đốc, giám sát đảm bảo việc thực thi mục tiêu phát triển bền vững đề ra.
- Đơn vị thành viên, phòng ban: Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế. Giám sát kết quả thực hiện của đơn vị và báo cáo lên Tập đoàn.
- Nhân viên: Triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, hàng ngày liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững của đơn vị, toàn tập đoàn.

Báo cáo phát triển bền vững của Vinaseed được thực hiện trên căn cứ trên Bộ tiêu chí Global Reporting Initiative - GRI và hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của IFC nhằm đề cập đầy đủ tác động của mô hình phát triển bền vững, đó là gắn kết tăng trưởng Kinh tế - Xã hội - Môi trường và gắn kết các bên hữu quan.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TẦM NHÌN:

Vinaseed phấn đấu trở thành Tập đoàn cung cấp các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam. Thực hiện ước mơ cải thiện thu nhập và điều kiện sống của nông dân Việt Nam.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Nhằm thực hiện 3 mục tiêu: Duy trì tăng trưởng kinh tế, xây dựng xã hội và bảo vệ môi trường một cách bền vững. Để thực hiện các định hướng Chiến lược phát triển bền vững. Mục tiêu định hướng phát triển bền vững Vinaseed đặt ra:

Về quản trị doanh nghiệp:

Đây là yếu tố cốt lõi để doanh nghiệp thực hiện phát triển bền vững trong dài hạn, góp phần xây dựng và củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông:

- Thực hiện quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế: Công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- Liên tục cải tiến, đổi mới đáp ứng yêu cầu thay đổi.
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đối xử công bằng với các nhà đầu tư, có trách nhiệm giải trình và duy trì cơ cấu hoạt động hiệu quả.

Về Kinh tế:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế bình quân 20%/năm.
- Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời tất cả các quy định pháp luật Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quản lý chi phí hoạt động hiệu quả.

Về xã hội:

- Phát triển các dòng sản phẩm năng suất cao, chất lượng tốt. Áp dụng quy trình sản xuất xanh, an toàn cho xã hội góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.
- Hoàn thành nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả. Duy trì văn hóa Vinaseed. Đào tạo, phát triển đội ngũ Vinaseed luôn đầy ắp khát vọng vươn lên chinh phục những đỉnh cao mới, gắn bó, tâm huyết, ý thức kỷ luật tốt.
- Quỹ tấm lòng nhân ái Vinaseed tình nguyện chung sức thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm của mình.

Về môi trường:

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tập trung nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm chống chịu sâu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu. Áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ và các biện pháp phòng trừ tổng hợp ICM.
- Tiết kiệm năng lượng điện, nước, sử dụng nguồn năng lượng sạch, nguyên liệu thân thiện với môi trường để giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.
- Tạo dựng môi trường, cảnh quan nơi làm việc xanh, sạch, đẹp. Bảo vệ giữ gìn môi trường xung quanh công ty.

CÁC PHƯƠNG THỨC QUAN TRỌNG ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIÊU CHUẨN

Tất cả các chi nhánh, phòng ban, dự án thuộc quyền kiểm soát của Vinaseed phải áp dụng Các Nguyên tắc Hoạt động chung, Qui tắc Hành nghề và các Tiêu chuẩn Sức khỏe, An toàn, An ninh và Môi trường.

QUẢN TRỊ

Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Công ty từ cấp HĐQT đến Ban điều hành, các chi nhánh, xí nghiệp thành viên và phòng ban chức năng của Công ty, tại Vinaseed, chúng tôi xác định phát triển bền vững là trách nhiệm không chỉ của Ban Lãnh đạo mà cần sự chung tay của tất cả thành viên trong Vinaseed

QUI TRÌNH

Vinaseed xem xét các yếu tố môi trường, xã hội trước khi đưa ra các quyết định đầu tư và khi lập kế hoạch cho các dự án mới. Phát triển bền vững là tiêu chí đóng vai trò then chốt khi Vinaseed áp dụng để xác định các khoản khen thưởng.

- **Hội đồng quản trị:** Ban hành chiến lược phát triển bền vững triển khai trong toàn công ty.
- **Ban điều hành:** Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp thông qua xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng phòng/ Ban chức năng và các chi nhánh, xí nghiệp thành viên.
- **Chi nhánh, xí nghiệp thành viên:** Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của chi nhánh, Xí nghiệp thành viên: Xây dựng mục tiêu , triển khai, giám sát kết quả thực hiện của đơn vị và báo cáo lên Công ty mẹ.
- **Phòng ban:** Triển khai theo các hoạt động hướng đến phát triển bền vững theo kế hoạch và chỉ tiêu xây dựng từ đầu năm.

Vinaseed đã thành lập Ban phát triển bền vững và phòng ngừa rủi ro. Ban hành Bộ chính sách phát triển bền vững của Công ty.

CAM KẾT CỘNG ĐỒNG

Vinaseed đưa ra nguyên tắc và cam kết cộng đồng và truyền thông rộng rãi để thể hiện sự nghiêm túc và quyết tâm thực hiện của mình:

KHÁCH HÀNG: Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu để phát triển các sản phẩm tối ưu, đáp ứng tối đa nhu cầu của Khách hàng.

CỔ ĐÔNG: Thực hiện đầy đủ quyền lợi của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy định liên quan. Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Cổ đông và Nhà đầu tư..

ĐỐI TÁC: Vinaseed trân trọng các Đối tác kinh doanh và mong muốn duy trì mối quan hệ hợp tác này một cách bền vững, trên cơ sở hài hòa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.

NHÂN VIÊN: Vinaseed đánh giá cao yếu tố con người và coi đây là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của doanh nghiệp. Quan điểm của Vinaseed trong chính sách nhân sự: "Người lao động chỉ có thể toàn tâm, toàn ý cống hiến hết mình cho doanh nghiệp khi người lao động được tôn trọng, được tạo môi trường thuận lợi để làm việc và phát triển năng lực bản thân, thu nhập của họ được bảo đảm". Chính vì vậy, Vinaseed luôn nỗ lực tạo dựng môi trường làm việc tiện nghi, an toàn, cơ hội đào tạo, thăng tiến cho mọi người lao động, tiền lương công bằng và ở mặt bằng cao có tính cạnh tranh, thực hiện chi trả các chế độ phúc lợi rất tốt cho người lao động như chương trình ESOP, bảo hiểm Health care, bảo hiểm nhân thọ, các chính sách hỗ trợ người lao động khi gia đình họ gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, đặc biệt quan tâm chăm sóc và tạo điều kiện cho lao động nữ có cơ hội được đào tạo, thăng tiến và dành thời gian quan tâm đến gia đình. Có thể nói thành công lớn nhất của Vinaseed sau thời gian đổi mới chính là xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, nhiệt huyết và trách nhiệm trở thành giá trị cốt lõi, nền tảng tạo nên sự khác biệt của Vinaseed.

Cam kết của Vinaseed đối với người lao động:

- Cung cấp điều kiện làm việc tiện nghi và an toàn cho tất cả cán bộ nhân viên trong công ty.
- Thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, thưởng, BHXH, BHYT các chế độ phúc lợi khác đối với người lao động. Nguyên tắc chi trả lương thưởng thực hiện dựa trên kết quả công việc.
- Công ty tạo cơ hội đào tạo, thăng tiến công bằng cho tất cả cán bộ nhân viên. Công ty cam kết không phân biệt đối xử về giới, tôn giáo, tín ngưỡng, hoàn cảnh gia đình, tuổi tác, hình thức,... không sử dụng những yếu tố này trong đánh giá xếp loại lao động và không cho phép CBCNV bình phẩm những vấn đề này tại nơi làm việc.

CHÍNH PHỦ: Vinaseed cam kết tuân thủ pháp luật, kinh doanh có hiệu quả, công khai, minh bạch, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ Ngân sách.

XÃ HỘI: Hàng năm công ty cam kết hỗ trợ cộng đồng thực hiện an sinh xã hội coi đây là nhiệm vụ được ban lãnh đạo cũng như tập thể CBNV Vinaseed quan tâm, giành thời gian, tâm sức và nguồn lực để thực hiện.

- Không chỉ thông qua những đóng góp cụ thể bằng vật chất mà còn bằng những hoạt động đào tạo, hướng dẫn nghề, chuyển giao công nghệ miễn phí cho người dân: Công ty cam kết đào tạo nghề miễn phí cho các vùng sản xuất hàng hóa của công ty. Hình thành các làng nghề sản xuất giống cây trồng tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho bà con nông dân.
- Công ty không sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhà cung ứng lạm dụng sức lao động trẻ em.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Vinaseed nhận thức được nhiệm vụ bảo vệ môi trường là đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài của doanh nghiệp. Trách nhiệm được thể hiện:

- Tạo dựng môi trường, cảnh quan nơi làm việc xanh, sạch, đẹp. Bảo vệ môi trường khu dân cư xung quanh công ty.
- Định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt.
- Tổ chức Mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị lúa gạo an toàn, tổ chức chuyển giao kỹ thuật giống cây trồng, ứng dụng và chuẩn hóa các giải pháp canh tác bền vững: 3 giảm, 3 tăng, quản lý dịch hại tổng hợp IPM; áp dụng quy trình sản xuất sạch chứng nhận VietGap, ứng dụng quản lý Farm Record để truy xuất nguồn gốc, sử dụng phân bón thông minh chậm phân hủy, thuốc bảo vệ thực vật gốc sinh học thế hệ mới góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm tồn dư thuốc BVTV và hàm lượng Nitorat trong sản phẩm, thực hiện cơ giới hóa và giảm tổn thất trong sản xuất lúa gạo, tiết kiệm công lao động, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho bà con nông dân.
  - Tiết kiệm năng lượng:
  - Chú ý đến yếu tố tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên trong thiết kế nhà làm việc, nhà xưởng.
  - Thay đổi về bao bì (sử dụng nhiều hơn các loại bao bì có thể tái sử dụng nhiều lần), thay đổi bằng nguồn năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng trong sấy, chế biến.
  - Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch.

CÁC QUY TẮC ĐẠO ĐỨC VÀ ỨNG XỬ TRONG KINH DOANH

Vinaseed tạo lập các quy tắc đạo đức và ứng xử cơ bản áp dụng trong doanh nghiệp và cho các nhà cung cấp, nhà thầu phù hợp với sứ mệnh đã đề ra. Nội dung như sau:

Quan hệ giao dịch trung thực:

- Vinaseed cam kết đối xử công bằng với tất cả các nhà cung cấp có tiềm năng hợp tác. Các quyết định lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện dựa trên các tiêu chí đánh giá khách quan như giá cả, chất lượng, tiến độ cung cấp, uy tín, kinh nghiệm của nhà cung cấp cũng như khả năng ứng phó đối với những biến động, rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Vinaseed nghiêm cấm cán bộ nhân viên nhận hoa hồng, hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào từ phía nhà cung cấp.
- Nhà cung cấp phải thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về chất lượng, tiến độ sản phẩm, dịch vụ mình cung cấp. Nghiêm cấm việc cung cấp các thông tin thiếu trung thực dẫn đến quyết định sai trong việc lựa chọn nhà cung cấp.

Bảo vệ và tôn trọng người lao động:

- Vinaseed đề nghị các nhà cung cấp bảo vệ và tôn trọng người lao động:
- Không được sử dụng các hình thức lao động cưỡng bức, khổ sai, bắt ép người lao động làm việc. Không sử dụng lao động trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào. Trừ một số trường hợp pháp luật Việt Nam không cấm.
- Tôn trọng sự khác biệt và phải đảm bảo đối xử công bằng đối với tất cả nhân viên. Không được sử dụng các yếu tố về dân tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, ngoại hình, hoàn cảnh gia đình trong việc đánh giá, xếp loại lao động.

Môi trường làm việc an toàn, tiện nghi:

- Nhà cung cấp tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường và điều kiện làm việc của người lao động.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp, phương tiện phòng ngừa các tổn hại về sức khỏe và nguy cơ mất an toàn đối với người lao động trước mắt cũng như lâu dài. Các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn lao động Vinaseed đặt ra đối với nhà cung cấp như sau:
  - Đối với các công việc tiếp xúc thường xuyên với môi trường làm việc độc hại, cháy nổ, hỏa hoạn hoặc dễ xảy ra tai nạn lao động: Người lao động phải được cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân, được tham gia vào các khóa đào tạo, tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
  - Phải có bộ phận theo dõi, giám sát chặt chẽ các nguy cơ, các tác nhân hóa học phải được đánh giá và kiểm soát. Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, thay thế kịp thời các trang thiết bị vận hành để đảm bảo tối đa an toàn cho người lao động làm việc.
  - Khuyến khích nhà cung cấp thực hiện chế độ bảo hiểm tự nguyện, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động để sớm phát hiện các bệnh nghề nghiệp, thực hiện luân chuyển cán bộ đối với các vị trí làm việc thường xuyên tiếp xúc với môi trường làm việc độc hại.
  - Xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp xảy ra, các phương án đối phó phải ưu tiên đến việc giảm thiểu tối đa tổn thất về con người và tác động môi trường.

Đảm bảo tiền lương và chế độ đối với người lao động:

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ tiền lương và phúc lợi đối với người lao động. Các trường hợp nhà cung cấp nợ đọng tiền lương người lao động kéo dài sẽ là điều kiện để Vinaseed chấm dứt quan hệ hợp tác.

Tuân thủ pháp luật:

- Nhà cung cấp phải tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các các quy định pháp luật Việt Nam, không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.

Đảm bảo chất lượng hàng hóa và dịch vụ:

- Thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận với khách hàng về chất lượng sản phẩm, tiến độ cung ứng và những vấn đề liên quan và có trách nhiệm đến cùng với sản phẩm và dịch vụ công ty cung cấp. Liên tục có các giải pháp đề xuất, cải tiến để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Bảo vệ môi trường:

- Nhà cung cấp thực hiện nghiêm túc các quy định bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật Việt Nam. Các hóa chất độc hại trong quá trình lưu trữ, sử dụng phải được quản lý chặt chẽ, các chất thải độc hại trước khi thải ra môi trường phải được xử lý và loại bỏ hoàn toàn các yếu tố độc hại gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và cộng đồng.
- Tiết kiệm năng lượng, tăng cường việc sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch, sử dụng nguyên liệu tái chế để hạn chế thấp nhất nguồn chất thải độc hại ra môi trường.
- Tuyệt đối không sử dụng sản phẩm lâm sản không rõ nguồn gốc, vi phạm pháp luật bảo vệ rừng.

CÁC CHUẨN MỰC GIÁ TRỊ VĂN HÓA LÀM NÊN CON NGƯỜI VINASEED

Nhiều năm qua, Vinaseed không ngừng vun đắp xây dựng các giá trị văn hóa riêng, từ những quy định về trang phục, giao tiếp, đối ngoại, các quan hệ ứng xử, những cam kết thực hiện trách nhiệm đối với nhà nước, xã hội, cổ đông và người lao động đảm bảo sự phát triển bền vững và được chuẩn hóa thành bộ Quy tắc văn hóa ứng xử Vinaseed.

Chuẩn mực giá trị văn hóa Vinaseed:

Sự tuân thủ:

Mọi thành viên trong Tập đoàn phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn một cách tự giác và coi đó là một trong những chuẩn mực bắt buộc đối với mọi thành viên của VINASEED.

Bảo vệ uy tín, vì lợi ích Tập đoàn:

Không được có những hành vi, ngôn từ làm ảnh hưởng đến uy tín Tập đoàn. Mọi thành viên phải hướng đến lợi ích chung, không vì tư lợi, lợi ích cục bộ của phòng ban, đơn vị làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của Tập đoàn.

Tinh thần trách nhiệm, hợp tác:

Đề cao trách nhiệm cá nhân, tinh thần hợp tác trong quá trình thực thi công việc.

Lắng nghe, chia sẻ, khuyến khích sự sáng tạo:

Biết tôn trọng, lắng nghe, chia sẻ những ý kiến đóng góp, đề xuất, thường xuyên đưa ra các giải pháp sáng tạo và đột phá, không ngừng thử nghiệm các ý tưởng mới, những hướng đi mới.

Tôn trọng sự riêng tư cá nhân:

Vinaseed tôn trọng sự riêng tư của mỗi thành viên, tại Vinaseed CBCNV không bàn luận đời tư cá nhân làm ảnh hưởng đến uy tín của đồng nghiệp).

CÁC MỐI QUAN HỆ ỨNG XỬ TRONG DOANH NGHIỆP

CHÍNH SÁCH AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Tài sản lớn nhất của Vinaseed là nguồn nhân lực. Vinaseed quan niệm vấn đề đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động được ưu tiên hàng đầu. Công ty có chính sách phù hợp với các yêu cầu về sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động theo Tiêu chuẩn của tổ chức Lao động quốc tế ILO. Thực hiện cam kết mạnh mẽ về các chính sách an toàn sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động như sau:

- Tuân thủ pháp luật lao động về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát mọi rủi ro về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp.
- An toàn lao động là trách nhiệm của tất cả CBNV, các quy định về an toàn lao động là bắt buộc đối với mọi CBNV.
- Công ty cam kết tạo dựng điều kiện làm việc an toàn, tiện nghi cho người lao động. Vinaseed quan tâm đến việc trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết, xây dựng phương án tổ chức sản xuất an toàn, máy thiết bị phục vụ sản xuất luôn được bảo dưỡng định kỳ và thay thế kịp thời đảm bảo hoạt động ổn định, không để nguy cơ mất an toàn đối với người lao động.
- Đào tạo, phổ biến đến mọi CBNV kiến thức an toàn lao động, quy trình vận hành máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải; nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các yếu tố mất an toàn, bổ sung kịp thời các quy định cho phù hợp, thiết lập các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn tối đa cho từng cá nhân người lao động. Không để người lao động nào phải làm việc trong điều kiện mất an toàn lao động.

Áp dụng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS:

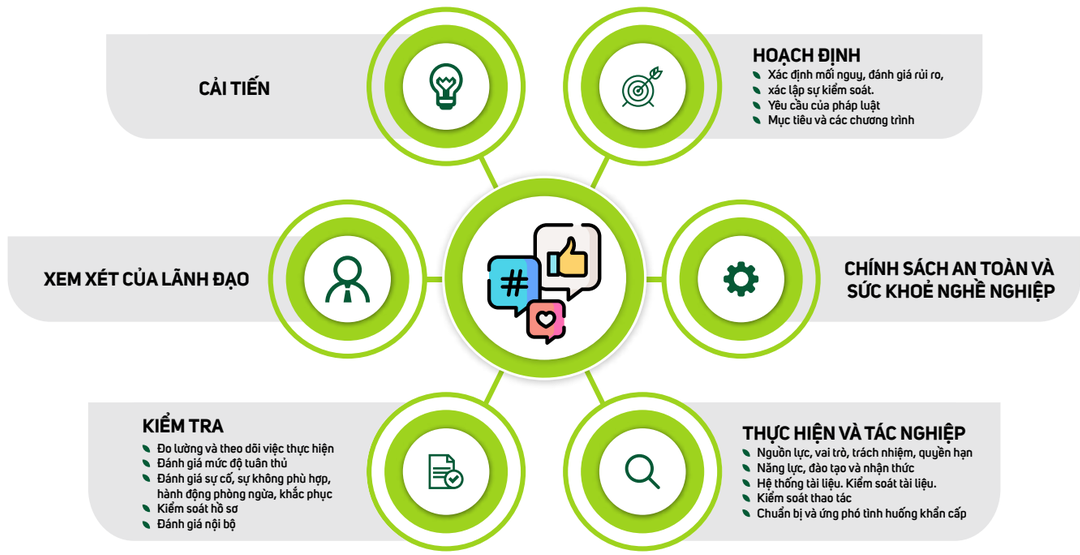

TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

- Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;
- Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động: quy định về an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động; kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động; xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm; phân tích, đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; xây dựng hệ thống quản lý về an toàn, vệ sinh lao động; nghiệp vụ công tác tự kiểm tra;
- Kiến thức tổng hợp về sử dụng máy móc thiết bị, vật tư; những yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Ban hành hồ sơ xác định các mối nguy an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, thực hiện các chương trình bảo hiểm tự nguyện (100% kinh phí do công ty chi trả) bao gồm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe toàn diện (người lao động được khám chữa bệnh miễn phí tại các bệnh viện lớn trên cả nước với chế độ cao, được khám sức khỏe định kỳ: BV Hồng Ngọc, BV Việt Pháp,...).

QUAN TÂM RIÊNG ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ

Nguyên tắc bình đẳng giới:

- Đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi công bằng.
- Cơ hội đào tạo, phát triển chuyên môn, cơ hội thăng tiến.
- Quan tâm đến điều kiện làm việc, thu nhập, đời sống và gia đình nữ lao động trong Công ty.
- Tổ chức hội nghị về bình đẳng giới, thăm hỏi động viên, tổ chức các hoạt động kỷ niệm như 20/10, ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày Vinaseed,...
- Các vị trí phù hợp với nữ giới sẽ được ưu tiên trong tuyển dụng vì vậy, tỷ lệ nữ giới đối với các vị trí này khá cao: Kiểm nghiệm; kế toán, nhân sự hành chính 67%, nghiên cứu 48%.
- Thực hiện đầy đủ chế độ thai sản, đảm bảo công việc sau khi nghỉ thai sản.
- Hỗ trợ các nhân viên nữ trẻ tuổi, cho họ cơ hội học tập, mở rộng quan hệ và tầm hiểu biết.

QUAN ĐIỂM HỖ TRỢ, CHĂM SÓC TRẺ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Hỗ trợ tài chính: Người lao động trong trường hợp gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, bản thân hoặc con cái ốm đau: mức hỗ trợ tối thiểu 5 triệu đồng/trường hợp. Đối với con CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn công ty sẽ hỗ trợ toàn bộ tiền học phí cho các con đến khi học xong phổ thông.
- Chế độ thai sản trong chương trình bảo hiểm tự nguyện healthcare đảm bảo người lao động sinh con được hưởng các điều kiện chăm sóc y tế tốt nhất tại các bệnh viện lớn (khám chữa bệnh theo yêu cầu) hoàn toàn miễn phí.
- Đối với lao động nữ mang thai, nuôi con nhỏ công ty tạo điều kiện linh hoạt về thời gian làm việc, hạn chế đi công tác xa để thuận lợi cho việc chăm sóc con nhỏ, bố trí nghỉ thêm giờ trong ngày. Không bố trí các công việc nặng nhọc, nơi có khói bụi, độ cao, tiếng ồn lớn.

TT	NỘI DUNG	CHI TIẾT	KẾT QUẢ SỐ LIỆU VÀ MÔ TẢ
	GRI400		
GRI401 - VIỆC LÀM			
1	Tổng số nhân viên		722
2	Cơ cấu Nam/ Nữ	Nam	524
		Nữ	198
3	Cơ cấu tuổi	Dưới 25	55
		25 - 35	264
		35-45	237
		Trên 45	166
4	Số giờ làm thêm/năm của lao động chính thức		125
5	Nhân viên tuyển mới		98
6	Nhân viên thôi việc		65 (hưu trí 10)
7	Phúc lợi ngoài lương (100% chi phí do công ty chi trả)		◆ Chương trình bảo hiểm nhân thọ ◆ Chương trình bảo hiểm healthcare ◆ Chế độ khám chữa bệnh định kỳ tại các bệnh viện lớn như Việt Pháp, Bệnh viện ĐH Y Hà Nội,... ◆ Chương trình thăm quan, học tập kinh nghiệm hàng năm, năm 2019: 8 đoàn thăm quan trong và ngoài nước với số lượt người tham gia: 690 lượt. Kinh phí: 4,08 tỷ đồng. ◆ Chương trình đào tạo hàng năm, công ty khuyến khích người lao động đi đào tạo, học tập nâng cao trình độ, được hưởng nguyên lương khi đi học, được xét nâng lương sau đào tạo. ◆ Bảo hộ lao động cấp phát hàng năm theo vị trí, yêu cầu công việc mức 5 triệu đồng/người.năm. ◆ Các chế độ lễ tết: Tết nguyên đán, tết dương lịch, ngày giỗ tổ, ngày 1/5, ngày 30/4, ngày quốc khánh, ngày 27/7, 22/12, tết thiếu nhi, trung thu, ngày sinh nhật, ngày 8/3, ngày 20/10. ◆ Chế độ ăn ca 1 triệu đồng/người.tháng. ◆ Thăm nom khi ốm đau. ◆ Hiếu hỷ: 1 triệu đồng/trường hợp. ◆ Hỗ trợ gia đình CBNV gặp khó khăn biến cố trong cuộc sống: 5 - 10 triệu đồng/trường hợp. ◆ CBNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn công ty sẽ hỗ trợ toàn bộ tiền học phí cho các con đến khi học xong PTTH. ◆ CBNV không may mắc bệnh hiểm nghèo, gia đình khó khăn cần sự hỗ trợ, công ty sẽ hỗ trợ tùy theo từng hoàn cảnh. ◆ Chế độ khi CBNV nghỉ hưu: ngoài chế độ theo quy định luật lao động, công ty chi trả 5 tháng lương đang nhận trước khi nghỉ hưu.
GRI403 - AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP			
8	Số nhân viên được bổ nhiệm trong các Ban an toàn lao động, PCCC, phòng chống lụt bão, y tế... để quản lý các vấn đề sức khỏe, an toàn lao động		55
9	Tổng số tai nạn tử vong		Không có

10	Tổng số tai nạn tử vong trong năm		Không có
11	Tổng số tai nạn thương tích phải nghỉ việc quá 2 ngày để phục hồi		Không có
12	Tổng số ngày nghỉ do tai nạn		Không có
13	Số lao động được phát hiện mới mắc bệnh nghề nghiệp trong năm		Không có
GRI404 - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
14	Cơ cấu trình độ	Trên đại học	6%
		Đại học	70%
		Cao đẳng, trung cấp	8%
		PTTH và lao động PT khác	16%
15	Số khóa đào tạo	Đào tạo hội nhập Đào tạo kỹ năng Đào tạo chuyên môn Đào tạo nâng cao	43
	Số lượt đào tạo	354 lượt	
	Thời gian đào tạo	Bằng tổng của (các khóa đào tạo x thời gian đào tạo) từng khóa	104 ngày
GRI405 - SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG			
16	Khiếu nại từ nhân viên	Không có	
17	Khiếu nại từ cộng đồng và các bên ngoài công ty	Không có	
18	Mức thu nhập ở vị trí thấp nhất của người lao động trong năm	6.600.000đ/tháng	
19	Mức thu nhập trung bình của nhân viên	14.360.000đ/tháng	
20	Bình đẳng giới	◆ Đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi công bằng. ◆ Cơ hội đào tạo, phát triển chuyên môn, cơ hội thăng tiến. ◆ Thành lập Ban vì sự phát triển phụ nữ, quan tâm đến điều kiện làm việc, thu nhập, đời sống và gia đình nữ lao động trong Công ty. ◆ Tổ chức hội nghị về bình đẳng giới, thăm hỏi động viên, tổ chức các hoạt động kỷ niệm như 20/10, ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày Vinaseed,... ◆ Các vị trí phù hợp với nữ giới sẽ được ưu tiên trong tuyển dụng vì vậy, tỷ lệ nữ giới đối với các vị trí này khá cao: Kiểm nghiệm; kế toán, nhân sự hành chính 69%, nghiên cứu 56%. ◆ Hỗ trợ các nhân viên nữ trẻ tuổi, cho họ cơ hội học tập, mở rộng quan hệ và tầm hiểu biết. ◆ Tuân thủ pháp luật đối với lao động nữ.	
22	Số hộ nông dân liên kết sản xuất để cung cấp nguyên liệu (hoa, giống rau, giống lúa, lúa lương thực, nông sản khác)	Để triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện việc liên kết sản xuất với trên 70.000 hộ nông dân, 160 HTX trên toàn quốc, cam kết thu mua các sản phẩm đạt chất lượng với giá cao hơn ít nhất 30% so với giá thị trường hiện tại.	
	Diện tích canh tác của nông dân liên kết	25.000 ha	

23	Số vụ vi phạm liên quan đến các vấn đề quyền con người/ lao động/ an toàn/ xã hội;	0
	Tổng số tiền phạt	0
	Các hình thức phạt không bằng tiền	0
GRI406 - KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		
24	Tôn trọng sự khác biệt, riêng tư	Tôn trọng sự khác biệt và phải đảm bảo đối xử công bằng đối với tất cả nhân viên. Không sử dụng các yếu tố về dân tộc, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, ngoại hình, hoàn cảnh gia đình trong việc đánh giá, xếp loại lao động. Khuyến nghị người lao động không bình phẩm về đời tư của người khác trong công ty.
GRI407 - TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ		
25	Các hiệp hội, đoàn thể, tập thể	Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội hưu trí, CLB Bóng đá, CLB Cầu lông.
GRI408 - LAO ĐỘNG TRẺ EM		
26	Số lượng lao động trẻ em làm việc	Không có
27	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	Không có trường hợp nào vi phạm việc lạm dụng lao động trẻ em trong công ty và đối với nhà cung cấp. Công ty yêu cầu nhà cung cấp phải ký biên bản cam kết tuân thủ nghiêm túc trong sử dụng lao động, bảo vệ môi trường và đạo đức kinh doanh.
GRI409 - LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC		
28	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Không có
29	Các thành tích, bằng khen của các bên đối với vấn đề quyền con người/ lao động/ an toàn/ xã hội của công ty	◆ Top 10 doanh nghiệp có năng lực quản trị tốt nhất sàn CKVN và giải thưởng Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất ngành trồng trọt do VCCI trao tặng năm 2019. ◆ TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2019 (FAST 500) theo kết quả đánh giá Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet thực hiện. ◆ Cờ thi đua đơn vị có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển KTXH thủ đô của UBND TP Hà Nội trao tặng năm 2019. ◆ Bằng khen thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn và phong trào thi đua năm 2019 do Liên đoàn lao động TP. Hà Nội trao tặng. Bằng khen thành tích xuất sắc phong trào Xanh-Sạch-Đẹp, ATVSLĐ" năm 2019 do Liên đoàn lao động quận Đống Đa trao tặng. ◆ Bằng khen đơn vị xuất sắc tiêu biểu toàn quốc trong hợp tác xây dựng chuỗi giá trị nông sản năm 2019 do BNN và PTNT trao tặng. ◆ Năm 2019, Bà Trần Kim Liên - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Vinaseed được Forbes vinh danh 50 phụ nữ có tầm ảnh hưởng nhất Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Trong mọi hoạt động, Vinaseed đều hướng đến trách nhiệm của mình với môi trường, thể hiện qua việc gìn giữ môi trường tại nơi làm việc, môi trường sống của cộng đồng dân cư xung quanh, với những tiêu chuẩn khắt khe về quản lý hoạt động sản xuất, tiết kiệm tối đa các nhiên liệu sạch, vật liệu tái chế trong bảo quản, chế biến và đóng gói hàng hóa.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, chọn tạo giống mới: Vinaseed nỗ lực và đã thành công trong định hướng phát triển đến các dòng sản phẩm xanh, những sản phẩm có khả năng chống chịu với sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển được ở cả những vùng có điều kiện canh tác và khí hậu khắc nghiệt.

Giải pháp canh tác: Quy trình sản xuất hữu cơ bền vững kết hợp với các quy trình canh tác tổng hợp, tập trung, tưới tiêu kiệm nước SRI (3 giảm, 3 tăng) sẽ giảm thiểu tác động tới môi trường trong sản xuất và tạo ra các dòng sản phẩm sạch an toàn với sức khỏe người tiêu dùng. Các dự án Nông nghiệp công nghệ cao (Hà Nam, Khoái Châu, Ba Vì) được triển khai sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công ty đang áp dụng:

SẢN PHẨM	TIÊU CHUẨN
Giống cây trồng	QCVN/2011/BNN
Gạo thương phẩm	Chứng chỉ HACCP. Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 5603:2008 CAC/RCP1-1969 Rev.4-2003
Dưa lưới, rau	Chứng nhận GlobalGap số 1805/QDCN-IQC-GG

Các chương trình tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu:

- Lập kế hoạch vận hành máy móc thiết bị tiêu thụ điện năng lớn ngoài giờ cao điểm.
- Trong thiết kế nhà máy, văn phòng làm việc và lắp đặt công nghệ, chú ý lấy sáng tự nhiên, thông gió và đầu tư các công nghệ sản xuất hiện đại tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu.
- Nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm điện nước.
- Chú ý đến yếu tố cây xanh, cảnh quan, môi trường văn phòng nhà máy.

Bảng dữ liệu về môi trường năm 2019:

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
GRI 300		
GRI 302: NĂNG LƯỢNG		
Dạng năng lượng các loại sử dụng	◆ Điện: 850,251kWh ◆ Xăng: 8.331 lít ◆ Dầu DO: 0 ◆ FO: 0 ◆ Than: 25,0 tấn ◆ Trấu: 743.265 kg	
Giảm tiêu hao năng lượng	◆ Công ty đã phát động phong trào tiết kiệm trong toàn công ty, do vậy đã giảm thiểu được tỷ lệ sử dụng xăng, than 10%. ◆ Thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, đặc biệt là việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu. ◆ Trước các vụ sản xuất, các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất đều được xây dựng kế hoạch, định mức tiêu hao cụ thể, trong quá trình sẽ được điều chuyển và phân phối để các cơ sở thực hiện chế biến sản phẩm. Việc kiểm soát được thực hiện hằng ngày dựa trên hệ thống báo cáo quản trị, do đó các yếu tố đầu vào luôn được kiểm soát chặt chẽ tránh lãng phí.	
GRI 303: NƯỚC		
Lượng nước đầu vào theo nguồn	Lượng nước sử dụng trong năm: ◆ Nước máy: 7880 m3 /năm ◆ Nước sông, kênh mương: 17 triệu m3/năm ◆ Nước mưa: 11 triệu m3/ năm ◆ Nước ngầm: 1,2 triệu m3/ năm	
Tuần hoàn và tái sử dụng nước	Các biện pháp tuần hoàn/ tái sử dụng nước: Nước thải chủ yếu là nước sinh hoạt thải theo hệ thống thoát nước khu công nghiệp, khu dân cư; cán bộ nhân viên đều có ý thức sử dụng nước tiết kiệm và hợp lý. Trong sản xuất, công ty áp dụng quy trình canh tác SRI, 3 giảm (nước, phân bón, thuốc trừ sâu), 3 tăng giúp tiết kiệm nước tưới, giảm lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ảnh hưởng đến môi trường. Ứng dụng sản xuất NN công nghệ cao điều khiển bằng Smart phone, hệ thống tưới nhỏ giọt giúp tối ưu quá trình sản xuất, tiết kiệm nước tưới, thuốc bảo vệ thực vật và công lao động.	
Các chương trình tiết kiệm, tái chế được triển khai	◆ Trong hoạt động sản xuất: Hoạt động sản xuất được kiểm soát theo quy trình chặt chẽ đảm bảo hiệu quả tăng năng suất, giúp tiết kiệm nguồn lực, công lao động, hạn chế sử dụng phân bón và thuốc BVTV. Quá trình thu mua việc tái sử dụng bao bì giúp tiếp kiệm được vật tư, giảm tỷ lệ hao hụt. ◆ Trong quá trình chế biến vận hành nhà máy: Quản lý chặt chẽ kiểm soát hao hụt thông qua định mức đảm bảo tiết kiệm chi phí. ◆ Trong quá trình quản trị: - Công ty thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, đặc biệt là việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu và được phụ trách bởi phòng KHĐT. ◆ Trước các vụ sản xuất, các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất đều được xây dựng kế hoạch định lượng cụ thể, trong quá trình sẽ được điều chuyển và phân phối để các cơ sở thực hiện chế biến sản phẩm. Việc kiểm soát được thực hiện hằng ngày dựa trên hệ thống báo cáo quản trị, do đó các yếu tố đầu vào luôn được kiểm soát chặt chẽ tránh lãng phí.	
GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC		
Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	Sản xuất nông nghiệp tại các vùng không tác động lớn đến thay đổi cơ cấu cây trồng và có tính toán đến yếu tố đa dạng sinh học cho khu vực xung quanh. (Ví dụ: không sản xuất 1 loại SP với diện tích quá lớn tại 1 địa phương, luân canh cây trồng theo vụ,...).	

THÔNG TIN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Mô tả các biện pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học cho khu vực xung quanh	◆ Hoạt động 1 đổi 1 vì môi trường: Công ty phối hợp với các địa phương và bà con nông dân tổ chức các phong trào thu gom rác thải, vỏ bao bì đổi lấy sản phẩm của công ty từ đó tạo môi trường sạch đẹp. ◆ Hoạt động dọn vệ sinh đường phố, đồng ruộng của đoàn thanh niên công ty phối hợp với đoàn thanh niên các xã phường được triển khai liên tục trong năm. ◆ Các dự án nghiên cứu của công ty để nghiên cứu các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, lụt, mặn, chống chịu sâu bệnh để tiết kiệm nguồn tài nguyên đất, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón. ◆ Các dự án Nông nghiệp công nghệ cao (Hà Nam, Khoái Châu, Ba Vì) tổ chức sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, an toàn cho cộng đồng và môi trường.	
GRI 305: PHÁT THẢI		
Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp	pH: 7,22 BOD5 (mg/l): 32 COD (mg/l): 99,2 TSS (mg/l): 78 Tổng Dầu mỡ khoáng (mg/l): 0,3 Coliform (MPN/100ml) : 3600 NO3-_N (mg/l): 28,4 NH4+_N (mg/l): 4,1 Phân xưởng gạo: Bụi: 2,02 mg/m3 NOx: 0,82 mg/m3 SO2: 0,07 mg/m3 CO: 2,35 mg/m3 CO2: 721 mg/m3 Tiếng ồn: 66,3 dBA Phân xưởng giống: Bụi: 2,04 mg/m3 NOx: 0,90 mg/m3 SO2: 0,16 mg/m3 CO: 3,7 mg/m3 CO2: 756 mg/m3 Tiếng ồn: 66,9 dBA Kho: Bụi: 1,97 mg/m3 NOx: 0,61 mg/m3 SO2: 0,14 mg/m3 CO: 3,5 mg/m3 CO2: 761 mg/m3 Tiếng ồn: 52,5 dBA	
Biện pháp giảm/ kiểm soát khí thải ra môi trường đang áp dụng	◆ Việc xử lý ô nhiễm không khí từ PTGTVT: Phân công nhân viên quét dọn định kỳ đảm bảo sạch sẽ khu vực các xe tải đi vào bốc dỡ hàng, tưới nước đường đi để giảm bụi ◆ Trong nhà máy chế biến: Sử dụng các xyclon hút bụi để hút toàn bộ bụi phát sinh trong quá trình chế biến; Khí thải lò đốt được thoát ra ngoài phía sau qua quạt hút gió tốc độ cao đưa qua bộ phận lọc bụi xyclon bụi trong phòng kín và không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.	

GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI	
Tổng lượng nước thải	Lượng nước thải: ◆ Nước thải sản xuất: Quá trình chế biến không sử dụng nước. ◆ Nước thải sinh hoạt: 7.325 m3 /năm.
Sự cố tràn, đổ nước/ chất thải ra môi trường	Không có
Lượng chất thải rắn thải ra môi trường của tất cả cơ sở hoạt động chính của công ty (tấn), gồm: i. Chất thải thông thường (Rác sinh hoạt, rác Công nghiệp); ii. Chất thải nguy hại	Chất thải thông thường: 60 tấn/ năm. Chất thải nguy hại: số lượng rất ít, được thu gom thông qua các đơn vị có chứng nhận được phép thu gom, xử lý chất thải nguy hại.
Mô tả thêm các biện pháp nhằm giảm/ kiểm soát chất thải rắn thải ra môi trường.	Các chất thải trong quá trình sản xuất chủ yếu là phụ phẩm, phế phẩm trong quá trình chế biến đóng gói (lõi ngô, trấu, kẹ) một phần được chuyển thành nhiên liệu phục vụ lò sấy, phần lớn được các bên thu mua làm phân bón và thức ăn chăn nuôi. Đối với rác thải sinh hoạt khối văn phòng ký HĐ xử lý chất thải với công ty xử lý chất thải trong khu công nghiệp hoặc địa phương.
Kết quả quan trắc chất lượng nước thải mới nhất tại nơi hoạt động chính.	◆ PH: 7,40, BOD5 (mg/l): 41,5, COD (mg/l): 97,1, TSS (mg/l): 75.0 ◆ Tổng Dầu mỡ khoáng (mg/l): 0,5 ◆ Coliform (MPN/100ml) : 4300 ◆ NO3-_N (mg/l): 26,2 ◆ NH4+_N (mg/l): 4,2
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG	
Tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	◆ Số lần xảy ra sự cố: 0 ◆ Tổng số tiền phạt do vi phạm: 0 ◆ Phạt khác do vi phạm môi trường: 0
Các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường triển khai tại Công ty trong năm	◆ Hoạt động 1 đổi 1 vì môi trường: Công ty phối hợp với các địa phương và bà con nông dân tổ chức các phong trào thu gom rác thải đổi lấy sản phẩm của công ty từ đó tạo môi trường sạch đẹp. ◆ Hoạt động dọn vệ sinh đường phố, đồng ruộng của đoàn thanh niên công ty phối hợp với đoàn thanh niên các xã phường được triển khai liên tục hàng năm. ◆ Các dự án nghiên cứu của công ty để nghiên cứu các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, lụt, mặn, chống chịu sâu bệnh để tiết kiệm nguồn tài nguyên đất, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón. ◆ Các dự án Nông nghiệp công nghệ cao (Hà Nam, Khoái Châu) tổ chức sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững và bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

Công tác thiện nguyện:

Ngày 30/11/2019 UBND TT Huế tổ chức: Chương trình nhìn lại 20 năm lũ lớn khu vực miền Trung, Tại Chương trình, Vinaseed trao tặng 125 căn nhà an toàn trước thiên tai (mức hỗ trợ 40 triệu đồng/căn), tương đương tổng mức hỗ trợ: 5 tỷ đồng cho các hộ gia đình nghèo tại Thừa Thiên Huế.

Tháng 12/2019: Chương trình khuyến học Vinaseed - ươm mầm tài năng đã trao 50 xuất học bổng cho các cháu học sinh nghèo học giỏi tại tỉnh Đồng Tháp với số tiền hỗ trợ 5 triệu đồng/cháu/năm cho đến khi các cháu học hết THPT. Như vậy, tính đến nay, tổng số xuất học bổng hàng năm Vinaseed trao cho các cháu học sinh nghèo học giỏi từ Quỹ tấm lòng nhân ái Vinaseed: 120 xuất học bổng, mỗi xuất 5 triệu đồng/năm cho đến khi các cháu học hết THPT.

Bảng dữ liệu về xã hội năm 2019:

THÔNG TIN	THỰC HIỆN
GRI 400	
GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA	
Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	Không có
Số lần họp với cộng đồng xung quanh	◆ Họp với Ban quản lý KCN triển khai hoạt động Đầu tư: 06. ◆ Họp với Ủy ban ND quận (huyện), phường (xã), thôn (xóm) : 10. ◆ Họp trực tiếp với cộng đồng dân cư xung quanh: 05
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	
Liệt kê tên các chương trình từ thiện, cộng đồng	Ngày 30/11/2019: Thông qua Chương trình "Kết chặt tay, dựng đời mới" diễn ra tại Thừa Thiên Huế Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam trao tặng 125 căn nhà trước thiên tai cho người dân nghèo tỉnh Thừa Thiên - Huế. Tổng trị giá 5 tỷ đồng. Tháng 12/2019: Chương trình khuyến học Vinaseed - ươm mầm tài năng đã trao 50 xuất học bổng cho các cháu học sinh nghèo học giỏi tại tỉnh Đồng Tháp với số tiền hỗ trợ 5 triệu đồng/cháu/năm cho đến khi các cháu học hết THPT. Nâng tổng số xuất học bổng hàng năm công ty trao cho các cháu học sinh nghèo học giỏi lên 120 cháu/năm. Tổng số tiền tài trợ năm 2019: 5.600.000.000 đồng.
Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương	Không có
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG	
Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	Các sản phẩm gạo và nông sản của công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn HACCP, Global Gap, organic, được sản xuất chế biến trên hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị của Nhật, CHLB Đức, Đan Mạch, sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường Nhật Bản và EU. Công ty thực hiện mua bảo hiểm cho các đối tác, khách hàng đến làm việc tại trụ sở công ty.
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động	Không có
GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU	
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	Không có
Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	Không có
Liệt kê các tiêu chuẩn/ chứng nhận tự nguyện mà công ty đã đạt được	◆ Chứng nhận Global Gap sản phẩm dưa lưới ◆ Gạo sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008 CAC/RCP1-1969 Rev.4-2003 (HACCP). ◆ Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17025:2005; lĩnh vực: Sinh/ mã số VILAS 571.
GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	
Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	Không có
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI	
Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	Không có

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin chung 136
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 141
Báo cáo Kiểm toán độc lập 142
Bảng cân đối kế toán hợp nhất 144
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 146
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 149

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam -Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG *(Tiếp theo)*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên
Chủ tịch

Bà Nguyễn Thị Trà My
Thành viên

Bà Lê Thị Lệ Hằng
Phó Chủ tịch

Ông Trần Đình Long
Thành viên

Ông Nguyễn Quang Trường
Thành viên

Ông Đỗ Bá Vọng
Thành viên

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh
Thành viên
Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Ông Nguyễn Khắc Hải
Thành viên
Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Lan Anh
Trưởng Ban

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh
Trưởng Ban
Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Ông Đỗ Tiến Sỹ
Thành viên

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Thành viên
Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

THÔNG TIN CHUNG *(Tiếp theo)*

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Bá Vọng
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Thọ
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc

Ông Dương Quang Sáu
Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu:
61201380/21043243 - HN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1575-2018-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3732-2016-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**858.445.488.392**	**876.654.762.261**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**4**	**307.787.170.377**	**284.863.979.715**
111	1. Tiền		193.787.170.377	205.213.979.715
112	2. Các khoản tương đương tiền		114.000.000.000	79.650.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**5**	**4.470.205.700**	**2.856.095.900**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		636.162.000	636.162.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(165.956.300)	(180.066.100)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.000.000.000	2.400.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**253.957.909.355**	**237.329.069.530**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	218.628.690.535	194.369.465.998
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	28.605.521.649	38.544.607.767
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	10.370.625.140	11.986.396.629
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(3.646.927.969)	(7.571.400.864)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**288.405.740.046**	**345.021.765.287**
141	1. Hàng tồn kho		299.509.594.341	353.579.281.258
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.103.854.295)	(8.557.515.971)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**3.824.462.914**	**6.583.851.829**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.819.549.300	4.912.976.948
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		337.130	1.511.852.317
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.576.484	159.022.564
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**909.246.784.229**	**684.543.805.034**
220	**I. Tài sản cố định**		**458.606.524.821**	**480.397.357.299**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	255.708.152.019	272.752.908.963
222	Nguyên giá		488.640.887.803	475.465.947.595
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(232.932.735.784)	(202.713.038.632)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	202.898.372.802	207.644.448.336
228	Nguyên giá		230.066.923.623	232.179.691.187
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.168.550.821)	(24.535.242.851)
240	**II. Tài sản dở dang dài hạn**		**272.812.773.056**	**13.193.010.235**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	272.812.773.056	13.193.010.235
250	**III. Đầu tư tài chính dài hạn**	**14**	**26.049.020.000**	**26.049.020.000**
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.049.020.000	26.049.020.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		151.778.466.352	164.904.417.500
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	21.569.002.305	9.095.495.376
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	29.3	3.735.044.808	3.249.829.739
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.005.116.229	1.005.116.230
269	4. Lợi thế thương mại	15	125.469.303.010	151.553.976.155
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.767.692.272.621**	**1.561.198.567.295**

B01-DN/HN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**639.112.532.008**	**508.604.518.070**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**544.620.534.624**	**397.693.718.394**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	107.328.489.913	100.290.893.103
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	51.250.853.615	51.547.686.494
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	9.558.203.789	10.936.927.137
314	4. Phải trả người lao động		32.045.487.639	30.235.341.459
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	12.542.515.165	9.386.827.253
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		186.417.600	328.878.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	118.681.044.701	86.241.608.826
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	20	180.115.294.942	81.253.352.792
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		32.912.227.260	27.472.203.330
330	**II. Nợ dài hạn**		**94.491.997.384**	**110.910.799.676**
337	1. Phải trả dài hạn khác		228.292.000	150.242.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	20	61.678.099.439	77.764.047.998
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	32.585.605.945	32.996.509.678
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.128.579.740.613**	**1.052.594.049.225**
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.128.579.740.613	1.052.594.049.225
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.869.880.000	175.869.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.000.000)	(50.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		396.858.632.148	361.419.776.103
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		148.966.207.884	102.133.331.443
421a	- (Lỗ)/lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(26.140.715.896)	(3.379.266.686)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		175.106.923.780	105.512.598.129
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		75.689.492.731	81.975.533.829
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.767.692.272.621**	**1.561.198.567.295**

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Như Quỳnh	**Phan Thế Tý**	**Trần Kim Liên**

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.652.512.844.541	1.693.435.626.606
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	134.060.820.933	134.060.820.933
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	1.518.452.023.608	1.605.380.007.080
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	974.701.686.797	1.032.379.596.885
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		543.750.336.811	573.000.410.195
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	6.632.523.078	7.145.379.211
22	7. Chi phí tài chính	25	16.414.817.344	23.965.500.796
23	Trong đó: chi phí lãi vay		10.656.640.853	12.165.515.463
25	8. Chi phí bán hàng	26	133.719.448.289	128.864.289.700
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	159.721.451.736	151.273.050.901
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		240.527.142.520	276.042.948.009
31	11. Thu nhập khác	27	4.678.837.379	3.769.185.948
32	12. Chi phí khác	27	6.201.543.715	2.996.118.343
40	13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(1.522.706.336)	773.067.605
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		239.004.436.184	276.816.015.614
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	29.796.455.206	25.438.833.555
52	16. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	29.3	1.749.352.930	(1.324.425.339)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		207.458.628.048	252.701.607.398
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		201.900.142.972	238.797.753.551
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	5.558.485.076	13.903.853.847
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	11.488	12.448
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	11.488	12.448

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**239.004.436.184**	**276.816.015.614**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		60.711.212.299	59.577.667.542
03	Các khoản dự phòng		(1.314.194.371)	1.695.665.886
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.723.291	(13.546.934)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.665.494.692)	(4.603.133.675)
06	Chi phí lãi vay		10.656.640.853	12.165.515.464
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**303.395.323.564**	**345.638.183.897**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(10.996.014.162)	106.922.298.710
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		54.069.686.917	(30.077.072.813)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(6.856.272.328)	7.220.338.595
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(11.380.079.281)	4.270.236.032
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	95.450.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.242.791.270)	(12.798.501.619)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(32.936.133.062)	(23.491.283.006)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.192.073.264)	(57.185.803.647)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**231.861.647.114**	**340.593.846.149**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(249.037.640.548)	(44.490.473.317)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		548.745.488	203.909.090
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.050.000.000)	-
24	Tiền thu hồi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		6.450.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(189.574.028.318)
26	Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác		-	500.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.464.357.703	6.206.872.524
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**244.624.537.357**	**(227.153.720.021)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

B02-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(17.170.898.895)	(10.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		379.315.847.202	369.671.221.475
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(296.539.853.611)	(354.851.627.985)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.916.290.500)	(31.646.520.742)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**35.688.804.196**	**(16.836.927.252)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**22.925.913.953**	**96.603.198.876**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**284.863.979.715**	**188.247.233.905**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		**(2.723.291)**	**13.546.934**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**307.787.170.377**	**284.863.979.715**

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk LắK
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 684 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 719 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY *(Tiếp theo)*

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
6	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	100%	100%	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Chế biến hạt giống và chế biến nông sản.

(*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, C***ông ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam*** đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Công ty thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh/ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty và các công ty con tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	2 - 5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho công nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty và các công ty con được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.
- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và các công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	11.018.256.059	17.581.312.941
Tiền gửi ngân hàng	182.768.914.318	187.632.666.774
Các khoản tương đương tiền (*)	114.000.000.000	79.650.000.000
TỔNG CỘNG	**307.787.170.377**	**284.863.979.715**

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất 4,5% đến 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: lãi suất từ 4,3% đến 5,3%/năm).

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM				SỐ ĐẦU NĂM			
	SỐ LƯỢNG	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ HỢP LÝ	DỰ PHÒNG	SỐ LƯỢNG	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ HỢP LÝ	DỰ PHÒNG
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	20.533	636.162.000	470.205.700	(165.956.300)	20.533	636.162.000	456.095.900	(180.066.100)
TỔNG CỘNG	20.533	636.162.000	470.205.700	(165.956.300)	20.533	636.162.000	456.095.900	(180.066.100)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 6,8%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5,1% đến 6,7%/năm).

PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	62.257.500.000	-
Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Điện Biên	4.614.290.000	7.641.542.000
Phòng Kinh Tế Huyện Hoài Nhơn - Bình Định	184.113.280	1.907.443.200
Phải thu từ khách hàng khác	151.391.366.255	184.820.480.798
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	181.421.000	-
TỔNG CỘNG	**218.628.690.535**	**194.369.465.998**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.425.923.574)	(7.350.396.469)

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán	401.403.460	7.494.525.612
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp	-	6.355.000.000
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	401.403.460	1.139.525.612
Trả trước cho nhà cung cấp khác	28.204.118.189	31.050.082.155
Ban Quản lý Dự án Khu Công nghiệp Hà Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Trần Hoài Linh	-	2.760.000.000
Hợp tác xã Hữu Nghị	-	2.327.000.000
Ông Nguyễn Quốc Khởi	-	1.820.422.245
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	26.204.118.189	22.142.659.910
TỔNG CỘNG	**28.605.521.649**	**38.544.607.767**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	3.859.702.484	6.288.351.367
Bồi thường giải phóng mặt bằng	2.114.960.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.877.300.000	3.284.000.000
Phải thu dự án	165.150.000	187.710.271
Phải thu khác	2.353.512.656	2.226.334.991
TỔNG CỘNG	**10.370.625.140**	**11.986.396.629**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(221.004.395)	(221.004.395)

NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

ĐỐI TƯỢNG NỢ	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI
Hợp tác xã Dịch Vụ Nông Nghiệp Đông Cửu	836.220.000		836.220.000	-
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông Nghiệp Tài Lộc	736.969.000		736.969.000	-
Công ty Thương Mại Dịch vụ Đăk Nông	605.937.458		605.937.458	-
Khách hàng khác	1.467.801.511		5.392.274.406	-
TỔNG CỘNG	**3.646.927.969**		**7.571.400.864**	**-**

HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG
Thành phẩm	251.588.071.376	(11.103.854.295)	303.451.594.784	(8.557.515.971)
Hàng hóa	12.367.710.866	-	17.462.094.078	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	30.742.162.363	-	29.246.090.465	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.721.414.859	-	2.527.380.104	-
Công cụ, dụng cụ	2.090.234.877	-	892.121.827	-
TỔNG CỘNG	**299.509.594.341**	**(11.103.854.295)**	**353.579.281.258**	**(8.557.515.971)**

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	8.557.515.971	6.899.057.653
Dự phòng trích lập trong năm (*)	10.680.653.657	9.458.402.498
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.134.315.333)	(7.799.944.180)
Số cuối năm	11.103.854.295	8.557.515.971

(*) Trong năm, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số chủng loại giống ngô và lúa không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	SỐ NĂM NAY	SỐ NĂM TRƯỚC
Ngắn hạn		
Chi phí bao bì, tem nhãn	2.683.919.097	3.920.247.670
Công cụ, dụng cụ	292.555.895	591.750.266
Chi phí sửa chữa, cải tạo	243.987.147	248.428.117
Khác	599.087.161	152.550.895
TỔNG CỘNG	**3.819.549.300**	**4.912.976.948**
Dài hạn		
Tiền thuê đất	17.845.269.577	5.166.057.200
Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.210.616.282	2.212.607.177
Công cụ, dụng cụ	513.116.446	766.275.282
Khác	-	950.555.717
TỔNG CỘNG	**21.569.002.305**	**9.095.495.376**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:						
Số đầu năm	290.098.862.094	128.678.558.352	46.391.837.941	5.234.786.909	5.061.902.299	475.465.947.595
Mua trong năm	2.040.783.302	7.400.467.246	5.014.580.114	36.545.455	-	14.492.376.117
Thanh lý	-	(71.874.000)	(1.245.561.909)	-	-	(1.317.435.909)
Phân loại lại	316.461.623	(316.461.623)	-	-	-	-
Số cuối năm	292.456.107.019	135.690.689.975	50.160.856.146	5.271.332.364	5.061.902.299	488.640.887.803
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	40.182.598.920	44.654.516.860	16.473.767.935	1.861.799.795	160.000.000	103.332.683.510
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	99.575.833.970	71.622.882.585	26.886.354.634	4.108.328.658	519.638.785	202.713.038.632
Khấu hao trong năm	16.696.843.394	9.985.719.371	3.827.438.358	591.866.216	287.711.028	31.389.578.367
Thanh lý	-	(43.923.000)	(1.125.958.215)	-	-	(1.169.881.215)
Số cuối năm	116.272.677.364	81.564.678.956	29.587.834.777	4.700.194.874	807.349.813	232.932.735.784
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	190.523.028.124	57.055.675.767	19.505.483.307	1.126.458.251	4.542.263.514	272.752.908.963
Số cuối năm	176.183.429.655	54.126.011.019	20.573.021.369	571.137.490	4.254.552.486	255.708.152.019

Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho khoản vay trung hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai. Khoản vay đã được hoàn trả trong năm và Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải chấp các tài sản này.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	BẢN QUYỀN	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:				
Số đầu năm	214.397.302.363	2.693.788.824	15.088.600.000	232.179.691.187
Tăng trong năm	-	391.362.000	100.000.000	491.362.000
Thanh lý	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Phân loại lại	(2.004.129.564)	-	-	(2.004.129.564)
Số cuối năm	212.393.172.799	3.085.150.824	14.588.600.000	230.066.923.623
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	678.890.520	605.463.824	9.536.600.000	10.820.954.344
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	12.512.128.444	1.471.598.966	10.551.516.682	24.535.244.092
Hao mòn trong năm	2.293.502.096	510.247.096	562.250.010	3.365.999.202
Thanh lý	-	-	(210.000.000)	(210.000.000)
Phân loại lại	(522.692.473)	-	-	(522.692.473)
Số cuối năm	14.282.938.067	1.981.846.062	10.903.766.692	27.168.550.821
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	201.885.173.919	1.222.191.099	4.537.083.318	207.644.448.336
Số cuối năm	198.110.234.732	1.103.304.762	3.684.833.308	202.898.372.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bao gồm trong giá trị Quyền sử dụng đất là giá trị khu đất tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ("Khu đất Lê Văn Sỹ"). Đây là khu đất của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC"), một công ty con của Công ty, và đã được công ty này sử dụng một phần giá trị khu đất để góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil ("Cantavil") theo Hợp đồng Liên doanh ngày 3 tháng 9 năm 2014 và các phụ lục Hợp đồng Liên doanh sau đó được ký với Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức ("Daewon-Thủ Đức"). Giá trị còn lại của khu đất sẽ được Cantavil chi trả bằng tiền cho SSC. Bên cạnh đó, SSC cũng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng và các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong Cantavil cho Daewon-Thủ Đức và tiến độ của việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng này sẽ phụ thuộc vào các điều kiện được nêu tại hợp đồng chuyển nhượng cũng như một số điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành, SSC chưa ghi nhận việc bàn giao đất Khu đất Lê Văn Sỹ cho Cantavil cũng như chưa ghi nhận các lợi ích và chi phí liên quan từ việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên.

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VND

	SỐ NĂM NAY	SỐ NĂM TRƯỚC
Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp (*)	270.192.259.670	-
Dự án Phương Mai	1.019.394.700	1.019.394.700
Dự án Củ Chi và Sơn La	727.701.756	11.903.862.672
Công trình khác	873.416.930	269.752.863
TỔNG CỘNG	272.812.773.056	13.193.010.235

(*) Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp được thực hiện tại cụm công nghiệp Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong năm, Công ty đã ghi nhận vào khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chi phí lãi vay với tổng số tiền là 6.514.184.797 VND (2018: không). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư hình thành tài sản.

Công ty sử dụng toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai và phần giá trị gia tăng liên quan cùng với các quyền và lợi ích khác phát sinh liên quan đến máy móc, thiết bị thuộc Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long như Thuyết minh số 20.2.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM				SỐ ĐẦU NĂM			
	GIÁ GỐC (VND)	SỐ LƯỢNG (CỔ PHIẾU)	DỰ PHÒNG (VND)	GIÁ TRỊ GHI SỔ (VND)	GIÁ GỐC (VND)	SỐ LƯỢNG (CỔ PHIẾU)	DỰ PHÒNG (VND)	GIÁ TRỊ GHI SỔ (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (i) (ii)	13.333.640.000	99.938	-	13.333.640.000	13.333.640.000	99.938	-	13.333.640.000
- Đơn vị khác (i) (iii)	12.715.380.000	94.188	-	12.715.380.000	12.715.380.000	94.188	-	12.715.380.000
TỔNG CỘNG	26.049.020.000		-	26.049.020.000	26.049.020.000		-	26.049.020.000

(i) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán..

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty sở hữu 10,03% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.

(iii) Đây là khoản đầu tư vào cổ phiếu của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và kinh doanh các sản phẩm giống cây trồng.

LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120	260.846.731.446
Số cuối năm	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120	260.846.731.446
Phân bổ lũy kế:				
Số đầu năm	21.245.669.825	905.096.173	87.141.989.293	109.292.755.291
- Phân bổ trong năm	2.655.708.728	191.100.605	23.237.863.812	26.084.673.145
Số cuối năm	23.901.378.553	1.096.196.778	110.379.853.105	135.377.428.436
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	5.311.417.456	1.005.909.872	145.236.648.827	151.553.976.155
Số cuối năm	2.655.708.728	814.809.267	121.998.785.015	125.469.303.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Phải trả nhà thầu xây dựng	16.253.226.518	16.253.226.518	3.664.066.840	3.664.066.840
Phải trả cho người bán	91.075.263.395	91.075.263.395	96.626.826.263	96.626.826.263
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	56.889.980.209	56.889.980.209	62.783.814.475	62.783.814.475
- Phải trả đối tượng khác	34.185.283.186	34.185.283.186	33.843.011.788	33.843.011.788
TỔNG CỘNG	**107.328.489.913**	**107.328.489.913**	**100.290.893.103**	**100.290.893.103**

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức (*)	23.816.250.000	23.816.250.000
Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (*)	16.183.750.000	16.183.750.000
Cửa hàng số 2 Lục Nam - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Giang	6.793.550	1.210.916.314
Người mua trả tiền trước khác	11.244.060.065	10.336.770.180
TỔNG CỘNG	**51.250.853.615**	**51.547.686.494**

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 12, đây là các khoản được Cantavil và Daewon - Thủ Đức trả trước cho Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các hợp đồng này chưa hoàn thành và các đối tác đang trong quá trình đàm phán điều chỉnh nội dung của các hợp đồng này.

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM	SỐ ĐÃ NỘP/BÙ TRỪ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Thuế giá trị gia tăng	476.145.247	875.370.332	566.502.253	785.013.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.894.438.738	31.190.792.865	32.936.133.062	8.149.098.541
Thuế thu nhập cá nhân	566.343.152	13.691.652.034	13.633.903.264	624.091.922
Thuế khác	-	4.522.606.790	4.522.606.790	-
TỔNG CỘNG	**10.936.927.137**	**50.280.422.021**	**51.659.145.369**	**9.558.203.789**

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí thuê đất	3.806.469.242	-
Chi phí mua bản quyền	3.791.710.521	3.877.921.600
Chi phí khuyến mãi, hoa hồng	2.505.781.556	2.952.954.450
Chi phí lãi vay phải trả	146.112.050	78.623.637
Chi phí phải trả khác	2.292.441.796	2.477.327.566
TỔNG CỘNG	**12.542.515.165**	**9.386.827.253**

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil (*)	45.710.250.000	45.710.250.000
Cổ tức phải trả	27.875.928.110	894.018.610
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Daewon - Thủ Đức (*)	14.289.750.000	14.289.750.000
Quỹ lương chưa thanh toán đã loại khi tính thuế TNDN	15.060.819.802	15.648.588.179
Phải trả lãi trái phiếu	5.382.098.630	781.150.685
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Chi phí phải trả - Các dự án lúa	1.790.279.520	771.779.846
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	1.259.414.542	851.501.469
Thù lao Hội đồng Quản trị	894.945.375	250.000.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	34.205.680	33.472.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.083.356.292	4.711.101.287
TỔNG CỘNG	**118.681.044.701**	**86.241.608.826**
Trong đó:		
- Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)	21.118.060.500	-
- Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	97.562.984.201	86.241.608.826

(*) Đây là giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ và giá trị còn lại của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (mặc dù Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam chưa yêu cầu và Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam cũng không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận được số tiền này). Như được trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 16.2, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp chưa được hoàn thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VAY VÀ NỢ

		SỐ ĐẦU NĂM		TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
		GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	TĂNG	GIẢM	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Vay ngắn hạn		***81.253.352.792***	***81.253.352.792***	***395.401.795.761***	***(296.539.853.611)***	***180.115.294.942***	***180.115.294.942***
Vay ngân hàng ngắn hạn	20.1	79.715.631.650	79.715.631.650	225.326.353.477	(233.464.411.327)	71.577.573.800	71.577.573.800
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	20.2	1.537.721.142	1.537.721.142	3.075.442.284	(3.075.442.284)	1.537.721.142	1.537.721.142
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	20.3	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	20.4	-	-	67.000.000.000	(60.000.000.000)	7.000.000.000	7.000.000.000
Vay dài hạn		***77.764.047.998***	***77.764.047.998***	***53.989.493.725***	***(70.075.442.284)***	***61.678.099.439***	***61.678.099.439***
Vay ngân hàng dài hạn	20.2	10.764.047.998	10.764.047.998	53.989.493.725	(3.075.442.284)	61.678.099.439	61.678.099.439
Trái phiếu công ty	20.4	67.000.000.000	67.000.000.000	-	(67.000.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG		**159.017.400.790**	**159.017.400.790**	**449.391.289.486**	**(366.615.295.895)**	**241.793.394.381**	**241.793.394.381**

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

TÊN NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	71.577.573.800	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 28 tháng 5 năm 2020. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	5.996.940 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được sở hữu bởi Công ty.
TỔNG CỘNG	**71.577.573.800**		

Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

TÊN NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	53.989.493.725	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 45 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 5 tháng 6 năm 2023. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai và phần giá trị gia tăng liên quan cùng với các quyền và lợi ích khác phát sinh liên quan đến máy móc, thiết bị thuộc Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp như Thuyết minh số 13.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	9.226.326.856	Hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Gốc vay thanh toán hàng quý theo lịch trả nợ của ngân hàng đối với từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	1.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được sở hữu bởi Công ty.
TỔNG CỘNG	**63.215.820.581**		
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	1.537.721.142		
Vay dài hạn	61.678.099.439		

Trái phiếu phát hành ngắn hạn

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành ngắn hạn được trình bày như sau:

TRÁI CHỦ	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	LÃI SUẤT (%/NĂM)	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	100.000.000.000	- Tiền gốc và lãi trái phiếu được thanh toán một lần tại thời điểm đáo hạn vào ngày 29 tháng 5 năm 2020.	9%	Không
TỔNG CỘNG	**100.000.000.000**			

Trái phiếu phát hành dài hạn

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành dài hạn được trình bày như sau:

TRÁI CHỦ	SỐ CUỐI NĂM (VND)	KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	LÃI SUẤT (%/NĂM)	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Các cá nhân	7.000.000.000	- Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần tại thời điểm đáo hạn vào ngày 14 tháng 5 năm 2020. - Lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.	9%	Không
TỔNG CỘNG	**7.000.000.000**			
Trong đó:				
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	7.000.000.000			
Trái phiếu phát hành dài hạn	-			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	VỐN GÓP	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
Năm trước							
Số đầu năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	304.975.948.390	135.386.025.237	134.753.884.937	1.059.271.386.414
Phát hành cổ phiếu	22.919.880.000	-	-	-	(22.919.880.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	238.797.753.551	13.903.853.847	252.701.607.398
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(10.000.000)	-	-	-	(10.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	80.189.844.698	(80.189.844.698)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(37.971.578.001)	(2.304.767.656)	(40.276.345.657)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	(3.902.002)	(7.649.087.040)	(7.652.989.042)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.030.920.378)	(351.704.933)	(1.382.625.311)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(23.746.016.985)	-	(606.127.146)	(24.352.144.131)
Thay đổi sở hữu trong công ty con và thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(128.884.427.912)	(55.289.600.406)	(184.174.028.318)
Khác	-	-	-	-	(1.049.894.354)	(480.917.774)	(1.530.812.128)
Số cuối năm	**175.869.880.000**	**331.245.527.850**	**(50.000.000)**	**361.419.776.103**	**102.133.331.443**	**81.975.533.829**	**1.052.594.049.225**

Đơn vị tính: VND

	VỐN GÓP	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
Năm nay							
Số đầu năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	361.419.776.103	102.133.331.443	81.975.533.829	1.052.594.049.225
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	201.944.682.972	5.558.485.076	207.503.168.048
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ kiểm soát trong công ty con do công ty con mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(10.772.626.274)	(6.398.272.621)	(17.170.898.895)
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	57.851.196.332	(57.851.196.332)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(29.500.501.707)	(665.703.930)	(30.166.205.637)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(52.723.548.000)	(4.174.652.000)	(56.898.200.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(5.461.808.741)	(339.587.674)	(5.801.396.415)
Sử dụng quỹ (**)	-	-	-	(22.412.340.287)	-	(252.154.855)	(22.664.495.142)
Khác	-	-	-	-	1.241.959.483	(14.155.094)	1.228.259.429
Số cuối năm	**175.869.880.000**	**331.245.527.850**	**(50.000.000)**	**396.858.632.148**	**148.966.207.884**	**75.689.492.731**	**1.128.579.740.613**

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 được thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty và các công ty con.

(**) Công ty và các công ty con đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	TỔNG SỐ	CỔ PHIẾU THƯỜNG	TỔNG SỐ	CỔ PHIẾU THƯỜNG
Vốn góp	175.869.880.000	175.869.880.000	175.869.880.000	175.869.880.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần PAN FARM	140.787.070.000	140.787.070.000	140.787.070.000	140.787.070.000
Các cổ đông khác	35.082.810.000	35.082.810.000	35.082.810.000	35.082.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	331.245.527.850	331.245.527.850
TỔNG CỘNG	**507.115.407.850**	**507.115.407.850**	**507.115.407.850**	**507.115.407.850**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Vốn đã góp		
Số đầu năm	175.869.880.000	152.950.000.000
Tăng trong năm	-	22.919.880.000
Số cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	52.723.548.000	22.923.782.000
Cổ tức cho năm 2018: 3.000 đồng/cổ phiếu	52.723.548.000	-
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017 (0,15 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	-	22.919.880.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2017	-	3.902.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	26.361.774.000	45.849.074.000
Cổ tức cho năm 2018: 1.500 đồng/cổ phiếu	26.361.774.000	-
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017 (0,15 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	-	22.919.880.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2017	-	3.902.000
Cổ tức cho năm 2017: 1.500 đồng/cổ phiếu (*)	-	22.925.292.000

Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	CỐ PHIẾU	CỔ PHIẾU
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.586.988	17.586.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	17.586.988	17.586.988
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	12.472	12.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.574.516	17.574.516
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2018: 10.000 đồng/cổ phiếu)

CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước (VND)	762.740.055	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ Nhà nước (VND)	217.737.436.318	35.206.848.108
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	25.158	11.603
- Euro (EUR)	170	2.171
- Nhân dân tệ (CNY)	80.316	10.096
Nợ khó đòi đã xử lý	9.973.777.125	4.585.690.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng doanh thu	1.652.512.844.541	1.693.435.626.606
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.647.713.527.366	1.689.051.250.715
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.799.317.175	4.384.375.891
Các khoản giảm trừ doanh thu	134.060.820.933	88.055.619.526
Chiết khấu thương mại	50.166.139.769	44.821.721.101
Hàng bán bị trả lại	82.389.436.824	39.230.525.745
Giảm giá hàng bán	1.505.244.340	4.003.372.680
Doanh thu thuần	1.518.452.023.608	1.605.380.007.080
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.513.652.706.433	1.600.995.631.189
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.799.317.175	4.384.375.891
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba	1.516.782.814.008	1.604.962.353.080
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.669.209.600	417.654.000

Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi	3.592.004.410	2.410.220.968
Cổ tức được chia	1.914.744.794	3.788.787.040
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.007.258.044	754.456.824
Hỗ trợ lãi vay vốn	-	176.467.769
Khác	118.515.830	15.446.610
TỔNG CỘNG	**6.632.523.078**	**7.145.379.211**

GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	972.155.348.473	1.030.721.138.567
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.546.338.324	1.658.458.318
TỔNG CỘNG	**974.701.686.797**	**1.032.379.596.885**

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	10.656.640.853	12.165.515.463
Chiết khấu thanh toán	4.235.123.866	9.636.943.362
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.513.787.296	1.873.350.813
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(14.109.800)	155.817.900
Chi phí khác	23.375.129	133.873.258
TỔNG CỘNG	**16.414.817.344**	**23.965.500.796**

CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí bán hàng		
- Chi phí tiền lương, tiền công lao động	44.957.921.948	42.239.353.029
- Chi phí vận chuyển	29.082.273.071	25.905.499.291
- Chi phí khấu hao	3.442.766.362	2.196.548.924
- Chi phí bán hàng khác	56.236.486.908	58.522.888.456
TỔNG CỘNG	**133.719.448.289**	**128.864.289.700**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí tiền lương	75.612.166.042	72.773.361.202
- Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	26.084.673.146	26.084.673.145
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	58.024.612.548	52.415.016.554
TỔNG CỘNG	**159.721.451.736**	**151.273.050.901**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập khác	4.678.837.379	3.769.185.948
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	2.239.538.508	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	476.096.488	-
Thu nhập từ cho thuê kho	300.922.182	900.000.000
Thu nhập khác	1.662.280.201	2.869.185.948
Chi phí khác	6.201.543.715	2.996.118.343
Hỗ trợ người nông dân	3.826.821.600	-
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	807.686.024	-
Lỗ từ thanh lý tài sản	317.351.000	1.595.874.333
Lãi phạt chậm nộp thuế	216.336.114	390.328.871
Xóa sổ khoản phải thu	-	206.784.794
Chi phí khác	1.033.348.977	803.130.345
(LỖ)/LỢI NHUẬN THUẦN	**(1.522.706.336)**	**773.067.605**

CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	820.344.016.261	1.017.399.083.999
Chi phí nhân công	165.698.219.208	157.401.478.490
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	60.711.212.299	59.577.667.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.505.619.253	81.430.931.038
Chi phí khác	56.119.647.936	30.580.241.827
TỔNG CỘNG	**1.211.378.714.957**	**1.346.389.402.896**

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ (KH&CN), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

(i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;

(ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và

(iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các công ty con

Thuế suất của thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con khác là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.796.455.206	25.224.430.047
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	214.403.508
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.749.352.930	(1.324.425.339)
TỔNG CỘNG	**31.545.808.136**	**24.114.408.216**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	239.004.436.184	276.816.015.614
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con		
Hoạt động khoa học và công nghệ: 5%	9.018.114.563	10.506.226.249
Hoạt động khoa học và công nghệ: 20%	-	9.225.234.071
Hoạt động khác: 20%	27.651.798.926	5.215.553.456
Các khoản điều chỉnh		
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất kinh doanh	(451.918.728)	(461.962.110)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	214.403.508
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	549.806.175	699.774.010
Chi phí phải trả và các chênh lệch khác	13.029.083	3.190.987
Cổ tức được chia	(5.235.021.883)	(1.288.011.955)
Chi phí thuế TNDN	31.545.808.136	24.114.408.216

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí phải trả	2.929.722.999	2.634.736.201	(2.109.801.859)	991.789.640
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	443.064.198	293.850.922	(91.469.799)	(129.326.411)
Lợi nhuận chưa thực hiện	341.595.038	300.580.043	41.014.995	51.058.377
Giao dịch bán tài sản nội bộ	20.662.573	20.662.573	-	-
	3.735.044.808	3.249.829.739	(2.160.256.663)	913.521.606
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản của các công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh	32.585.605.945	32.996.509.678	410.903.733	410.903.733
	32.585.605.945	32.996.509.678	410.903.733	410.903.733
(Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(1.749.352.930)	1.324.425.339

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

CÁC BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	1.669.209.600	417.654.000
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức bằng tiền	21.118.060.500	17.206.875.000
		Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	26.074.570.000
		Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	-	1.948.800

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2018: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

CÁC BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NGHIỆP VỤ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dung PAN	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu khách hàng	181.421.000	-
			181.421.000	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	21.118.060.500	-
			21.118.060.500	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lương và các chi phí liên quan	12.359.317.963	11.767.028.059
	12.359.317.963	11.767.028.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	201.900.142.972	238.797.753.551
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(20.021.480.676)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	201.900.142.972	218.776.272.875
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.574.516	17.574.516
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh để cho các yếu tố suy giảm	17.574.516	17.574.516
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.488	12.448
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.488	12.448

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2018. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26/NQ-ĐHCĐ2019 ngày 24 tháng 4 năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2019 chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2018.

CÁC CAM KẾT

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đến 1 năm	7.671.627.109	5.170.090.254
Trên 1- 5 năm	10.520.013.193	5.873.003.112
Trên 5 năm	20.696.789.710	16.644.250.362
TỔNG CỘNG	**38.888.430.012**	**27.687.343.728**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1402133347 của Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 1 tháng 11 năm 2019, vốn điều lệ của công ty này là 216.072.191.000 VND. Tại ngày 8 tháng 1 năm 2020, Công ty đã có biên bản xác định vốn góp và thực hiện góp đủ số vốn cam kết vào Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam.

Thỏa thuận liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản thỏa thuận chủ yếu liên quan đến việc hoàn thiện Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp với số tiền ước tính là 44,7 tỷ VND.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Như Quỳnh	**Phan Thế Tý**	**Trần Kim Liên**

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

VINASEED®

A MEMBER OF THE PAN GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

VIETNAM NATIONAL SEED GROUP JSC.
Trụ sở chính: Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.
Số điện thoại: (84) 24 38523294 - Fax: (84) 24 38527996
Email: nsc@vinaseed.com.vn
Website: www.vinaseed.com.vn